

diễn đàn

Số 68 / 1.11.1997

ISSN 1164-2378

F O R U M



Willem de Kooning. tranh khắc litho, 1960

Pháp ngôn : bên kia bờ huyền thoại

Nguyễn Ngọc Giao

Trung tuần tháng 11 này, *Hội nghị cấp cao các nước cùng chia sẻ tiếng Pháp* lần thứ 7 (gọi tắt là Hội nghị Pháp ngôn) sẽ họp tại Hà Nội.

Đây là lần đầu tiên mà khối *Francophonie* (49 nước) họp hội nghị thượng đỉnh tại châu Á (6 lần trước đều họp ở châu Phi và Pháp). Cũng là lần đầu tiên mà thủ đô Việt Nam đăng cai một hội nghị quốc tế ở quy mô lớn như vậy (người ta chờ đợi sự có mặt của mấy chục tổng thống và thủ tướng, 2 000 đại biểu, 600 nhà báo).

Nói tới các nước “ Pháp ngôn ” cố nhiên phải bắt đầu bằng nước Pháp. Người ác miệng, trong đó trước tiên là chính một số người Pháp, thường mỉa mai rằng *franco-phonie* chẳng qua chỉ là câu chuyện *cocorico-phonie*, tiếng gáy xé chiều của con gà trống Gôloa, nuôi tiếc thời đại hoàng kim, cái thời mà mặt trời không bao giờ lặn trên lãnh thổ của đế chế Pháp, trải dài từ quần đảo Antilles, qua châu Phi, tới “ cõi Đông Pháp ”, sang tận Tân Đảo, Tahiti..., cái thời mà không chỉ các nhà ngoại giao, mà cả các *honnêtes hommes* (quân tử tây) trên đời cũng đều nói tiếng Pháp, nghĩ bằng tiếng Pháp... Sau Điện Biên Phủ, sa lầy ở Algérie, nước Pháp của tổng thống De Gaulle đã “ giải thực ”, trao trả độc lập cho hàng chục nước thuộc địa ở châu Phi. Nhưng trong gần ba thập niên, cuộc giải thực chỉ có tính chất hình thức, chính quyền bản địa về danh nghĩa nằm trong tay người bản xứ (phần đông là những hạ sĩ quan Quân đội Viễn chinh Pháp ở Đông Dương, tiêu biểu nhất là “ thống chế hoàng đế ” Bokassa), bên cạnh đó là những cố vấn người Pháp, còn về mặt kinh tế, thì thực quyền vẫn nằm nguyên trong tay các tập đoàn thực dân cũ, hoặc những đại công ty khai thác tài nguyên như Elf. Châu Phi *Pháp ngôn*, từ De Gaulle đến

mục lục

2 Giới thiệu sách mới K.V.

Thời sự & những vấn đề

- 1 Francophonie : bên kia bờ huyền thoại N.N.Giao
4 Tin tức
9 Kinh tế : bước ngoặt mùa thu Hải Vân

Văn hoá & khoa học & nghệ thuật

- 12 Tinh thần đạo Phật và kinh tế Bùi Mộng Hùng
14 Đọc thơ Lê Đạt (thơ) Đặng Tiến
15 Thế hệ họa sĩ trẻ Văn Ngọc
18 Cái chết đã ổn định (thơ) Diễm Châu
19 Ý Nhi : lời đối đáp tĩnh/động Nguyễn Trung
20 Bệnh “ thương nhớ đồng quê ” Thu Hà
21 Khi văn nghệ sĩ mở... quán ! Minh Trí
22 Tôi về Việt Nam Vũ Thanh Ca
27 Thời tiết của ký ức (truyện ngắn) Bảo Ninh

(xem tiếp trang 10)

đón đọc

Thời đại

tạp chí nghiên cứu & thảo luận

số 1 sẽ phát hành tháng 12-1997 với các bài :

- Trương Đình Hoà, *Văn hệ Kim Vân Kiều truyện*.
 Vĩnh Sinh, *Về mối liên hệ giữa Phan Bội Châu và Nguyễn Ái Quốc ở Trung Quốc 1924-1925*.
 Vũ Quang Việt, Đặng Thọ Xương, Nguyễn Văn Chính và Nguyễn Sinh Cúc, *Kinh tế nông thôn Việt Nam sau đổi mới và viễn tượng tương lai*.
 Lê Văn Cường, *Một vài vấn đề kinh tế trong thời kỳ chuyển đổi*.
 Nguyễn Huệ Chi, *Đọc "Việt Nam Phật giáo sử luận"*.
 Bùi Mộng Hùng, *Hệ y tế Việt nam trước thử thách của thực tại : liên tục và gián đoạn*.
 Trần Văn Khê : *Nét nhạc dân tộc trong những sáng tác của Lưu Hữu Phước*.
 Bùi Trọng Liễu : *Làng xưa*.

Ban chủ biên lâm thời :

Lê Thành Khôi, Lê Văn Cường, Trần Hải Hạc

Địa chỉ liên lạc : Lê Văn Cường, Editeur Revue THỜI ĐẠI, CEPREMAP, 142 rue Chevaleret, 75013 Paris, FRANCE.
 Fax : Lê Văn Cường, Revue THỜI ĐẠI, 33 1 44 24 38 57
 E-mail : levan@cepremap.msh-paris.fr
 Mua dài hạn : 180 FF (4 số) / giá bán mỗi số : 50 FF (ngân phiếu đề tên LE VAN, gửi về địa chỉ trên).

HỘI HOẠ VIỆT NAM

Chuyên gia tìm mua tác phẩm của các họa sĩ

Nguyễn Gia Trí

Nguyễn Sáng

Lưu Văn Sìn

Lương Xuân Nhị

Dương Bích Liên

Mai Thứ

Lê Phổ

Vũ Cao Đàm

ĐT (buổi tối) : 01 39 52 70 56

sách mới sách mới sách mới

☐ Nguyễn Huy Thiệp, *Như những ngọn gió*, truyện ngắn và kịch do Anh Trúc tuyển chọn, Nhà xuất bản Văn Học, 1997, 732 tr. Gồm 24 truyện ngắn và 5 vở kịch của tác giả mà tên tuổi đã đi vào văn học cách đây đúng 10 năm với truyện ngắn *Tướng về hưu*. Sách in xong tháng 7.1997, nhưng lời giới thiệu đầu sách viết từ năm 1995. Nếu chúng tôi không lầm, đây là tái bản của lần in năm đó, song vì không có trong tay bản này để so sánh, nên không rõ có thay đổi, bổ sung gì không. Chỉ biết vở kịch *Quý ở với người* (chuyển thể từ truyện ngắn *Không có vua*), trong bản in lần này, mang cái tên hiền lành hơn : *Gia đình*.

☐ Viện sử học, *Nhà sử học Trần Văn Giáp*, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1996, 438 tr. Sách này tập hợp năm công trình chuyên khảo (toàn văn hoặc trích) của học giả Trần Văn Giáp (1898-1973) đã viết từ 1932 đến những năm 1960, về lịch sử và văn học cổ Việt Nam. Mở đầu có tóm tắt tiểu sử tác giả, do Nguyễn Quang Ân soạn, và một bài viết của Tạ Ngọc Liễn. Cuối sách có bảng thư mục Trần Văn Giáp. Công trình quan trọng nhất (toàn văn) là *Phật giáo Việt Nam từ khởi nguyên đến thế kỷ XIII* (do Tuệ Sĩ dịch từ nguyên tác tiếng Pháp). Tuệ Sĩ hiện nay vẫn bị giam cầm, không rõ nhà xuất bản có nhớ thanh toán quyền dịch giả cho ông chăng.

☐ *Cái ấm đất*, tuyển những truyện hay viết cho thiếu nhi (1940-1950), do Bằng Thanh và Hải Yến tuyển chọn, Nhà xuất bản Trẻ, TP HCM, 1997, 388 tr. Gồm 22 truyện ngắn của nhiều tác giả, trong đó xin kể Hồ Dzếnh, Khái Hưng, Tô Hoài, Nguyên Hồng, Hoàng Đạo, Thạch Lam, Nguyễn Tuân, Thế Lữ, Tú Mỡ, Xuân Diệu...

☐ Nguyễn Khải, *Truyện ngắn & Tạp văn*, Nhà xuất bản Trẻ, TP HCM, 1997, 364 tr. Gồm 10 truyện ngắn, 9 bài viết về nghề văn (dưới tên gọi chung *Chuyên nghề*) và 13 bài tạp văn, viết trong thời gian 1995-96. Nguyễn Khải là nhà văn thế hệ 1930 nghĩa là đã về già, song vẫn sung sức và sắc sảo như trước đây mười năm, hai mươi năm. Văn của ông không để ai thờ ơ, người ta chỉ có thể phản ứng mạnh, hoặc mê, phục, hoặc ghét, giận, hoặc cả hai.

☐ Nguyễn Khắc Viện, *Một đời lời*, Nhà xuất bản Trẻ,

N.Q.T. OPTIQUE

Melle NGUYEN QUANG
opticien diplômé

SPECIALISTE VARILUX

Remise 20 % : verres Essilor, lentilles jetables, montures & solaires de grandes marques, loupes jumelles thermomètres
Montures en promotion jusqu'à 50 % et autres remises non cumulables.

Heures d'ouverture : matin 9 h 30 à 13 h
après-midi 14 h 30 à 19 h 00

(fermé samedi après-midi & lundi matin)

137 Boulevard de Grenelle, 75015 PARIS, Tél : 01 45 66 93 27
Métro : Cambronne ou La Motte Picquet Grenelle ; Bus : 49, 80.

TP HCM, 1997, 144 tr. Chắc đây là cuốn sách đầu tiên của tác giả được công bố sau ngày ông từ trần. In lại bản văn *Một đôi lời* xuất bản năm 1985 : một cán bộ mới về hưu, tâm sự với bạn trẻ. Cuối sách in thêm bài *Lại một đôi lời*, viết vào mùa xuân 1996, một trong những bài viết chính trị của Nguyễn Khắc Viện.

▣ **Bùi Minh Quốc, *Hồi đó ở Sa Kỳ***, tiểu thuyết, Nhà xuất bản Đà Nẵng, 1996 (đề ở trang đầu, nhưng đầu năm 1997 mới in xong), 252 tr. Tái bản lần thứ hai của một cuốn tiểu thuyết viết xong năm 1978, đã được giải A cuộc “ vận động sáng tác vì tương lai con em chúng ta ”.

▣ **Huyền Dũng Nhân, *Ký sự Xuyên Việt***, Nhà xuất bản Công an Nhân dân, 1996, 304 tr. Cây bút phóng sự quen thuộc của báo Lao Động (sinh năm 1955). Một thể loại ít phổ biến trên báo chí Việt Nam trong hai thập niên vừa qua. 13 bài phóng sự về Tây Bắc, Tây Nguyên, DMZ (vùng giới tuyến phi quân sự), làng Chăm, Cát Bà, Phú Quốc... Thêm bài thứ 14 : *Một lần xuất ngoại* (kể chuyện Đài Loan, Hồng Kông).

▣ **Alan Sokal & Jean Bricmont, *Impostures intellectuelles***, Editions Odile Jacob, 1997, 276 tr.

Những ai đã theo dõi vụ *con cá thối tư* của nhà vật lý học Alan Sokal (Trường đại học New York, xem bài của Hàn Thuỷ, *Diễn Đàn* số 64), đều biết bài báo *đưa dai* của ông đăng trên tạp chí *Social Text* đã gây sóng gió như thế nào trong giới khoa học xã hội, không những ở bên kia bờ Đại Tây Dương, mà ở cả bên này, vì các nhà tư tưởng “ hậu hiện đại ” ở Bắc Mỹ lại thường viện dẫn những triết gia thời thượng ở Pháp. Một phần cuộc tranh luận này đã xuất hiện trên các nhật báo Pháp (*Le Monde, Libération...*), với sự tham gia của cả một số nhà vật lý học và chuyên gia về lịch sử khoa học, phương pháp luận.

Có thể coi *Impostures intellectuelles* (viết chung với Jean Bricmont, cũng là một nhà vật lý học lý thuyết, TĐH Louvain, Bỉ) là tiếp tục cuộc tranh luận nói trên. Song, cũng có thể đọc cuốn sách này như một tác phẩm độc lập. Tác giả trích dẫn những đoạn mà mười triết gia nổi tiếng của Pháp (từ Lacan, qua Deleuze, Guattari, Kristeva.. đến Debray, Serre) sử dụng những khái niệm toán học, lôgic toán, vật lý học... một cách có thể nói lịch sự là tùy tiện. Vấn đề là họ không dùng những khái niệm đó như những danh từ, như những hình ảnh (nếu muốn hoán dụ, thì phải dùng hình ảnh dễ hiểu, chứ không ai lại dùng những quái chiêu lôgic toán như định lý Gödel, người ngoài nghề không thể và không cần hiểu) mà lại có ý “ áp dụng ” những định lý toán học, những định luật vật lý vào khoa học xã hội và nhân văn. Hai tác giả không hề *múa gậy vườn hoang*, đánh giá công trình của các tác giả kể trên trong lãnh vực chuyên môn của họ. Đây lẽ ra là dịp để giới khoa học xã hội rà lại phương pháp luận của mình. Đáng tiếc một số tác giả đã bỏ lỡ cơ hội, và biến cuộc tranh luận khoa học nghiêm chỉnh thành “ *âm mưu của chủ nghĩa đế quốc văn hoá Mỹ chống biệt lệ Pháp* (exception française) ”. Khiếp thật. Chỉ xin giới thiệu trước như vậy, để bạn đọc tìm mua cuốn sách và đón đọc bài của Hàn Thuỷ trong số sau.

Kiến Văn

Giá biểu quảng cáo và rao vặt

Rao vặt : từ 1 đến 3 dòng : 50 F, từ dòng thứ 4 trở đi, mỗi dòng thêm 10 F (mỗi dòng chiều ngang 5,9 cm, khoảng 15 ký hiệu).

Quảng cáo : 1/8 trang : 180 F, 1/4 trang : 300 F, 1/2 trang : 550 F, 1 trang : 1000 F (*giá này chưa tính thuế TVA 20,6 %*)

Đăng liên tiếp nhiều số báo : lần thứ hai : bớt 10 %, từ lần thứ ba trở đi : bớt 20 %

Chứng từ đăng tải : sau khi báo ra, toà soạn sẽ gửi hoá đơn và bản sao chụp trang có đăng quảng cáo hay rao vặt. Nếu muốn nhận nguyên số báo, xin thêm 25 F (tiền số báo + cước phí bưu điện).

Phiếu mua báo *Diễn Đàn*

Họ và tên

Địa chỉ

.....

.....Điện thoại :

mua một năm báo *Diễn Đàn* kể từ số.....

Kèm theo đây là ngân phiếuFF

đề tên DIEN DAN gồm :

.....FF là tiền mua báo (Pháp, kể cả các tỉnh và lãnh thổ

DOM-TOM : 250 FF ; châu Âu ngoài Pháp : 280 FF ; và các nước ngoài châu Âu : 330 FF)

.....FF là tiền ủng hộ.

Xin gửi phiếu này và *séc* (hoặc *money order*) về địa chỉ :

DIEN DAN, B.P. 50, 92340 BOURG-LA-REINE (FRANCE).

Bạn đọc ở **Châu Âu** thuộc khối Liên hiệp kinh tế UE có thể ra bưu điện chuyển thẳng số tiền tương đương với 280 FF vào trương mục (CCP) số 30041 00001 044161W020 76 của *Diễn Đàn*. Như vậy tránh được cho chúng tôi hơn 80 FF lệ phí các loại mỗi lần nhận được Eurocheque hoặc Money Order.

Bạn đọc ở **Hoa Kỳ** xin ký séc 65 USD đề tên ông HOANG NGUYEN và gửi về toà soạn (*xem trên*).

Bạn đọc ở **Canada** xin gửi *money order* 65 USD đề tên ông HOANG NGUYEN và gửi về toà soạn (*xem trên*).

Bạn đọc ở **Úc** : *money order* 65 USD đề tên ông HOANG NGUYEN và gửi về toà soạn (*xem trên*).

Bạn đọc ở **Ba Lan**, giá đặc biệt : số tiền zloti tương đương với 15 USD / năm, *sec* đề tên Anna Le Duc, tài khoản XO/PBP Warszawa,

1603-179360-170-4 Warszawa (for Forum), hoặc chuyển tiền qua bưu điện đến địa chỉ : Anna Le Duc, 03-914 WARSZAWA, ul. Saska 44/19.

Bạn đọc ở **Thụy Sĩ** có thể thanh toán (70 FS/năm) vào trương mục Journal DIENDAN, CCP 12-83273-3, 1211 GENEVE I : xin viết thư về toà soạn để chúng tôi gửi phiếu chuyển ngân (*bull. de versement virement*).

Bạn đọc ở **Đức** có thể gửi séc 80 DM cho ông TRAN, Am Stadtpark 6, 92237 SULZBACH-ROSENBERG hoặc chuyển khoản vào trương mục (Überweisung) DIEN DAN - FORUM (Bank : SPARKASSE AMBERG-SULZBACH, Konto : N° 380 48 94 76 : BLZ 752 500 00)

Tin tức Tin tức

Chính sách mới (?) đối với Việt kiều

Ngày 17.9.1997, Thủ tướng chính phủ đã ban hành Quyết định số 767/TTg về một số biện pháp chính sách mới đối với cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài. Quyết định có hiệu lực từ ngày 15.10.1997.

Tinh thần chủ yếu của các biện pháp chính sách này, theo tạp chí Quê Hương của Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài, là “*đáp ứng tâm tư nguyện vọng của kiều bào, giảm bớt sự khác biệt giữa người Việt Nam ở trong nước và ở ngoài nước, tạo điều kiện thuận lợi cho kiều bào trong vấn đề xuất nhập cảnh, lưu trú và lãnh sự, đồng thời có những chủ trương lớn với ý nghĩa lâu dài hỗ trợ cho cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài*”. Quyết định có những vấn đề chính như sau :

– Tăng thời hạn thị thực (lên tới 6 tháng), cho phép gia hạn ở trong nước (kiều bào về nước cho tới nay khi hết hạn thị thực phải ra khỏi Việt Nam để xin gia hạn ở một lãnh sự quán Việt Nam tại nước ngoài – chú thích của ĐĐ –), giảm lệ phí thị thực, lưu trú đối với công dân Việt Nam mang hộ chiếu Việt Nam ở Lào, Thái Lan, Campuchia, Trung Quốc và đối với diện kiều bào được ưu tiên như có công với nước, các trí thức được mời về nước làm việc.

– Cho phép công dân Việt Nam mang hộ chiếu Việt Nam định cư ở nước ngoài khi về nước được hưởng giá dịch vụ như đối với người Việt ở trong nước khi vào thăm viện bảo tàng, triển lãm, di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, biểu diễn nghệ thuật. Riêng vé máy bay, đối với diện kiều bào được ưu tiên thì hưởng giá vé máy bay trong nước.

– Cho phép người hồi hương được mua, thuê nhà ở như đối với người Việt Nam ở trong nước, nhập khẩu miễn thuế tài sản tư trang mang theo cho cá nhân và gia đình theo quy định của luật pháp hiện hành.

– Các cơ quan hữu quan đề xuất biện pháp chính sách sử dụng và khuyến khích trí thức kiều bào về làm việc trong nước, khuyến khích động viên chuyên gia thể thao là người Việt Nam định cư ở nước ngoài tham gia các hoạt động thể thao trong nước và quốc tế, có hướng dẫn cụ thể khuyến khích người Việt Nam ở nước ngoài đầu tư vào trong nước, có biện pháp hợp pháp hoá những đầu tư dưới danh nghĩa người Việt Nam ở trong nước...

↳ Ngoài một số cởi mở nhỏ nhoi, người ta không thể không nhấn mạnh tới ý chủ đạo hiện rõ trong văn kiện này như nó vẫn xuyên suốt các chính sách của nhà nước từ xưa tới nay đối với người Việt Nam ở nước ngoài. Đó là : lòng ngờ vực đi kèm với những phân biệt đối xử lúc nhiều, lúc ít, lên xuống theo những toan tính thiếu cần. Thực ra thì lòng ngờ vực này không chỉ là đối với người Việt ở nước ngoài mà là đối với cả toàn dân, thể

hiện ở đây là sự từ chối thực hiện quyền tự do đi lại của công dân đã được ghi trong hiến pháp. Trong khi nhà nước đã ký hiệp định bãi miễn thị thực đối với nhiều nước trên thế giới, những người mang hộ chiếu Việt Nam vẫn là một thiểu số ít ỏi của nhân loại phải xin thị thực để trở về nước, nhà của mình. Không có sự gia tăng thời hạn, giảm lệ phí hoặc những lời hoa mỹ nào che lấp được điều cơ bản ấy. Trong bài phỏng vấn ông Nguyễn Ngọc Hà, phó chủ nhiệm Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài và là người phụ trách ủy ban này tại TP HCM, đăng trên tờ Thời báo Kinh tế Sài Gòn ngày 25.9, cả tờ báo và ông Hà đều nhấn mạnh tới “*những ưu đãi*” mà chính sách mới mang lại cho Việt kiều. Người ta có thể đặt câu hỏi : tại sao ưu đãi ? Và có thực đa số Việt kiều đòi hỏi ưu đãi khi về nước hay chỉ đòi hỏi được tôn trọng và đối xử công bằng, đúng đắn ? Khi những quyền tự do căn bản của người dân được tôn trọng thì không cần phải nhắc đi nhắc lại nhiều lần lời kêu gọi đóng góp, số người Việt sinh sống ở nước ngoài muốn về nước tham gia vào những hoạt động kinh tế, xã hội, văn hoá, dài hay ngắn hạn, sẽ nhân lên. Nếu không, làm sao trí thức Việt kiều có thể thoải mái về nước đóng góp khi bạn bè mình ở trong nước không thể tự nhiên đi lại, gặp gỡ, chuyện trò với mình về cuộc làm ăn sinh sống của họ, về cái nhìn của họ đối với xã hội chung quanh, đối với kinh tế, chính trị, v.v... ?

Lại một nhà báo bị bắt

Ông Nguyễn Hoàng Linh, tổng biên tập tuần báo **Doanh Nghiệp** đã bị bắt giam ngày 8.10.1997, về tội “*tiết lộ bí mật quốc gia*”. Ông Linh có thể bị kết án tới 15 năm tù về tội danh nói trên. Những người quen biết ông Linh ở Hà Nội đã được một nhân viên tờ báo cho biết tin này ngày 13.10. Theo nguồn tin, ông Linh bị bắt về một loạt bài đăng hồi tháng 5 về hai vụ mua tàu tuần duyên ở Tổng cục hải quan. Vụ thứ nhất, từ 1994 tới 1996, Tổng cục hải quan đã bỏ ra hơn 4 triệu đôla để mua 4 chiếc tàu vận tốc cao của Ukraina. Theo những bài báo của ông Linh, đây là những chiếc tàu cũ đã 25 năm, được sơn phết lại cho mới, kèm theo giấy tờ giả mạo ghi ngày đóng tàu vào năm 1992. Ba trong bốn chiếc tàu đó đã phải đem sửa chữa ngay khi vừa được mang về. Giá thực của 4 tàu, theo **Doanh Nghiệp**, chỉ là 1,3 triệu đôla, phần khác biệt đã vào túi một số nhân viên cao cấp của tổng cục. Tờ báo còn nói, thương vụ này đã được giao cho một công ty gần gũi với tổng cục thực hiện, và nêu trách nhiệm của tổng cục trưởng, ông Phan Văn Dĩnh, về “*những sai sót*” trong vụ này. Trong một vụ khác, tổng cục đã dự tính mua 4 chiếc tàu của Úc, trị giá 5,6 triệu đôla. Việc mua bán không thành, nhưng tiền dự chi đã không cánh mà bay...

Sau khi các hãng thông tấn đưa tin ông Linh bị bắt (AFP, Reuter ngày 13.10), Amnesty International đã ra một tuyên cáo, ngày 14.10 tại Hà Nội, tỏ ý nghi ngờ về lý do thực của vụ bắt bớ và cho rằng ông có thể sẽ bị xử một cách không công bằng (face an unfair trial). Theo Amnesty International, “*người ta chưa rõ có phải ông Linh bị bắt giữ chỉ vì đã phát biểu những quan điểm của mình*”, “*Trong trường hợp đó, Amnesty International sẽ coi ông ta là một tù nhân lương tâm, và đòi cho ông được trả tự do lập tức và không điều kiện*”. Tuyên cáo có phần vãi của Amnesty International

Những quan điểm và chủ trương kinh tế của thủ tướng Phan Văn Khải

Trả lời phỏng vấn trên Thời báo kinh tế Sài Gòn (ngày 2.10.1997) và Tuổi Trẻ chủ nhật (5.10.1997), thủ tướng Phan Văn Khải đã trình bày một số quan điểm và chủ trương kinh tế của tân chính phủ mà ông đứng đầu.

Mục tiêu hàng đầu : tăng trưởng xuất khẩu

Nhận nhiệm vụ thủ tướng, điều lo lắng lớn nhất của tôi chính là làm thế nào giữ cho được tốc độ tăng trưởng cao, bền vững, lâu dài.

Trước đây, Việt Nam từ chỗ thiếu ăn phải đẩy mạnh sản xuất lương thực, sản xuất thực phẩm, phát triển cây công nghiệp. Bây giờ thì sản xuất thừa, chứ không thiếu. Nhưng tốc độ sẽ không tăng được nữa là vì không có nhu cầu, thiếu đầu ra. Chúng ta phải chuyển dịch cơ cấu kinh tế hướng vào xuất khẩu, phát huy cho được lợi thế của nước ta. Lợi thế đó là gì ? Một là, lao động của chúng ta rẻ hơn các nước ; thứ hai, chúng ta là một nước nông nghiệp nhiệt đới.

Thách thức lớn nhất của nhiệm kỳ chính phủ này là chuyển dịch được cơ cấu nền kinh tế nước ta theo hướng tăng cường khả năng cạnh tranh bảo đảm xuất khẩu ngày càng lớn. Tốc độ tăng xuất khẩu thời kỳ tới phải làm sao luôn luôn cao gấp ba lần tốc độ tăng trưởng chung của nền kinh tế. Muốn tăng trưởng kinh tế 9-10 % thì xuất khẩu phải tăng ở mức 28-30 %. Chứ còn nhu cầu trong nước, mỗi năm chỉ tăng có vài phần trăm và chỉ có dựa vào 76 - 77 triệu dân trong nước thì không thể có sự tăng trưởng kinh tế 9-10 % được.

Vốn trong nước : một sân chơi bình đẳng

Điều mà nền kinh tế Việt Nam hiện nay đang thiếu nhất là vốn, trước hết là vốn trong nước.

Phải nói rằng lâu nay chính phủ chưa thành công trong việc huy động vốn trong nước trong khi vốn trong dân còn rất lớn. Nhà nước chưa tạo điều kiện để mọi người dân yên tâm bỏ vốn ra làm ăn. Một đất nước mà dân chưa yên tâm bỏ vốn ra làm ăn thì không thể trở thành một nước giàu được. Chúng ta phải thấm nhuần chỉ đạo " *vốn trong nước là quyết định, vốn nước ngoài là quan trọng*".

Chính phủ nhiệm kỳ này phải tập trung làm cho bằng được việc khơi động tiềm năng to lớn này. Để người dân yên tâm làm ăn, điều cần nhất là mặt bằng pháp luật phải bình đẳng với mọi người làm ăn. Lâu nay, cái sân chơi ấy chưa bằng phẳng, còn mấp mô. Còn có doanh nghiệp này hay doanh nghiệp khác được ưu đãi, có nghĩa là còn doanh nghiệp bị thiệt thòi. Chúng ta chủ trương tăng cường sức cạnh tranh, nhưng ra thi đấu thì như đã chấm người nào thắng rồi. Phải làm sao để ai có tài, ai có khả năng, người đó sẽ phát triển nhanh. Nếu cứ đi vào ưu đãi hoặc bảo hộ vô điều kiện với doanh nghiệp nào đó thì sẽ kìm hãm sức phát triển của nước ta.

Then chốt và cấp bách : cải cách khu vực doanh nghiệp nhà nước

Đẩy mạnh cải cách khu vực doanh nghiệp nhà nước là vấn đề then chốt và cấp bách để nâng cao hiệu quả và sức

cạnh tranh của nền kinh tế, bảo đảm sự phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Quốc doanh muốn chủ đạo thì phải có điều kiện : chủ đạo là phải làm ăn có hiệu quả, chứ chủ đạo mà làm ăn thua lỗ thì làm sao mà chủ đạo được ; hai là quốc doanh làm ăn, sản xuất các mặt hàng phải có chất lượng cao để cạnh tranh trong nước và ngoài nước thì mới giữ vai trò chủ đạo của mình.

Các doanh nghiệp nhà nước rồi đây sẽ phải phân loại ra. Có loại nhà nước phải giữ 100 % vốn quốc doanh. Có loại nhà nước dùng hình thức đan xen các loại sở hữu như là sở hữu quốc doanh, sở hữu tư nhân, sở hữu của doanh nghiệp khác bỏ vốn vào. Ngoài ra, nhà nước sẽ xử lý dứt điểm các doanh nghiệp không có vai trò quan trọng, làm ăn thua lỗ, chiếm khoảng một nửa số lượng doanh nghiệp nhà nước. Tùy từng doanh nghiệp mà nhà nước dùng hình thức xử lý thích hợp như là hợp nhất với doanh nghiệp khác, cổ phần hóa, cho thuê, giải thể hoặc cho phá sản...

Vai trò nhà nước : tạo điều kiện cho các doanh nghiệp làm ăn

Chính phủ mong muốn tất cả các doanh nghiệp của các thành phần kinh tế - kể cả doanh nghiệp quốc doanh - hoạt động theo pháp luật. Nghĩa là họ phải hoàn toàn chủ động về chiến lược sản xuất mặt hàng của họ. Họ phải chủ động tính toán về kế hoạch, về kinh doanh của họ. Vai trò của nhà nước chủ yếu là làm thể chế, làm chính sách, để tạo điều kiện, tạo môi trường cho các doanh nghiệp làm ăn có hiệu quả.

Quản lý doanh nghiệp nhà nước có nghĩa là phải xem xét doanh nghiệp làm ăn có hiệu quả không, làm có đúng chính sách không, có đúng luật pháp không, và qui hoạch tương lai của ngành nghề như thế nào. Nhưng chắc chắn rằng sẽ không can thiệp sâu như trước đây để duyệt từng kế hoạch, chi cái gì, làm cái gì. Tóm lại, vai trò quản lý của nhà nước là đi vào quản lý vĩ mô, còn sản xuất kinh doanh giao cho các doanh nghiệp.

Bài học Thái Bình : công khai hóa thu chi

Nhiệm vụ của hệ thống chính quyền là phục vụ dân, phục vụ các doanh nghiệp cho họ làm ăn, chứ ngoài ra không có chức năng nào khác. Đất nước muốn giàu có thì làm sao để mọi người làm ăn yên ổn.

Qua kinh nghiệm Thái Bình, chính phủ phải tăng cường giáo dục cán bộ. Nhưng đó chỉ là một phần. Cái chính là chúng ta phải phát huy cho được quyền làm chủ của dân, quyền giám sát của dân và tất cả các ngành phải công khai hóa những việc của mình làm. Ví dụ, chính quyền địa phương vừa rồi huy động tiền bạc của dân nhưng lại lấy tiền đó để chi xài cá nhân thì dân mới bất bình. Còn muốn huy động vốn dân bao nhiêu, chi dùng vào việc gì, công trình gì, làm chuyện gì là phải công khai.

Sắp tới sẽ có qui định thành nghị định của chính phủ. Không chỉ ở cấp xã mà ngay như văn phòng chính phủ hàng năm lĩnh bao nhiêu tiền từ ngân sách nhà nước dùng vào việc gì đều phải công khai hóa. Các đoàn thể cũng phải vậy. Vì tiền đó là tiền của dân. Và chỉ có biện pháp đó mới ngăn ngừa được tình trạng cán bộ lấy tiền của dân để tiêu xài.

đã được báo **Nhân Dân** ngày 20.10 lợi dụng lên lớp, rằng “*Thật nực cười là khi ngay sau một vụ bắt giữ, người ta đã tin rằng người bị bắt sẽ không được đưa ra xử một cách công bằng, và trong trường hợp đó đòi trả tự do lập tức cho người đó*” (dịch lại từ tiếng Anh).

☞ **Điều Nhân Dân** quên không nghĩ tới là do đâu mà có phản ứng nghi ngờ đó. Nếu gia đình người bị bắt được quyền tiếp xúc, chăm sóc họ. Nếu nhà nước ta quen truyền thống tôn trọng pháp luật mình đưa ra. Nếu không có biết bao lần những “*tội hình sự*” đã được đưa ra để che dấu những đàn áp đối với các công dân chỉ phạm tội duy nhất là không đồng ý với nhà cầm quyền. Nếu những nhà báo – của Đảng, chưa có báo chí tự do – không bị hạch sách, uốn nắn đủ điều mỗi khi đưa ra công luận những sai trái của các cấp uỷ đây quyền uy. Nếu v.v. và v.v..., thì vì đâu nên nỗi ! Đúng là, dù những cái nếu đó chưa được thực hiện người ta cũng không thể cứ muốn nói gì thì nói, buộc tội nhà cầm quyền những điều họ vô can. Song, trong trường hợp bắt giữ một nhà báo ở Việt Nam hiện nay, có thể nào không đặt ra những câu hỏi về các lý do thầm kín đằng sau những tuyên cáo ít ỏi và chẳng có gì bảo đảm được tính trung thực của nhà cầm quyền ? (tin AFP, Reuter 13, 14, 20.10.1997).

Tích cực chuẩn bị hội nghị Pháp ngôn

Một tháng trước hội nghị thượng đỉnh các nước có sử dụng tiếng Pháp (francophonie), với sự giúp đỡ tích cực của Paris, Hà Nội đã bước vào giai đoạn chạy đua với thời gian để hoàn thành những chuẩn bị cho hội nghị, sẽ diễn ra trong 3 ngày 14-16 tháng 11. Trên nguyên tắc, 49 nước sẽ cử phái đoàn cấp cao tham dự hội nghị, với tất cả khoảng 2 000 đoàn viên. Cộng thêm 600 nhà báo quốc tế, chỗ ở là vấn đề gay gắt đầu tiên được đặt ra. Hà Nội hiện chỉ có hai khách sạn cỡ 4 sao quốc tế, nhiều người tham dự hoặc nhà báo sẽ phải tạm trú ở những khách sạn chất lượng thấp hơn. Hội trường chính đặt tại nhà hát lớn thành phố cũng chỉ sẽ hoàn thành công tác trùng tu cuối tháng 10 này, hai tuần trước ngày khai mạc, và các công tác kiểm tra những trang bị phục vụ hội nghị sẽ phải làm trong nước rút. Sự đưa đón một khối lượng chưa từng có ở Việt Nam các đoàn nguyên thủ các nước, với khoảng 800 xe ô tô, là một mối lo lớn nhưng tới giữa tháng 10 ban tổ chức vẫn chưa tổ chức được một cuộc diễn tập nào...

Về mặt nội dung, Diễn đàn doanh nghiệp Pháp ngôn lần thứ VI đã được tổ chức ở thành phố HCM ngày 6.10, quy tụ gần 350 người đến từ 25 nước khác nhau, đồng thời với một hội chợ trao đổi kinh tế gồm 87 gian hàng của nhiều nước. Sau đó 10 ngày, Hà Nội đã đón tiếp ông Jacques Dondoux, thứ trưởng ngoại thương Pháp trong chuyến đi tiền trạm chuẩn bị cho cuộc viếng thăm chính thức Việt Nam của tổng thống Chirac hai ngày trước ngày khai mạc hội nghị. Ông Dondoux, là nhân vật đầu tiên của chính phủ Pháp tiếp xúc với chính phủ mới của Việt Nam, cũng đã chuyển tới thủ tướng Phan Văn Khải một thông điệp hữu nghị của thủ tướng Pháp, trong đó ông Lionel Jospin nhấn mạnh tới sự gắn bó của nước Pháp đối với các mối quan hệ chính trị và kinh tế với Việt Nam. Ông Dondoux đã thảo luận với một số bộ trưởng Việt Nam về việc ký kết một số dự án đầu tư của các doanh nghiệp Pháp trong chuyến đi của tổng thống Chirac.

Mặt khác, Hiệp hội các đại học sử dụng toàn phần hay một phần tiếng Pháp (AUPELF-UREF) đã tổ chức tại Huế, trong ba ngày 19-21.10, một hội nghị toàn cầu về vấn đề giảng dạy tiếng Pháp, với sự tham dự của gần 300 quan chức, nhà nghiên cứu, nhà giáo của nhiều nước. (AFP 6, 16, 17, 21.10.1997)

Nhân sự chính phủ mới (tiếp theo)

Ngày 3.10, chính phủ Phan Văn Khải đã họp phiên họp đầu tiên, trong đó việc phân công công việc giữa thủ tướng và các phó thủ tướng đã được xác định. Ngoài việc lãnh đạo chung, ông Khải sẽ trực tiếp chỉ đạo các lĩnh vực an ninh, quốc phòng, tư pháp, thanh tra, tôn giáo, chống tham nhũng, buôn lậu, tổ chức cán bộ, cải cách hành chính và một số lĩnh vực kinh tế-xã hội quan trọng trong từng thời gian. Ông Nguyễn Tấn Dũng làm nhiệm vụ phó thủ tướng thường trực, phụ trách kinh tế tổng hợp, quan hệ với quốc hội, toà án nhân dân tối cao, viện kiểm sát nhân dân tối cao, Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể khác. Lĩnh vực phụ trách của các phó thủ tướng khác như ĐĐ đã đưa trong số trước.

Ngoài ra, danh sách những người phụ trách các cơ quan chính phủ đã được công bố như sau :

Tổng cục bưu điện : Mai Liêm Trực.

Tổng cục du lịch : Võ Thị Thắng.

Tổng cục hải quan : Phan Văn Dĩnh.

Tổng cục thống kê : Lê Văn Toàn

Tổng cục khí tượng thủy văn : Nguyễn Đức Ngũ.

Tổng cục địa chính : Bùi Xuân Sơn.

Cục hàng không dân dụng : Nguyễn Hồng Nhị.

Ban vật giá chính phủ : Nguyễn Quang Tuấn.

Ban tôn giáo chính phủ : Lê Quang Vịnh.

Ban biên giới chính phủ : Trần Công Trực.

Ban cơ yếu (chiffre - cipher office) chính phủ : Đỗ Văn Ân.

Học viện chính trị quốc gia HCM : Nguyễn Đức Bình.

Học viện hành chính quốc gia : Nguyễn Duy Gia.

Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn quốc gia : Nguyễn Duy Quý.

Trung tâm khoa học tự nhiên và công nghệ quốc gia : Đặng Vũ Minh.

Đài tiếng nói VN : Trần Mai Hạnh.

Thông tấn xã VN : Hồ Tiến Nghị.

Đài truyền hình VN : Hồ Anh Dũng.

Tổng kiểm toán nhà nước : Vương Hữu Nhơn.

Cục dự trữ quốc gia : Ngô Xuân Huê.

Ủy ban chứng khoán quốc gia : Lê Văn Châu.

Chủ tịch bảo hiểm xã hội VN : Hồ Tế.

Ban quản lý lăng chủ tịch HCM : Nguyễn Quang Tấn.

Ủy ban dân số và kế hoạch hoá gia đình : Trần Thị Trung Chiến, bộ trưởng.

Ủy ban bảo vệ và chăm sóc trẻ em : Trần Thị Thanh Thanh, bộ trưởng.

Tổng công ty dầu mỏ và khí đốt VN : Hồ Sĩ Thoảng.

Quốc hội mới cũng đã cử bà Nguyễn Thị Bình làm phó chủ tịch nước, ông Trịnh Hồng Dương làm chánh án Toà án nhân dân tối cao, ông Hà Mạnh Trí làm viện trưởng viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Phá giá tiền tệ : 12293 đồng/1 đô la

Nạn nhân mới nhất của cơn bão tiền tệ-tài chính ở Đông Nam Á, Hà Nội đã buộc phải phá giá đồng bạc Việt Nam ngày 13.10 vừa qua. Dưới sức ép của những hoạt động đầu cơ gây khan hiếm đô la trên thị trường Việt Nam từ hơn ba tháng nay, Ngân hàng nhà nước đã ra quyết định cho phép các ngân hàng mua bán đô la trong một phạm vi biên độ mở rộng đến 10 % trên hay dưới tỷ giá chính thức, thay vì 5 % như trước đây. Từ nay tỷ giá sàn được ấn định lại là 12293 đồng/1 đô la, thay vì 11734 đồng áp dụng từ đầu tháng 3.1997. Mặc dù Ngân hàng nhà nước khẳng định không phá giá đồng Việt Nam bởi vì tỷ giá chính thức vẫn ở mức 11176 đồng/1 đô la, song trong thực tế điều chỉnh tỷ giá sàn có nghĩa là chấp nhận một sự phá giá không nói tên lên đến 4,55 %. Và ngay ngày đầu tiên, một số ngân hàng đã mua bán ngoại tệ theo tỉ giá 12250 đồng/1 đô la, sát với tỉ giá sàn.

Đại diện của Quỹ tiền tệ quốc tế, Erik Offerdal, đã lên tiếng tán thành quyết định điều chỉnh hối suất của Hà Nội nhằm duy trì khả năng cạnh tranh của hàng hóa Việt Nam trên thị trường thế giới sau khi các nền kinh tế khác trong khu vực đã phá giá tiền tệ. Tính từ đầu tháng 7, đồng baht Thái Lan đã phá giá 28 %, đồng ringgit Malaysia 18 %, đồng rupiah Indonesia 30 %, đồng peso Philipin 19 %. Bốn nước này hiện tiêu thụ khoảng 5 % hàng xuất khẩu của Việt nam, đồng thời là những nước cạnh tranh trực tiếp với Việt Nam trên các thị trường xuất khẩu gạo, cà-phê, hàng may mặc, giày dép ...

Trong giới ngân hàng nước ngoài ở Hà Nội, không phải không có ý kiến cho rằng mức phá giá hạn chế nói trên không đủ để chấm dứt những sức ép đầu cơ đối với đồng Việt Nam. Đối với chính phủ Hà Nội, quan tâm hàng đầu là duy trì tín nhiệm của đồng Việt Nam đang lưu hành song song với đô la Mỹ trên lãnh thổ Việt nam. Ngân hàng nhà nước cũng cho

biết sẵn sàng sử dụng dự trữ ngoại tệ – tương đương với 10 tháng nhập khẩu – để bảo vệ đồng Việt Nam.

Ngoài ra, phá giá đồng Việt Nam còn có nghĩa là tăng giá hàng nhập như xăng dầu hay phân bón, đồng thời tăng gánh nặng nợ nước ngoài của Việt Nam. Dù sao, theo ông Lê Đăng Doanh, viện trưởng viện nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương, “ phá giá tiền tệ không phải là liều thuốc vạn năng để nâng đỡ xuất khẩu, mà còn phải được kết hợp với giảm giá thành và tăng năng suất ”. Riêng trong lãnh vực nông sản, theo ông Doanh, cần cải tổ lại hệ thống thu mua hiện nay có lợi cho những doanh nghiệp xuất khẩu quốc doanh nhưng làm cho nhà nông phải chịu thiệt thòi. (AP, Reuters, Financial Times, 14 và 15.10.97)

TIN NGẮN

- Kết thúc một chuyến đi thăm chính thức Việt Nam trong 5 ngày 14-19.10, phó thủ tướng Iraq Mohammed Hamza al Zubeidi và thủ tướng Phan Văn Khải đã cùng chủ trì một lễ ký kết những hiệp định hợp tác về các lĩnh vực khai thác dầu mỏ, trồng lúa và mậu dịch giữa hai nước. Những hiệp định này sẽ có hiệu lực sau khi Liên hiệp quốc bãi bỏ cấm vận đối với Iraq.

- Theo Viện huyết học và truyền máu trung ương, có khoảng 200 trường hợp người bán máu bị nhiễm vi khuẩn HIV của bệnh Sida và ít nhất 100 người đã bị lây vì được truyền máu của những người bị nhiễm. Ông Đỗ Trung Phan, viện trưởng Viện máu cho biết thực ra rất khó biết đích xác số người bị nhiễm HIV đã tới các bệnh viện bán hoặc cho máu. Phần lớn họ giấu tên tuổi thực, cho địa chỉ sai. Theo những con số bán chính thức, Việt Nam hiện có hơn 84 000 người bị nhiễm HIV.

- Bộ Y tế vừa đề đạt với chính phủ thành lập một hệ thống các ngân hàng máu. Dự án có phí tổn khoảng 30 triệu

Chuyện ngôn từ thời đổi mới

Liệt sĩ Thánh Gióng !

Báo Thanh Niên ngày 20.10.1997 kể lại một câu chuyện xảy ra ở Hội Văn nghệ Đồng Tháp, nội dung như sau.

Tờ Văn nghệ Đồng Tháp, cơ quan của Hội, số 1, bộ mới (tháng 4.1997), đăng một bài ca cổ mang tên *Mẹ mùa xuân* của tác giả Đặng Tiền Duyên, trong đó có đoạn viết :

“... Có phải Thánh Gióng xưa tiêu biểu cho liệt sĩ đầu tiên của dân tộc, và mẹ Thánh Gióng là bà mẹ anh hùng trong lịch sử buổi bình minh...”

Một hội viên của hội, ông Trần Minh Tạo, trong một buổi họp góp ý với ban biên tập đã đề nghị xem lại trường hợp này, vì dùng từ “ liệt sĩ ” cho Thánh Gióng dễ gây lầm lẫn trong ý thức độc giả, thính giả rằng Thánh Gióng đã bị giặc Ân giết chết. Sau khi góp ý, ông Trần Minh Tạo liền bị “ phản pháo ”. Ông bị quy tội “ Có ý nghi ngờ trình độ của ban Biên tập ; Không rành tiếng Việt mà dám góp ý ; đã xúc phạm, xem thường, làm điều đáng phẫn nộ...”. Và theo một biên tập viên của báo Văn nghệ Đồng Tháp thì “ liệt sĩ chỉ là một chiến sĩ liệt oanh và vẫn còn sống, nên gọi liệt sĩ cho

Thánh Gióng rất đất, rất đạt, rất hay ”. (Trích thư của ông Trần Minh Tạo ngày 21-8-1997).

Sau đó, ông Tạo đã viết một “ Tờ kính trình ” phản ánh về vụ việc trên gửi Ban chấp hành hội và các hội viên, tác giả cùng chung phân hội văn học với ông. Chẳng may cho ông Tạo, “ Tờ kính trình ” bị coi là xúc phạm nặng nề hơn tới hội Văn nghệ Đồng Tháp, và ông bị gọi lên làm kiểm điểm, rồi khai trừ khỏi hội vì tội “ do thối mắc cá nhân, làm ảnh hưởng xấu đến tổ chức ” (chứ không liên quan gì đến bất đồng trong buổi họp, theo Ban chấp hành hội khi được báo Thanh Niên hỏi về sự việc)...

↳ Theo thiên ý, ông Tạo bị trục xuất khỏi hội Văn nghệ là đáng. Tiếng nói là của Đảng, văn dĩ nhiên cũng là của Đảng, mà ở địa phương hội Văn nghệ là một đại diện chân chính, quyền chi ông thối mắc ? Nghiêm trọng hơn là việc báo Thanh Niên đã đăng một bài “ tiết lộ bí mật ” của một cơ quan nhà nước. Tội này nhẹ hơn tội “ tiết lộ bí mật quốc gia ” của ông Nguyễn Hoàng Linh trên báo Doanh Nghiệp (xem trên), nhưng các cơ quan chức năng lẽ ra cũng phải xử lý nhà báo đã phạm tội chứ. Bí mật nếu không được bảo vệ thì các chiến sĩ liệt oanh (xin lỗi, liệt sĩ) của Đảng làm sao làm ăn sinh sống ?

Vi Bút

đóla đã được Ngân hàng thế giới nhận tài trợ, có khả năng lưu trữ và xử lý 500 000 lít máu mỗi năm, đáp ứng khoảng 50 % nhu cầu của cả nước. Theo những thống kê chính thức, Việt Nam có khoảng 500 người mắc bệnh ưa chảy máu (hémophilie), song con số thực có thể là 10 lần nhiều hơn.

- Theo bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, trong số 8 086 xí nghiệp được thanh tra từ tháng 5 tới tháng 10, hơn 3 700 xí nghiệp đã bị phạt vì vi phạm luật bảo vệ môi trường, phần lớn vì không có thiết bị xử lý chất thải. Trong số này, 54 xí nghiệp phạm lỗi nặng đã bị buộc phải đóng cửa.

- Bệnh sốt xuất huyết (dengue) vẫn hoành hành ở Việt Nam, chỉ riêng trong 9 tháng đầu năm nay đã làm 125 người thiệt mạng, trong đó riêng tỉnh Trà Vinh có 62 người. Bệnh do một vi khuẩn truyền qua nọc của muỗi, giống như sốt rét. Theo bộ Y tế, gần 45 ngàn người đã bị nhiễm bệnh trong năm nay.

- Theo một nghiên cứu của trường đại học y khoa TP HCM, khoảng 70 % người lớn ở Việt Nam bị nhiễm vi khuẩn Helicobacter Pylori, là vi khuẩn gây ra bệnh đau dạ dày. Tỷ lệ này tương đương với tỷ lệ được biết ở những nước ăn cơm dùng đũa gấp chung thức ăn.

- Ngân hàng thương mại châu Á (ACB), ở Singapore, là ngân hàng đầu tiên đã phát hành các thẻ tín dụng Visa ở Việt Nam. Theo công ty Visa International, ACB sẽ phát hành khoảng 2 000 thẻ từ nay tới cuối năm, và hiện có 2 600 doanh nghiệp ở Việt Nam đã cam kết nhận cho khách hàng thanh toán với thẻ Visa.

- Theo bản báo cáo năm 1997 của tổ chức phi chính phủ Transparency International đánh giá tình hình tham nhũng ở 52 quốc gia trên thế giới, Việt Nam đứng ở hạng thứ 10 của những nước có nạn tham nhũng gay gắt nhất, sau Nigeria (vô địch), Bolivia, Colombia, Nga, Pakistan, Mexico, Indonesia, Ấn Độ và Venezuela. Dưới Việt Nam, có Trung Quốc (12), Philipin (13), Thái Lan (14), Hàn Quốc (19), Malaysia (21), Đài Loan (22), Nhật (32), Pháp (33), Hồng Kông (35), Hoa Kỳ (37), Singapore (44)...

- Theo Việt Nam Thông Tấn Xã, số gia đình VN đổ vỡ phải ra toà lên tới khoảng 30%. Theo những nhà nghiên cứu xã hội, số phụ nữ độc lập về kinh tế gia tăng và mức sống lên, là hai trong những yếu tố đưa đến hiện tượng này.

- Cảnh sát Hà Nội định trang bị bằng một số súng bắn sơn của Mỹ, trị giá trên 100USD một khẩu, nhằm giải quyết nạn đua xe ban đêm ở Hà Nội. Những xe gắn máy chạy đua với tốc độ cao qua các đường phố ban đêm gây tiếng động và làm mất an toàn. Hiện nay có khoảng 500 thanh niên tham gia các cuộc đua này và khoảng trên ngàn người xem. Cho đến nay 30 người bị thương phải đưa đi nhà thương.

Đẩy mạnh giảng dạy kỹ thuật tin học

Bộ Giáo dục và đào tạo (BGDDT) đã quyết định đưa ra một chương trình nhằm hệ thống hoá việc đưa các kỹ thuật tin học vào giáo trình từ thấp đến cao. Theo dự án ban đầu tin học sẽ là một môn chính trong trung học và hai năm đầu đại học. Học sinh sẽ học những cơ bản và những khái niệm như “ mạng lưới thông tin ”, “ quản lý hệ thống ”, “ cơ sở dữ

liệu (data base) ” hoặc là quen với những hệ điều hành máy tính (operating systems) như DOS, những ngôn ngữ chương trình. Hiện nay những chương trình học tin học giẫm chân lên nhau và có khi mâu thuẫn với nhau. Sách giáo trình đã đến lúc cần được soạn lại. Bộ sẽ xây dựng một trung tâm và khoa tin học có trình độ cao và sâu. Hiện VN có khoảng 300 giáo sư tin học trong đó có 30 tiến sĩ (TS) và phó tiến sĩ (PTS), 150 người có bằng cao học (masters of science – MS). Một chương trình huấn luyện cho 20 PTS, 120 MS và 6500 sinh viên được tổ chức. Bộ dự định đến năm 2000 sẽ có khoảng 20 000 sinh viên tốt nghiệp khoa tin học. (VNNTTX 13.10.97)

Đồ giả tăng trên thị trường

Trong bảy tháng đầu năm, số hàng giả đã tăng nhảy vọt 50%, mặc dầu những luật lệ tăng cường nghiêm cấm sản xuất đồ giả của chính phủ. Sau ngày Việt Nam ký kết với Mỹ một văn bản về “ quyền sở hữu tri thức ” người ta hy vọng nạn làm đồ giả giảm, nhưng trên thực tế, những biện pháp đưa ra quá yếu ớt, thiếu phương tiện và nhân sự không đủ để điều tra ra nguồn gốc hàng giả. Biên giới Việt Nam và các nước láng giềng không được kiểm soát chặt chẽ. Theo Vietnam Investment Review thì hàng giả trên thị trường Việt Nam gồm 30% đến từ các nước Trung Quốc, Lào và Cam Bốt, 30 % làm tại chỗ. Công ty Microsoft ước khoảng 99% chương trình máy tính ở Việt Nam là chương trình sao chép. Trên thị trường không một mặt hàng nào là không bị bắt chước, từ nước giải khát, hàng vệ sinh, hàng điện tử, hàng may mặc, thuốc men, gây tai nạn cho khách hàng và làm điều đúng kinh tế. (Financial Times 14.10.97)

Nike và công nhân Việt Nam

Công ty sản xuất giày Nike vừa bị xử phạt 5000 USD vì người quản lý một công ty con ở Việt Nam Pou Chen (của Đài Loan), sản xuất hàng mang nhãn hiệu Nike, bắt công nhân sản xuất dương vật bằng cao su. Sự việc đổ vỡ khi một số dương vật được đưa tặng một nhân viên ban quản lý hãng nhân ngày sinh nhật của ông ta ! Cũng trong vụ này một quan chức của công ty cho biết có năm công nhân Việt Nam đã bị công an bắt vì làm săng-ta đòi 30 000 USD nếu không sẽ tố cáo việc sản xuất phạm pháp nói trên.

Tuy Nike không có chi nhánh ở Việt Nam, nhưng có năm hãng thầu Đài Loan sử dụng 30 000 công nhân Việt Nam sản xuất hàng mang nhãn hiệu Nike. Hồi tháng tư, một tổ chức theo dõi tình hình lao động trên thế giới, trụ sở ở Nữ Uớc, đã tố cáo trong một báo cáo những điều kiện làm việc tồi tệ của họ, buộc Nike phải lên tiếng đính chính và hứa hẹn sửa đổi. (Reuter 13.10.97)

- Công nhân hai hãng Nam Triều Tiên tại Hà Nội đã đình công vì tranh chấp trên vấn đề lương bổng. Tại hãng Kasvina, ban quản trị đã quyết định không tăng lương như hợp đồng quy định vì một số hàng bị khách hàng Âu châu trả lại do không đủ chất lượng. Tại hãng Dae-Yun Co. Ltd ban quản trị đã cắt một nửa tiền năng suất lao động (16 USD một tháng) đồng thời đòi nâng từ 2000 đôi lên 2200 đôi giày tại mỗi khâu sản xuất.

Kinh tế : bước ngoặt mùa thu

“ Nhip độ tăng trưởng kinh tế nước ta bao gồm sản xuất, đầu tư đang có chiều hướng chững lại. Sức mua của dân giảm sút. Ngay cả du lịch nước ngoài vào cũng giảm so với những năm trước ...” Lời phát biểu đầu tiên với báo chí (Tuổi Trẻ ngày 5.10.1997) của ông Phan Văn Khải, ngay sau khi nhậm chức thủ tướng, công nhận một thực tế mà những nhà lãnh đạo Hà Nội không né tránh được nữa. Cho đến đầu mùa hè vừa qua, chính phủ nhận định rằng tình hình kinh tế sáu tháng đầu năm 1997 “ vẫn duy trì được nhip độ tăng trưởng khá ”, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) tăng 9,1 % so với cùng thời kỳ năm trước. Vào đến mùa thu, tân thủ tướng cho biết bắt đầu nhiệm kỳ của mình với “ nhiều khó khăn hơn, nền kinh tế có những biểu hiện sa sút so với trước ” (Thời báo kinh tế Sài Gòn ngày 2.10.1997), tuy nhiên chỉ số tăng trưởng GDP của chín tháng đầu năm không được công bố.

Đến nay, những số liệu thống kê chính thức chỉ cho biết nông nghiệp năm nay trúng mùa lớn và ước tính cả ba mùa lúa sẽ cho sản lượng 27,7 triệu tấn, nếu tính cả màu thì năm 1997 sẽ đạt con số kỷ lục 30,6 triệu tấn qui ra thóc. Trong khi đó, tốc độ tăng trưởng công nghiệp chín tháng đầu năm (12,8 %) ở mức thấp nhất từ ba năm nay. Theo dự báo, dù có đẩy mạnh sản xuất trong quý tư thì sản lượng công nghiệp cả năm 1997 chỉ có khả năng tăng khoảng 13-13,5 % (năm 1996 tăng 14,1 %), không thể thực hiện được kế hoạch đề ra (14-14,5 %). Điều có ý nghĩa hơn nữa là tiêu dùng cũng chững lại, tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ, sau khi loại trừ yếu tố lạm phát, chỉ tăng có 6 % trong chín tháng đầu năm nay so với cùng thời kỳ năm trước. Ở Thành phố Hồ Chí Minh, dự báo về mức chi tiêu cho cả năm 1997 là sẽ không tăng hơn 4,5 %, trong khi năm 1996 đã tăng 8 %. Do hàng hóa ứ đọng, tồn kho, chỉ số lạm phát 3 % dự báo cho cả năm, thay vì 7 % năm vừa qua, hẳn không phải là một điềm lành.

Thống kê về đầu tư nước ngoài cho thấy số vốn đăng ký của các dự án được cấp giấy phép trong chín tháng đầu năm là 2,9 tỉ đô la, giảm 25 % so với cùng thời kỳ năm trước ; song số vốn đăng ký thêm của các dự án tăng vốn đầu tư lên đến gần 1 tỉ đô la, tăng 121 %. Còn vốn thực hiện thì đạt 2,3 tỉ đô la trong chín tháng đầu năm 1997, tăng 44 % so với cùng thời kỳ năm 1996. Đáng chú ý hơn là tình hình giảm sút trong xuất nhập khẩu : tổng kim ngạch xuất khẩu chín tháng đầu năm đạt 6,4 tỉ (tăng 23 %), nhập khẩu đạt 8,2 tỉ (giảm 2 %), nhập siêu là 1,8 tỉ, giảm 44 % so với cùng thời kỳ năm trước. Nhập siêu giảm mạnh không hẳn là điều tích cực : nhập khẩu không tăng, chưa nói là giảm, ở những mặt hàng như nguyên vật

liệu và thiết bị là dấu hiệu của sản xuất và đầu tư đang chững lại. Nhập khẩu không tăng, do đó, sẽ ảnh hưởng tới tốc độ tăng trưởng của xuất khẩu trong tương lai. Trước mắt, xuất khẩu đã bắt đầu tăng trưởng chậm lại : tốc độ 30 % trong sáu tháng đầu năm, đến tháng chín thì chỉ còn 23 %. Chính phủ dự báo kim ngạch nhập khẩu của cả năm 1997 ở mức 11-11,5 tỉ đô la, tăng 3-4 % so với năm 1996 nhưng không đạt kế hoạch (22 %). Còn kim ngạch xuất khẩu thì chỉ có khả năng đạt 8,9-9 tỉ đô la, tăng 23-24 %, thấp hơn kế hoạch đề ra (28 %).

Trên cơ sở đó dự báo về xuất khẩu nói trên, người ta có thể ước tính chỉ số tăng trưởng GDP vào khoảng 7-8 % cho cả năm 1997 (9,3 % năm 1996), thay vì 9-10 % theo kế hoạch. Hiện tượng giảm sút tăng trưởng mùa thu 97 này được báo trước, chỉ ít từ khi cuộc khủng hoảng ngân hàng bộc lộ vào đầu năm, và xuất phát từ những nhân tố nội tại của phương thức tăng trưởng kinh tế của Việt Nam các năm vừa qua (xem ĐĐ số tháng 5.1997). Đó là chưa tính đến cuộc khủng hoảng tiền tệ - tài chính Đông Nam Á xuất hiện vào đầu mùa hè mà tác động lên nền kinh tế Việt Nam (hiện nay chưa có tiền tệ tự do chuyển đổi và thị trường chứng khoán) chỉ sẽ hiện rõ vào năm 1998 và, đan kết với nhân tố nội tại, có cơ tạo thành một xu thế suy thoái về kinh tế, với những hậu quả khó lường được về mặt ổn định xã hội và cả chính trị nữa.

Nguy cơ này, thủ tướng Phan Văn Khải có lẽ nhận ra khá rõ, như những lời phát biểu của ông sau khi nhậm chức cho thấy. Làm gì để tránh cho đất nước một cuộc khủng hoảng kinh tế có thể biến thành toàn diện, ông Khải cũng biết rõ hơn ai hết và đã nói ra trước khi thành thủ tướng : phải khơi động trở lại công cuộc cải tổ kinh tế và hành chính đã khựng lại từ hơn hai năm nay. Các mục tiêu then chốt và cấp bách nhất ông Khải cũng đề ra khá chính xác và chính phủ mới đã ghi vào chương trình hành động : cải cách khu vực doanh nghiệp nhà nước dựa trên khả năng cạnh tranh của mỗi doanh nghiệp ; thể chế hoá sự phát triển của nền kinh tế tư doanh với một sân chơi bình đẳng giữa mọi thành phần kinh tế ; tạo dựng một nhà nước quản lý kinh tế vĩ mô và công khai hoá những chi thu của mình... (xem trang 6 số này). Duy chỉ còn lại vấn đề : chính phủ Phan Văn Khải sẽ có điều kiện hành động theo chương trình đã đề ra hay sẽ bị tê liệt bởi những tranh chấp quyền lực và quyền lợi ở chóp bu đảng cộng sản Việt Nam, như chính phủ Võ Văn Kiệt trong những năm sau này ? Kỳ họp ban chấp hành trung ương đảng tháng chạp sắp tới sẽ phải trả lời câu hỏi này qua việc chỉ định tổng bí thư mới thay thế ông Đỗ Mười - trừ khi ban lãnh đạo đảng lại chọn lựa thái độ thoái thác... chờ kỳ họp sau.

Song bất luận câu trả lời như thế nào, bước ngoặt kinh tế mùa thu này đặt đảng cầm quyền vào chân tường : không có thái độ cởi mở, mềm dẻo về mặt chính trị - theo hướng dân chủ hơn ở trong đảng và đối với xã hội công dân - thì không thể có cái tổ dù là kinh tế hay hành chính.

Hải Vân

Pháp ngôn : huyền thoại và thực chất

(tiếp theo trang 1)

Mitterrand, vẫn là cái sân sau của Pháp, cũng như châu Mỹ Latinh đối với đế chế Hoa Kỳ.

Song chủ nghĩa thực dân đã bị đảo thái. Về chính trị thì quá rõ rồi. Ngay cả về kinh tế, vì nó là một phương thức bóc lột lạc hậu. Sự phá sản của nền kinh tế các nước châu Phi *Pháp ngôn* là một điều tất yếu. Không phải ngẫu nhiên, mà cách đây vài năm, khi Việt Nam mới mở cửa, tuần báo Paris-Match, thành lữ của chủ nghĩa Cartier (tên một nhà báo phe hữu, chủ trương Pháp không nên “ôm đồm” các nước thuộc địa cũ), đã kêu gọi giới tư bản bỏ châu Phi mà sang đầu tư ở Việt Nam !

Nếu về chính trị, cuộc giải thực đã làm nửa vời, thì về mặt tư tưởng, hầu như là số không. Sau khi chiến tranh Algérie kết thúc, chính quyền vội vã thông qua đạo luật đại ân xá mọi hành động trong khuôn khổ hai cuộc chiến tranh Đông Dương và Algérie, coi như khoá sổ quá khứ. Các cuộc tàn sát năm 1945 ở Sétif (Algérie), năm 1946 ở Hải Phòng (mở đầu cho 8 năm chiến tranh), năm 1947 ở Madagascar... được khoá kín trong văn khố, cùng với 4 năm chế độ Vichy. Khi anh bắn súng lục vào quá khứ, thì tương lai sẽ nã đại bác vào hiện tại, nhận xét ấy của một nhà văn quả là đúng cho mọi nơi mọi thời. Cái gọi là vụ án Boudarel — ngoài việc nó đã làm điều đúng một người bạn quý của Việt Nam, một con người trung thành với truyền thống khảng khái của dân tộc Pháp — là cái giá mà chủ nghĩa nhân bản Pháp phải trả khi người ta không sống phẳng với quá khứ. Và gần đây hơn, vụ án Papon đã khơi lại những trang sử đen tối của thời Vichy, và cuộc thẩm sát hàng trăm người Algérie yêu nước ở giữa thủ đô Paris năm 1961. Trong hoàn cảnh 1944 của nước Pháp vừa được giải phóng, người ta có thể hiểu tại sao tướng De Gaulle (và cả Đảng cộng sản Pháp) cần tạo một khối đoàn kết dân tộc mới. Nước Pháp lúc đó quá suy yếu, và bóng ma Pétain *Thống chế, chúng con đây còn đè nặng tâm thức dân tộc*, tướng De Gaulle đã cải biến lịch sử cuộc kháng chiến (có thực, và anh dũng) thành một trang huyền thoại *toàn dân kháng chiến*. Bất chướng lú đó đã có hiệu lực một thời, song tới một lúc, nếu không có sự sống phẳng với quá khứ, thì lúc tỉnh dậy, con bệnh có cơ mắc bệnh tâm thần nghiêm trọng. Sau những phát hiện về chế độ Vichy, với những Bousquet, Touvier, Papon, và vai trò không mấy đẹp đẽ của giáo hội Công giáo, cảnh sát, y sĩ đoàn, thẩm phán đoàn, giới đại học... dư luận đổ rơi vào thái cực nghi ngờ, phủ nhận cuộc kháng chiến. Đó là mảnh đất màu mỡ để người ta xuyên tạc cả những anh hùng như Jean Moulin, Lucie và Raymond Aubrac.

Sự nghẽn ngãng về quá khứ mà hậu quả là mù mờ về hiện tại cũng đã có lần thể hiện trong chính sách Pháp ngôn của Pháp. Cách đây không lâu, ông bộ trưởng văn hoá và Pháp ngôn của chính phủ phái hữu đã tuyên bố tại thành phố Hồ Chí Minh : “ *Tiếng Pháp phải trở lại vị trí ngôn ngữ mẹ đẻ thứ nhì ở Việt Nam !* ”. Ở một mức ít siêu thực và hài hước hơn, song không kém phần nghiêm trọng, là tham vọng

“ *tiếng Pháp phải cạnh tranh được với tiếng Anh* ” (trong khi đó, tại một khách sạn sang trọng nhất của Pháp, các bảng chỉ dẫn đều viết bằng tiếng Anh ; tiếng Việt lẫn tiếng Pháp đều vắng bóng !).

Song, sẽ là một sai lầm nghiêm trọng nếu chúng ta thu hẹp hiện tượng Pháp ngôn vào những nét biếm họa ngây ngô vừa kể trên. Pháp ngôn là một thực tại kinh tế & chính trị đáng kể : 49 nước có nói tiếng Pháp bao gồm 250 triệu người, ngoài những nước có quan hệ quá khứ chặt chẽ với Pháp trong thời thuộc địa, ở châu Phi và châu Á, còn có những nước công nghiệp phát triển : Canada, Bỉ, Thụy Sĩ ; một thực tại văn hoá quan trọng : tiếng Pháp không phải chỉ là ngôn ngữ của Thế kỷ Ánh sáng, của Cách mạng dân chủ... , nền văn hoá của các nước Pháp ngôn là một bộ phận hữu cơ của gia tài nhân loại. Trong thế giới ngày nay, khi chiến tranh lạnh đã kết thúc, không còn thế lưỡng cực, mỗi nước càng cần đa phương hoá quan hệ quốc tế, xây dựng những mối quan hệ chiều ngang. Khối Pháp ngôn chính là một trong những mối quan hệ chiều ngang ấy. Và khi Hội nghị thượng đỉnh Pháp ngôn lần thứ 6 quyết định chọn Hà Nội làm nơi họp cho Hội nghị lần thứ 7, dễ hiểu là 49 thành viên đều nhất trí : các nước châu Phi (chiếm đa số) muốn khối Pháp ngôn thoát ra khỏi cái trục Pháp – châu Phi thuộc Pháp, mang nặng dấu ấn của quá khứ, các nước Âu-Mỹ thì muốn từ hành lang lục địa Việt Nam, nhìn sang khu vực Á Châu – Thái Bình Dương, vươn tới hướng phát triển của thế kỷ XXI.



Về phía Việt Nam, *francophonie* có ý nghĩa gì trước thềm của thế kỷ mới đang lộ dạng ?

Không ít người cho rằng đó chỉ là chuyện tào lao : số người hiểu dăm ba câu tiếng Pháp không quá 500 000 người, số nói tiếng Pháp tương đối trôi chảy không quá 50 000 - 70 000 người, nghĩa là dưới 0,1 % dân số. Tuổi trẻ ngày nay, muốn tìm công ăn việc làm, mở tầm nhìn ra thế giới, nhất thiết phải học tiếng Anh, rồi tiếng Trung Quốc (ít nhất đó là điều kiện để làm tài xế tắc xi cho một vài công ty ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh). Đối với quan chức chính quyền cũng vậy : nội một việc đào tạo cho đủ người thạo tiếng Anh để tham gia hàng năm 200 phiên họp của khối ASEAN là cũng đủ mệt rồi. Vì vậy, có người cho rằng câu chuyện Hà Nội đăng cai hội nghị chỉ là một cuộc đối chác *đồng sàng dị mộng* : một bên là Pháp thì muốn khẳng định sự có mặt ở châu Á, ít nhất trên lời nói (thậm kịch của nước Pháp từ mấy chục năm nay là giới kinh doanh thường đi chậm và cận thị hơn cả giới chính trị), bên kia là Việt Nam, thì đây là dịp dùng vốn Pháp để xây một trung tâm hội nghị, trung tâm báo chí, tập dượt chuẩn bị cho Hội nghị thượng đỉnh của ASEAN sẽ họp ở nước ta năm 1998.

Sự thật không đến nỗi thê thảm như vậy, ngược lại. Các nhà lãnh đạo Việt Nam, nhất là sau khi khối xã hội chủ nghĩa Âu Châu sụp đổ, và trước chính sách của Trung Quốc ở Biển Đông, đã nhận thức khá sâu sắc là nhất thiết phải đa phương hoá quan hệ quốc tế, hoà nhập cộng đồng quốc tế bằng những hình thức đa dạng : ngoài Liên Hiệp Quốc và các tổ chức quốc tế, là các tổ chức khu vực (ASEAN, APEC...), và tổ chức các nước ít nhiều sử dụng Pháp ngữ.

Đối với Việt Nam, quan hệ Pháp ngôn là đầu cầu mở ra quan hệ song phương với những nước ở châu Phi mà cho đến nay nước ta thật ra rất ít giao dịch, và quan trọng hơn, đầu cầu để thắt chặt quan hệ nhiều mặt với Liên minh Châu Âu.

Vì các lẽ trên, Hội nghị thượng đỉnh hợp trung tuần tháng 11 này có một ý nghĩa quan trọng, đánh dấu một bước tiến mới của nền ngoại giao Việt Nam. Nhìn từ góc độ xã hội công dân, nó cũng củng cố thêm xu thế mở cửa, điều kiện cần thiết (cổ nhiên không đủ) cho công cuộc dân chủ hoá.

Tuy nhiên, Pháp ngôn không đơn thuần là một sự kiện chính trị, ngoại giao, kinh tế, thương mại. Nói đúng hơn, nếu chỉ là quan hệ chính trị, kinh tế, thì có càng hay, nhưng *không có mớ chợ cũng vẫn đông* như thường. Pháp ngôn cơ bản là một sự kiện văn hoá. Tầm quan trọng của nó không đo bằng đôla, hay chiều dài của những bài diễn văn du dương.

Tiếng Pháp không còn vị trí quốc tế của thế kỷ XVIII-XIX nữa, song nền văn hoá mà nó chuyên chở (không chỉ nói thu hẹp vào nền văn hoá của nước Pháp), là một giá trị lâu bền và quý báu. Vì lý do lịch sử, đi theo chế độ thực dân, tiếng Pháp bị áp đặt ở nước ta trong gần một thế kỷ, cũng như chữ viết latin mà chúng ta đã quá quen miệng gọi là *quốc ngữ*, làm như thể chữ nôm không phải là *quốc ngữ* ! Song, rất sớm, các nhà nho duy tân, rồi giới trí thức, và các đảng cách mạng đã sử dụng ký tự latin như *quốc ngữ*, một công cụ lợi hại để truyền bá văn hoá và tư tưởng yêu nước. Cũng vậy, sự tiếp xúc với Pháp ngữ, với văn hoá Pháp đã nhanh chóng thoát ra khỏi khuôn khổ bị động của chính sách “khai hoá” của phủ toàn quyền, mà trở thành sự tiếp thu chủ động. Ngay một tạp chí Nam Phong, do xếp sòng mật thám Marty sáng lập và trao cho Phạm Quỳnh phụ trách, cũng đã có những tác dụng vượt xa ý đồ của nhà cầm quyền thuộc địa. Tư tưởng nhân bản, tiến bộ đã phổ biến ở Việt Nam thông qua tiếng Pháp (tư tưởng của các nhà triết học Ánh sáng cũng như Tuyên ngôn Cộng sản của Marx và Engels, với bản dịch Việt văn đầu tiên của Nguyễn An Ninh). Hơn nữa, tiếng Pháp trở thành cửa sổ, qua đó những thế hệ Việt Nam làm quen với văn hoá toàn cầu (ngoài thế giới hán hoá). Ngôn ngữ Việt, qua sự tiếp xúc ấy, trong vòng hai ba chục năm (từ Hồ Biểu Chánh, Hoàng Ngọc Phách, qua Tự Lực Văn Đoàn, tới Đào Duy Anh, Hoàng Xuân Hãn), đã từ một ngôn ngữ tổng hợp, giàu hình tượng nhưng thiếu chính xác, trở thành một ngôn ngữ phân tích, có đầy đủ khả năng chuyên chở những ý tưởng khoa học tự nhiên và xã hội hiện đại.

Mối quan hệ mật thiết với văn hoá Pháp đã bị cắt ngang sau năm 1954 do sự can thiệp của Mỹ và thế phân cực toàn cầu kéo dài đến gần cuối thập niên 80. Có phải vì vậy mà nó thuộc về quá khứ, nghĩ tới việc khôi phục và phát huy nó phải chăng là hoài cổ, không tưởng ? Nhất là, về phía những cơ quan phụ trách Pháp ngữ của chính nước Pháp, nhiều khi là những chính sách tụt lùi, tự ái vật, lạc hậu, tiền hậu bất nhất, tốn kém mà vô hiệu ?

Không. Không nhất thiết. Trong xu thế toàn cầu hoá về kinh tế, văn hoá đại chúng trở thành một ngành kinh doanh to lớn (tiêu biểu là điện ảnh, truyền hình, âm nhạc, trang phục...), cái gọi là *lối sống Mỹ* (xin đừng lẫn lộn nó với nền

văn hoá Mỹ) đã giành thế áp đảo trên khắp thế giới. Chủ nghĩa Mac... Donald đang làm nghèo văn hoá nhân loại (bắt đầu là văn hoá của chính nước Mỹ). Ở Đông Á và Đông Nam châu Á, được Hồng Kông hoá, Đài Loan hoá tí chút, nó cũng đang san phẳng nếp sống tinh thần của các dân tộc. Đúng trước thảm trạng đó, giữ gìn bản sắc dân tộc trở thành một đòi hỏi bức thiết, gắn liền với cuộc đấu tranh chống lại sự bá quyền của một nền văn hoá thương mại hoá, dung tục hoá.

Song, giữ gìn bản sắc, bảo vệ văn hoá dân tộc mà khu khư mấy cái “quốc phục” mà tổ tiên ta đã mượn tạm của Trung Hoa từ... thời Tống, vội vã khôi phục mấy nghi lễ hình thức mà trước đây cách mạng đã hấp tấp khai tử, thì có khác nào ông cha chúng ta cố thủ sau lũy Kỳ Hoà, trong thành Thăng Long, trước họng súng đại bác của Francis Garnier ? Bấu víu vào mấy cái *giá trị châu Á* tào lao mà các ông Lý Quang Diệu, Mahathir Mohamad cao đạo rao giảng, có khác gì kéo thêm mấy lá cờ đen, cờ vàng lất phất ?

Hơn lúc nào hết, một chiến lược văn hoá *chủ động* trở thành cấp thiết để vượt qua làn sóng văn hoá dung tục. Hiện đại hoá nền văn hoá dân tộc là *tích cực* giao lưu với các nền văn hoá thế giới, để hoàn thành cuộc giải phóng cá nhân đã bị mấy chục năm chiến tranh làm đứt đoạn và chi phối nặng nề, để đưa tinh thần khoa học vào xã hội, từ đó mới có thể góp phần cùng nhân loại giải quyết bài toán cực khó là hài hoà quan hệ giữa cá nhân và cộng đồng, quyền và nhiệm vụ, tự do và trật tự.

Trong cục diện mới ấy, và do di sản quá khứ — một di sản mà người Việt Nam đã chủ động phát huy phần tốt đẹp, với sự đóng góp không nhỏ của những người Pháp thiện chí — tiếng Pháp, văn hoá tiếng Pháp, lại vẫn là công cụ và môi trường giao tiếp tối ưu. Nói nôm na và giản lược, truyền thống nhân nghĩa Việt Nam có thể vượt qua cơn hồng thuỷ *American way of life*, nếu nó biết vươn cao, lớn lên bằng chủ nghĩa nhân bản của Thế kỷ Ánh sáng Pháp, nếu nó được tiếp sức bằng những giá trị văn hoá nhân loại (kể cả văn hoá Mỹ) mà nó thu hoạch thông qua tiếng Pháp (và cổ nhiên, cả tiếng Anh và một vài ngôn ngữ khác).

Cổ nhiên, điều ấy đòi hỏi từ phía Việt Nam cũng như từ phía Pháp và các nước Pháp ngôn khác, một nhận thức mới, đã tiềm ẩn trong một vài lời phát biểu, nhưng thường không vượt quá thời gian phát biểu. Nhận thức rồi, nó đòi hỏi một chính sách nhất quán và những phương tiện tương xứng, vượt qua những ngộ nhận, thậm chí mặc cảm còn rơi rớt từ quá khứ.

Có ngây thơ quá không khi chúng ta đòi hỏi các chính quyền một tầm nhìn xa, một chiến lược dài hạn ? Dẫu sao, *pháp ngôn* là câu chuyện quá quan trọng để các dân tộc khoán trắng cho chính quyền. Bên kia bờ huyền thoại và những diễn từ trà dư tửu hậu, những quyết nghị sang sảng viết bằng thứ Pháp văn chau chuốt (văn bia cũng có thể chau chuốt), là một thực tại văn hoá có tính chất sống còn cho một phần nhân loại, nên cho cả loài người.

Nguyễn Ngọc Giao

Tinh thần đạo Phật và kinh tế

bùi mông hùng

Sản xuất. Trao đổi. Mỗi ngày mỗi nhiều, mỗi ngày mỗi nhanh, mỗi ngày mỗi hiệu năng. Hoạt động kinh tế trở thành vấn đề không thể tránh né cho mỗi cá nhân, mỗi xã hội, mỗi quốc gia. Cho cả nhân loại, cả thế giới. Và cũng trở nên vô cùng phức tạp, các chuyên gia bù đầu.

Trong tình huống đó, đi tìm phương thức giải quyết các vấn đề kinh tế đang đặt ra cho ngày nay nơi một giáo lý phát sinh cách đây 25 thế kỷ vào một thời kinh tế còn giản đơn thì tránh sao cho khỏi bị trách – mà trách chí lý – là đặt vấn đề lẫn thẩn vô duyên.

Nhất là giáo lý ấy đặt trọng tâm vào giải thoát con người, đi sâu vào đạo lý, chẳng dính líu gì trực tiếp đến kinh tế. Lại không giáo điều, không có xu hướng đòi giải thích, hướng dẫn tất cả mọi sinh hoạt của đời sống.

Vì vậy, tôi xin đặt vấn đề ngược lại. Vấn đề chính là vấn đề của Phật giáo. Tinh thần của nó là lim dim ngó đời bằng nửa con mắt, mũ ni che tai, tránh sự đời được chừng nào hay chừng đó. Hay là Phật giáo thực sự có lưu tâm đến một sinh hoạt quan trọng của con người, sinh hoạt kinh tế ?

Và, nếu có sự lưu tâm ấy thì tinh thần Phật giáo đem lại được gì chẳng cho cuộc thảo luận về các vấn đề kinh tế đang đặt ra cho ngày nay ?

Giải đáp hai câu hỏi này cũng là trả lời câu hỏi can hệ đến sự tồn vong của Phật giáo : phát sinh từ trên hai ngàn năm trăm năm nay Phật giáo có còn sức sống để giải quyết những vấn đề thiết thân cho con người ngày nay hay chẳng ?

Một đoạn kinh Phật nói đến hoạt động kinh tế

Trong Trường bộ kinh (Digha-Nikaya), kinh Kutadanta có một đoạn bần đến hoạt động kinh tế của một nước. Xin trích dẫn đoạn đó :

“ Trong đất nước của nhà vua có những người nào gia công gia súc về nghề nông, nghề chăn nuôi, nhà vua hãy cấp cho những người ấy hạt giống và thực vật. Trong đất nước của nhà vua, những ai nỗ lực trong thương nghiệp, nhà vua hãy cấp vốn đầu tư cho những người ấy. (...) Chuyên tâm vào nghề nghiệp của họ, những người này sẽ không phạm phép nước. Ngân quỹ nhà vua sẽ được dồi dào ; đất nước của nhà vua được an cư lạc nghiệp, không có tai ách ; dân chúng hoan hỷ yên vui, chơi đùa với con nhỏ cho chúng nhảy giỡn trên ngực... ”

Tuy không do chính đức Phật nói ra nhưng đoạn kinh nói trên trình bày cái nhìn của Phật giáo : trân trọng nghề nông, nghề buôn bán, nói rộng ra là trân trọng hoạt động sản xuất, trao đổi hàng hoá, tóm lại là hoạt động kinh tế. Theo ý đoạn kinh, có thể nói thêm rằng nhà Phật tán thành nhà nước có biện pháp cụ thể hỗ trợ cho hoạt động kinh tế của người dân.

Nhà Phật lưu tâm đến kinh tế. Chuyện không đáng lấy làm lạ. Lấy con người làm trọng tâm cho giáo lý của mình, có thể nào nhà Phật không để ý tới một hoạt động quan trọng của con người : hoạt động kinh tế ?

Tuy nhiên, Phật giáo lưu tâm đến kinh tế là một chuyện. Còn có ảnh hưởng nào chẳng vào kinh tế ngày nay, lại là một chuyện khác. Trong thực tiễn hiện đại, không để gì mà tìm ra được tác động cụ thể của Phật giáo vào kinh tế thế giới.

Xu hướng đơn giản hoá không cưỡng lại được ?

Thật ra thì một thời gian dài cho đến gần đây, kinh tế hầu như chẳng cần biết đến những vấn đề ngoài kinh tế. Nó là một hoạt động khép kín, lấy mình làm cứu cánh cho mình, kinh tế cho kinh tế, lấy phát triển số lượng làm tiêu chuẩn hiệu năng.

Đúng ra, căn bản kinh tế vốn là một hoạt động đa kích thước, liên hệ với thế giới của thiên nhiên, với thế giới của con người. Cứu cánh của nó là thoả mãn nhu cầu con người, nghĩa là mang tính cách chất lượng.

Tuy nhiên, từ xa xưa cho đến thế kỷ XIX hiệu năng các phương tiện cùng tổ chức chế biến tương đối yếu kém, thiên nhiên dường như không bao giờ cạn kiệt, muôn thuở vững bền cứ như là vô tận. Cung cách nhìn thiên nhiên ấy đã nên nên nề nếp. Thiên nhiên là một hằng số vô tận thì cần gì mà phải lo đến tái tạo thiên nhiên ?

Cũng trong thời gian ấy, mức sống của đa số nhân dân chỉ trôm trèm mức nhu cầu tối thiểu. Sản xuất lúa gạo, hàng hoá tăng cũng đồng nghĩa với đời sống sung túc lên. Số lượng, số lượng trước đã là hiển nhiên, cần chi phải đo lường giữa số lượng và chất lượng. Kích thước chất lượng có thể tạm coi như là không đáng kể, có đẹp qua một bên cũng chẳng phải là một vấn đề lớn.

Con người được nhìn với một nhãn quan thuần kinh tế. Nó là sức lao động, là sức tiêu thụ, không hơn không kém. Giản đơn như những phương tiện kinh tế.

Cứ như vậy, bấy lâu nay, trên nguyên tắc kinh tế là một hoạt động đa kích thước, nhưng trong thực tiễn nó đã trở nên đơn điệu kích thước duy kinh tế. Chẳng cần gì phải lưu tâm đến tác động của nó vào thiên nhiên, vào con người.

Thời điểm kinh tế gặp đạo lý, gặp triết học

Tuy nhiên cái lý ngày hôm qua ấy, hôm nay không còn đứng vững nữa. Trong những năm vào thập kỷ 80 người ta mở mắt nhận ra rằng khả năng của kỹ thuật, của tổ chức công nghiệp đã đạt hiệu năng khủng khiếp : cứ đà này thì ngấm ngấm nhưng rồi tất yếu sẽ đi lần đến huỷ hoại điều kiện thiên nhiên cần thiết cho sự sống còn của sinh vật, của loài người trên mặt địa cầu. Các phương tiện dùng để khai

thác thiên nhiên với một tinh thần khinh suất vô trách nhiệm suốt hai trăm năm nay đã tới mức quá tải cho sức chịu đựng và tự tái tạo của các hệ sinh thái. Thiên nhiên, cái kho trời cho tưởng như là vô tận, con người tha hồ mà rút tủa phí phạm, hôm nay đã đi vào quy trình của hiểm quí.

Một số chức năng thiên nhiên điều tiết cho sự sống tồn tại và phát triển trên địa cầu đang bị đe dọa. Chỉ riêng một chuyện sản xuất công nghiệp các loại chlorofluocarbon như khí freon dùng để gây lạnh trong các loại máy lạnh, dùng làm khí phun trong các bình xịt thuốc dạng sương (aérosol), các loại khí chuyển hoá chậm này, đã bay lên chất chứa trong quyển bình lưu (stratosphère) bao quanh địa cầu vào chiều cao cách mặt đất khoảng 20 đến 40 cây số. Ở đây chúng phá hoại lớp ozon là lớp khí cần thiết cho sự sống trên địa cầu vì lớp khí này chặn lọc bớt những tia tử ngoại (ultraviolet) nguy hiểm cho các loại sinh vật. Lớp ozon đang bị giảm, mỗi năm lỗ hổng ozon mỗi rộng thêm, cường độ bức xạ tử ngoại trên lục địa và trên đại dương tăng dần. Không chặn lại được thì về lâu về dài có thể đi đến tiêu diệt mọi sinh vật sống trên mặt địa cầu.

Sự kiện ấy, cũng như các tác động ô nhiễm tai hại khác cho địa cầu, đã làm một số người càng ngày càng đông lên tiếng báo động.

Và đã có báo cáo Bruntland, đã có những hội nghị quốc tế đặt vấn đề phát triển bền lâu. Nghĩa là “ *một lối phát triển thoả mãn được nhu cầu của hiện tại mà không để lại những tổn hại làm cho các thế hệ đi sau mất khả năng thoả mãn nhu cầu của họ* ”.

Đặt vấn đề liên đới giữa các thế hệ là đem kinh tế đến gặp đạo lý.

Người ta cũng mở mắt ra thấy rằng một khi con người đã bị rút gọn vào kích thước kinh tế thì thay vì là phương tiện phụng sự cho con người kinh tế trở thành cứu cánh. Xu hướng ấy làm rơi mất lúc nào chẳng hay huyền thoại, giá trị tiềm tàng trong con người toàn diện. Mà chính những giá trị tinh thần mất đi ấy là động cơ thúc đẩy con người vươn lên, tìm ra ý nghĩa cho cuộc sống của mình. Mất những giá trị ấy là mất đi ý nghĩa của xã hội. Phát triển thì xã hội có phát triển, giàu thì mỗi ngày mỗi giàu lên nhưng xã hội rã rời, cái giá phải trả về con người rất cao.

Người ta cũng nhận ra rằng đã đến thời điểm không thể chỉ chăm chú vào số lượng. “ Nhiều hơn ” đã tới ngưỡng hết đồng nghĩa với “ hay hơn ”, thức ăn quá nhiều, thiếu quân bình gây ra bệnh tim mạch cho một phần nhân loại. Kinh tế phát triển thật, xã hội giàu có hơn lên rõ ràng nhưng rạn nứt ngày càng sâu hơn, rộng ra – một số người bị loại, không công ăn việc làm, ốm đau bị bỏ rơi, tương trợ đoàn kết xã hội bất lực – thì không thể nào chỉ chăm chăm vào tỷ số phát triển mà thôi được.

Thế là mỗi ngày mỗi đông hơn những người ý thức rằng đã đến thời điểm kinh tế không thể là một lĩnh vực khép kín, xã hội không thể chỉ tuân theo một lô gích thuần kinh tế. Từ quan niệm phát triển thuần số lượng người ta tìm cách phát triển đa kích thước, vừa số lẫn chất lượng. Xu hướng ấy khớp nối lại ba lĩnh vực, căn bản là phải quện chặt lấy nhau : t

tu hoá kinh tế, thiên nhiên và con người.

Thế có nghĩa là vấn đề mô hình kinh tế hiện hành đang được đặt lại. Cách đặt vấn đề này không chỉ hàm ý kinh tế mở rộng nhãn quan của nó về phía sinh thái học, sinh vật học về phía các khoa học nhân văn, xã hội học, lịch sử, triết học. Đó không phải là đơn thuần cộng các loại kiến thức ấy với nhau. Mà là một đổi thay tư duy.

Tư duy kinh tế như là một hệ thống liên hệ phức tạp khớp nối với những hệ phức tạp khác : hệ thống của các quan hệ thiên nhiên, hệ thống của các quan hệ con người. Những hệ này vừa bao gồm hệ thống kinh tế vừa có những phần nằm trong hệ kinh tế. Một lối tư duy không bao giờ quên rằng trục của vấn đề là kinh tế nhưng mà cứu cánh là con người.

Thật chẳng mấy xa gì quan niệm của một kinh tế gia đã ảnh hưởng sâu rộng vào kinh tế học ngày nay, Keynes. Ông ta từng nói : “ *Bất cứ nhà kinh tế học nào cũng phải ít nhiều là một nhà sử học, một chính khách và một triết gia* ”.

Con đường rộng mở cho mọi hệ tư tưởng quan tâm đến con người, đến đạo lý tham gia vào cuộc thảo luận về kinh tế ngày nay.

Dĩ nhiên, Phật giáo có chỗ đứng của mình trong công cuộc này. Tinh thần nhà Phật đã từng chứng tỏ khả năng sáng tạo trong trường hợp tư duy và thực hành kinh tế quen thuộc không thích nghi với tình thế mới.

Một trường hợp sáng tạo khái niệm và thể chế kinh tế trong lịch sử

Đó là vào khoảng từ thế kỷ thứ V đến thế kỷ thứ X, thời điểm một số cộng đồng Phật giáo quan trọng xuất hiện ở Trung Hoa.

Cộng đồng Phật tử phát triển bao nhiêu, thì vàng bạc, nô tỳ, dê bò, ruộng đất cúng dường cầu phúc ùn ùn kéo nhau vào chùa chiền tu viện bấy nhiêu. Một vấn đề gai góc đặt ra cho tu viện, cho tăng già cho cộng đồng Phật giáo. Theo truyền thống nhà Phật, ngoài vài bộ quần áo, bình bát khát thực, một ít vật dụng lặt vặt không thể thiếu cho đời sống hàng ngày, giới luật xem tiền bạc, của cải, tài vật là “ bất tịnh ”, không trong sạch, đối với chư tăng. Cụ thể, nhà tu hành xuất gia không được sử dụng tiền bạc cũng như không được có của cải riêng tư. Giải quyết thế nào đây ?

Trong điều kiện oái oăm ấy, Phật giáo Trung Hoa đã du nhập hoặc sáng tạo ra những khái niệm, thể chế, cách thức sinh hoạt kinh tế mà người Hoa thời đó chưa được biết. Jacques Gernet đã chứng minh sự kiện này trong quyển **Les aspects économiques du Bouddhisme dans la société chinoise du Ve au Xe siècle**, Ecole Française d'Extrême - Orient, Paris, 1956, một công trình nghiên cứu về Phật giáo trong xã hội Trung Hoa từ thế kỷ thế V đến thế kỷ thứ X qua các phương diện kinh tế.

Chính vì giới luật gò bó cấm đoán không cho các nhà tu hành quyền sở hữu tài sản nên đã nảy sinh một khái niệm mới lạ cho văn hoá Trung Hoa : khái niệm tài vật “ thường trú ” Tam bảo. Nghĩa là những tài sản của cải chẳng thuộc về riêng một cá nhân nào mà thuộc về Phật, Pháp, Tăng

trong hiện tại quá khứ và tương lai.

Qua khái niệm ấy, những của bất tịnh cúng dường cho Tam bảo trở thành những tài vật thiêng liêng mang tính chất tôn giáo.

Tôn giáo thật đấy, nhưng khái niệm ấy dẫn thẳng đến những *khái niệm pháp lý*: trong khái niệm “ tài sản của Tam bảo ” đã tiềm tàng các khái niệm *pháp nhân* và *chủ quyền pháp nhân*. Mà chính phải có khái niệm pháp lý thì kinh tế mới phát triển lên cao được.

Nhờ có chủ quyền pháp nhân ấy mà đại diện chư tăng trong tự viện là thầy “ tự chủ ” có thể trao cho người thế tục – được gọi là những “ tịnh nhân ” – cúng dường các hoạt động bất tịnh: cày cấy, trồng trọt, chăn nuôi, thương mại, v.v... Của Tam bảo có tính cách thiêng liêng, chính vì vậy mà chúng đi vào qui trình kinh tế thế tục một cách dễ dàng: miễn sao lợi nhuận sinh ra lại quay trở về cho Tam bảo.

Ta thấy khi ấy, Phật giáo làm nông nghiệp. Khai phá mở mang đất trồng trọt ở miền Tây Bắc Trung quốc và khắp các nơi khác. Lý do là phần lớn đất đai cúng dường Tam bảo là những đất hoang không thuận lợi cho nông nghiệp cổ truyền Trung Hoa. Kỹ thuật, dụng cụ nông nghiệp nhờ đó mà được cải tiến hơn. Dần dà, chủ quyền Tam bảo trên những diện tích ruộng đất rất lớn. Riêng ở đất Mân, Phúc Kiến ngày nay, vào năm 1150 vua Tống Cao tông ra lệnh tịch thu đất đai của chùa chiền, chỉ cho phép nhà chùa giữ lại trong tài sản “ thường trú ” một số ruộng đất xét ra thật cần thiết. Đất đai bị tịch thu, đem bán ra được một số tiền lớn sung vào ngân khố, tổng cộng là 340 000 quan.

Vào khoảng thế kỷ thứ VII đời Đường, chùa chiền đã làm chủ những điền trang lớn chẳng kém gì các vương tôn, công chúa. Nhà chùa phát triển các thiết bị công nghiệp tiên tiến thời ấy là các máy ép dầu, các cối xay (niễn ngai) tự động nhờ sức dòng nước. Và các cơ sở công nghiệp này lại trở nên những nguồn lợi lớn cho Tam bảo.

Điều bất ngờ nhất là giới luật Phật giáo không cho phép chư tăng buôn bán, nhưng Phật giáo lại là động cơ phát triển thương mại ở Trung quốc.

Nhu cầu cúng dường của thiện nam tín nữ, nhu cầu xây cất trang hoàng chùa chiền, những yêu cầu của các cơ sở công nghiệp như máy xay, máy ép đã quây quần quanh chùa chiền một số thợ thuyền, nghệ nhân, kỹ thuật viên như thợ làm nôi, xây lò, thợ dệt, thợ đánh khoá, thợ đúc tượng, v.v... Những ngày lễ hội chùa cũng là những ngày chợ phiên.

Chùa, tự viện thường không xa chợ. Và các tự viện lớn thường có “ để tử ” còn gọi là “ để điểm ” hay “ phố điểm ” ở chợ. Đó vừa là quán trọ, là cửa hàng và là một loại ngân hàng cho vay có thế chấp. Vào thế kỷ thứ IX, doanh thu hàng năm phố điểm của riêng một tự viện lên đến 100 000 đồng tiền. Hoạt động tài chính phát triển song song với hoạt động thờ cúng; chính vì tính chất thiêng liêng của Tam bảo, pháp nhân được thừa hưởng lợi nhuận, mà cái thủ tục rất ư thế tục là cho vay lấy lãi trở nên một trong những hoạt động chính của các tu viện nhà Phật. Cũng phải nói thêm rằng quan niệm đại thừa làm cho chức năng của lãi cho vay thêm phong phú: lãi thu vào dành để cúng dường Tam bảo, nhưng

cũng để cứu mang giúp đỡ chúng sinh gặp bệnh tật, hoạn nạn.

Và Phật giáo đã là động cơ phát triển nông nghiệp, công nghiệp, thương mại suốt một thời gian dài năm sáu trăm năm ở Trung Hoa. Làm cơ sở cho bước phát triển kinh tế ấy chính là những khái niệm pháp lý, những kỹ thuật sản xuất, thương mại, tài chính mà Phật giáo đã sáng tạo hoặc vay mượn của văn hoá Ấn Độ nhưng chuyển biến cho thích hợp với thế giới Trung Hoa.

Một trong những yếu tố của sức sáng tạo ấy là tinh thần nhìn thẳng vào thực tiễn, chấp nhận những ràng buộc của thực tại nhưng không bỏ rơi mục tiêu mình muốn đi tới, thuật ngữ gọi là “ như lai ”. Và, để đi tới mục tiêu đạo Phật huấn luyện tinh thần không gò bó vào đường mòn cũ, không ngần ngại tìm giải pháp mới lạ thích nghi với những điều kiện chưa từng gặp, thuật ngữ gọi là “ phá chấp ”.

Còn ngày nay ?

Ngày nay nhân loại đang đứng trước những vấn đề can hệ đến tồn vong của mọi sinh vật, trong đó dĩ nhiên là có loài người, trên mặt địa cầu. Karl Marx nói đâu đó rằng đã là vấn đề con người đặt ra thì con người sẽ tìm ra giải pháp. Câu hỏi là Phật giáo có đóng góp gì được vào những giải pháp ấy hay chăng ?

Tinh thần nhà Phật vẫn còn đó. Giải đáp tùy thuộc thái độ những người ngày nay cho rằng mình sống theo tinh thần nhà Phật: nhắm mắt che tai hay nhập cuộc vào thời đại.

bùi mộng hùng
(Paris, tháng 10. 1997)

Độc thơ Lê Đạt

*Hòn bi trường thành trái bí
bí Rợ
bí Ngô
cùng giống chung giàn
khác quốc tịch
vẫn yêu thương
tim rục rở
mặt trời
là hòn bi
nhớ em
lăn mòn xích đạo*

Đăng Tiến

Một vài nhận xét về thể hệ họa sĩ trẻ Việt Nam hiện nay

nhân xem triển lãm *Les nouveaux courants du Viet Nam* tại Centre Wallonie-Bruxelles (từ 2-10-97 đến 23-11-97)

Văn Ngọc

Thật là một dịp may hiếm có, nếu không phải là một hân hạnh lớn cho mấy họa sĩ trẻ Việt Nam được mời sang triển lãm tranh, trong khuôn khổ Liên hoan *Pháp ngôn giao thoa* (Francophonie métissée) lần thứ 6 (1), tại một địa điểm thuận lợi, nằm ngay trước mặt Centre Pompidou, trung tâm văn hoá nổi tiếng của Paris, nơi người tứ xứ qua lại thăm viếng đông đúc.

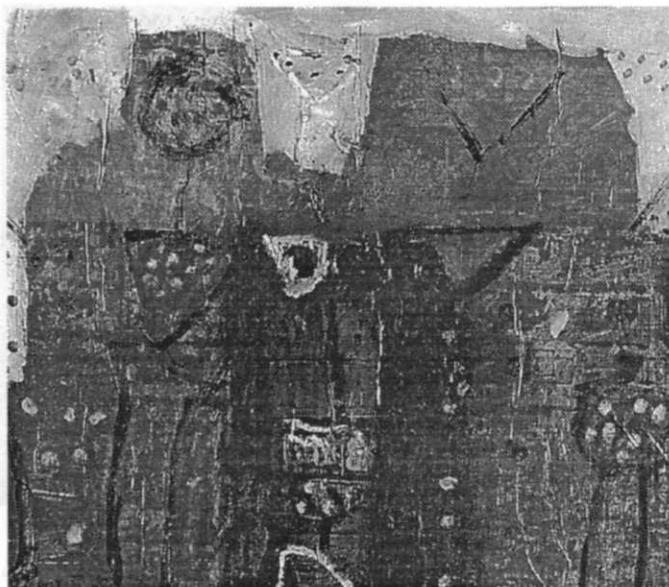
Trung tâm Wallonie-Bruxelles (của Bỉ) là một cơ ngơi có đầy đủ tiện nghi thiết bị cho nhiều loại sinh hoạt : triển lãm, chiếu phim, diễn kịch, hoà nhạc, hội thảo, v.v... Phòng triển lãm ở đây tuy tương đối rộng rãi so với các galleries bình thường ở Paris, nhưng cũng chỉ vừa đủ để trưng bày tất cả các tác phẩm của bảy họa sĩ, toàn là những bức họa khổ vừa và lớn.

Nhìn chung, có thể nói rằng người ta đã dành cho các họa sĩ một phòng triển lãm tương đối hoàng tráng, song có lẽ vì điều kiện ngày giờ, người ta đã không kịp đầu tư thêm một số thiết bị cần thiết, đặc biệt là về đèn, để tạo nên một bầu không khí hấp dẫn hơn và rọi ánh sáng vào mỗi bức họa một cách sinh động và thích hợp hơn.

Nhìn vào tác phẩm của các họa sĩ, trước hết người ta không khỏi ngạc nhiên nhận thấy một sự thay đổi lớn về nội dung, cũng như về phong cách thể hiện, so với các đợt triển lãm trước đây ở Pháp.

Coi như cả bảy họa sĩ, mỗi người một vẻ, đều diễn đạt bằng những ngôn ngữ của hội họa hiện đại, và tất cả đều có tay nghề khá vững chãi. Chỉ riêng điều đó cũng đã đáng cổ vũ.

Ở đây, người ta không còn thấy một bức tranh tượng hình (*figuratif*) thuần túy nào cả, trừ những tác phẩm của Hồng Việt Dũng, và, ở một mức độ khác, của Lê Thiết Cương và Đinh Ý Nhi. Ngoài ra, tuy rằng xu hướng chung là *đi đến* trừu tượng,



Đỗ Hoàng Tường, *Đô thị phương đông*, 1997

tượng, song chưa mấy ai đi hẳn vào trừu tượng thuần túy trừ Trần Văn Thảo.

Ngay cả Đỗ Hoàng Tường, mặc dầu vẽ tranh trừu tượng đến 99 % rồi nhưng vẫn thấy cần phải đặt cho tranh của mình một cái tên rất tượng hình (*Ville orientale*) và thêm vào một vài chi tiết nho nhỏ để gợi nhắc đến nhà, đến phố, v.v... Tuy nhiên, nếu để sang một bên cái khía cạnh có tính cách lý thuyết đó đi, thì người ta phải công nhận rằng tranh của Đỗ Hoàng Tường rất đẹp, từ bố cục cho đến chất liệu và màu sắc.

Lê Thừa Tiến vẽ trừu tượng, nhưng lại đưa nguyên si vào tranh những mô-típ tượng hình như : chữ triện, hình mặt người, hình ngọn lửa cách điệu hoá, v.v... Hình như anh chưa tin vào sức thuyết phục của những hình thể, những mảng màu trừu tượng, mà còn phải điểm thêm vào đó những mô-típ truyền thống, để đưa vào tranh một cái nốt dân tộc, dân gian nào đó.

Lê Thiết Cương là một họa sĩ có tay nghề khá vững vàng. Bố cục, đường nét, màu sắc và chất liệu trên tranh của anh đẹp một cách tươi sáng, song, phong cách chung không có gì là mới mẻ. Đây là một ngôn ngữ giàu chất thơ mộng, đôi khi đượm tính hài hước, sử dụng những nhân tố thẩm mỹ của hội họa trừu tượng, song vẫn dựa vào những nhân tố tượng hình để xây dựng kết cấu và nhịp điệu của bức tranh : con người, con vật, cảnh hoa, cái giây buộc, v.v... Trên hướng này, như chúng



Lê Thừa Tiến, *Áo ảnh*, 1996

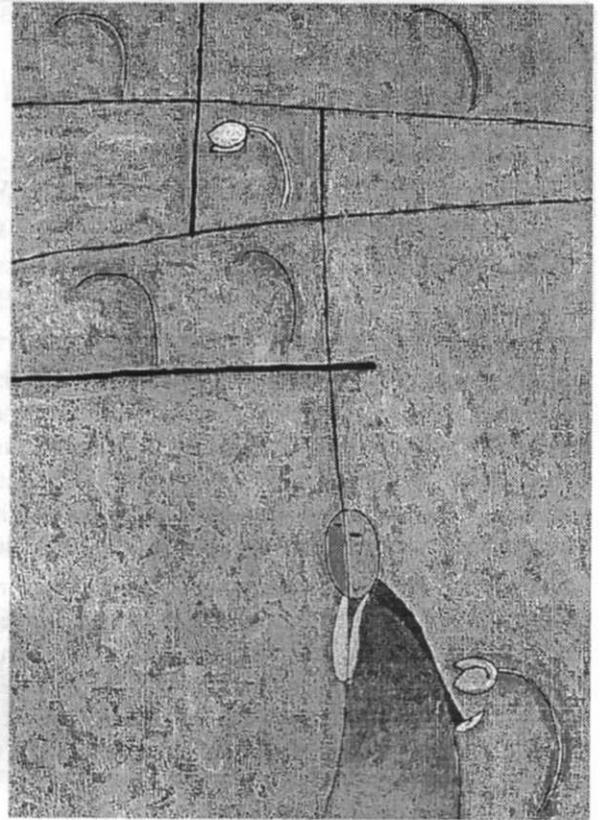
ta biết, Paul Klee và Miró, cách đây trên nửa thế kỷ, đã khai thác khá nhiều và đã đi khá xa rồi.

Trần Văn Thảo, được giới thiệu ở cuộc triển lãm này qua những bức họa với bút pháp hơi đặc biệt, nửa thư pháp (*calligraphie*), nửa nguyên khai (*primitif*), v.v... Đây là một thể loại tranh trừu tượng chủ yếu tìm tòi về ký hiệu (*signes*). Ở đây, đáng chú ý là cùng một ký hiệu đã ám ảnh anh trên cả mấy bức tranh. Điều này cũng dễ hiểu nếu ta phân tích hoạt động của tiềm thức trong quá trình sáng tạo nghệ thuật. Hình ảnh của ký hiệu, hay cái ý, nói chung, chợt đến với họa sĩ đôi khi do hoạt động của trí tưởng tượng, đôi khi do hoạt động của tiềm thức, nhưng người họa sĩ thường không ghi nhận được đầy đủ, và khi vẽ cụ thể lên tranh, không thể hiện được hết ý của mình, do đó mà muốn làm lại trên một bức tranh khác, phần nào cũng là để khai thác cho hết cái ý đó. Còn chuyện đẹp hay xấu, đối với con mắt người xem, lại là một chuyện khác nữa. Có họa sĩ không bao giờ đặt vấn đề đẹp hay xấu, mà chỉ đặt vấn đề làm sao nói lên được cái ý của mình. Đây cũng lại là một vấn đề lý thuyết nữa !

Lê Hồng Thái, với những bức tranh vẽ bằng chất liệu sơn mài (nâu cánh gián, đen, vàng, bạc) trên vải trắng, tỏ ra có bản lĩnh ngay trong cách sử dụng chất liệu và cách trình bày tranh theo chiều dọc như những chiếc trướng, hoặc nếu dài hơn nữa, sẽ như những chiếc phướn. Tranh của anh, nếu chỉ nhìn từ xa và nếu chỉ chú trọng về mặt hình thức, thì người ta có thể nghĩ rằng đó cũng là một loại tranh trừu tượng, sử dụng ngôn ngữ ký hiệu, nhưng thực ra thì không phải. Tranh của Lê Hồng Thái *muốn* là một loại tranh có ý nghĩa tượng trưng. Ký hiệu đôi khi còn mang cả dấu tích của những nhân tố tượng hình. Dấu sao, nếu thật sự mỗi bức họa của anh có một ý nghĩa tượng trưng nào đó, thì người xem cũng khó mà tự giải mã được. Tranh của Lê Hồng Thái đẹp nhờ ở chất liệu nhiều hơn là nhờ ở ký hiệu. Ký hiệu của anh có một cái gì còn hơi mong manh, tuy rằng không thiếu chất thơ mộng. Đáng tiếc là các bức họa của anh đã không được chiếu đèn đầy đủ để làm tôn cái đẹp óng ánh của các chất liệu vàng, bạc.

Hồng Việt Dũng vẽ tranh tượng hình theo một phong cách khá siêu thực. Anh vẽ người, vật, và cảnh trong tư thế hoàn toàn bất động, như thể những tĩnh vật (*nature morte*). Không gian và thời gian như ngưng đọng. Tất cả đều được thanh lọc, nhằm thể hiện lên sự tĩnh lặng ấy, từ bố cục, hình khối, nét vẽ, đến màu sắc, giới hạn ở hai màu chính : vàng và nâu, màu của đất, cát, của chiếc áo nâu sồng, đồng thời cũng là màu áo của người tu hành, gợi nghĩ đến sự thanh tịnh nơi cửa Phật. Thế giới tranh của Hồng Việt Dũng vừa thực, vừa ảo, các nhân vật đều như chìm đắm trong một sự suy nghĩ, một cơn mộng triền miên nào đó.

Tranh của Đinh Ý Nhi, ngược lại, độc đáo một cách khác. Tranh của chị gây phản ứng nơi người xem không phải chỉ vì cái nội dung rất hiện thực và nóng hổi, xoáy xung quanh đề tài " thân phận con người ", mà còn vì cả cái ngôn ngữ diễn đạt của chị. Dưới hình thức đôi khi ngây thơ, vụng về như tranh con nít, đôi khi già giặn, dữ dằn như tranh của trường phái biểu hiện (*expressionisme*), họa phẩm của Đinh Ý Nhi thực ra có đầy đủ những nhân tố thẩm mỹ cần thiết : bố cục, nhịp điệu và chất liệu (tranh của chị gần như không có màu sắc nào khác ngoài đen trắng và xám), khiến cho chúng càng có một sức hấp dẫn và truyền cảm mạnh mẽ. Thế giới tranh của Đinh

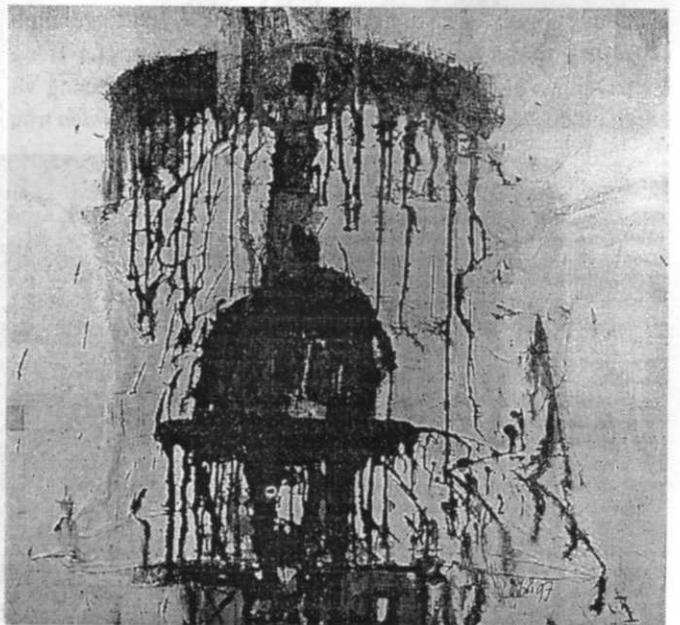


Lê Thiết Cương, *Ngắm sen*, 1997

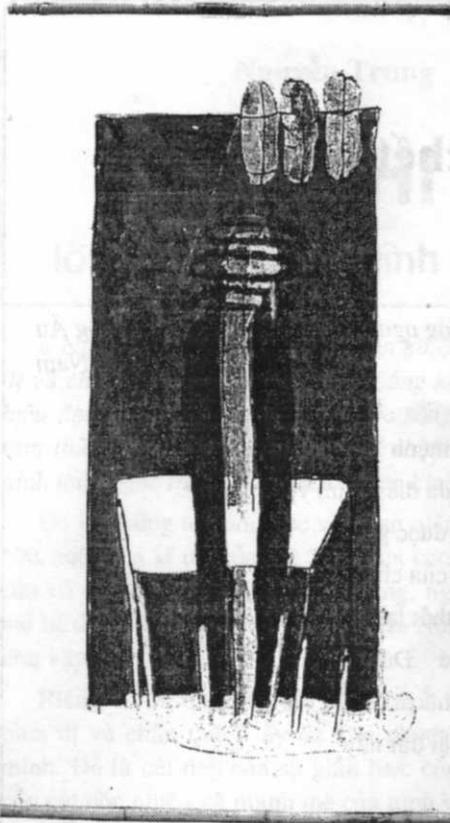
Ý Nhi là thế giới của những hình nộm, của những thân phận con người đã mất hết tự do, tên tuổi đã bị thay thế bằng những con số khô khan, lạnh lùng. Đó cũng còn là những hình ảnh bông bênh hiện lên như hồn ma từ đáy sâu của tiềm thức và của trí nhớ.

Nhìn chung, cuộc triển lãm đã cho phép người ta ghi nhận được, qua tác phẩm của bảy họa sĩ, những mặt mạnh và yếu của nền hội họa trẻ Việt Nam, thập niên 90.

Mặt mạnh, hoặc nói cho đúng hơn, mặt tiến bộ đáng cổ vũ, trước hết là sự thay đổi trong quan niệm về hội họa, từ đề tài nội dung đến ngôn ngữ diễn đạt. Rõ ràng, các họa sĩ trẻ đã vẽ với một nếp suy nghĩ mới, một tâm thức mới. Tuy nhiên sự



Trần Văn Thảo, *Ký ức*, 1997

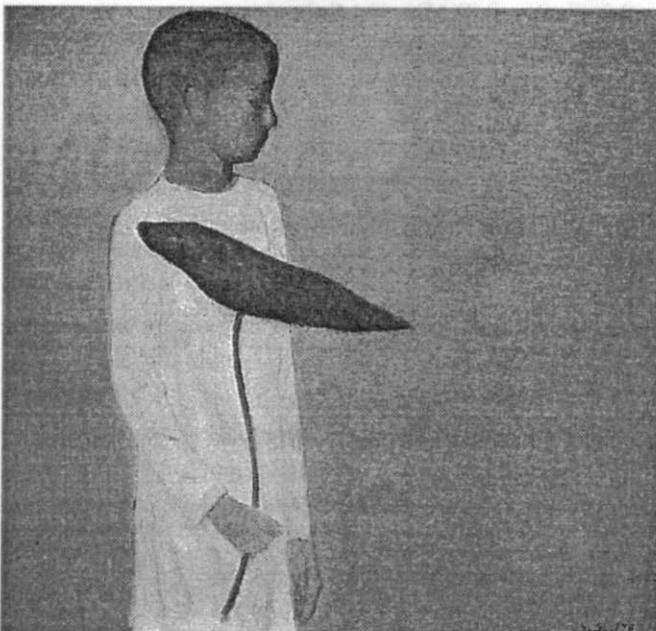


Lê Hồng Thái, *Khởi hành mới*, 1997

thời thượng và nhu cầu của thị trường tranh ở Việt Nam và mấy nước Đông Nam Á.

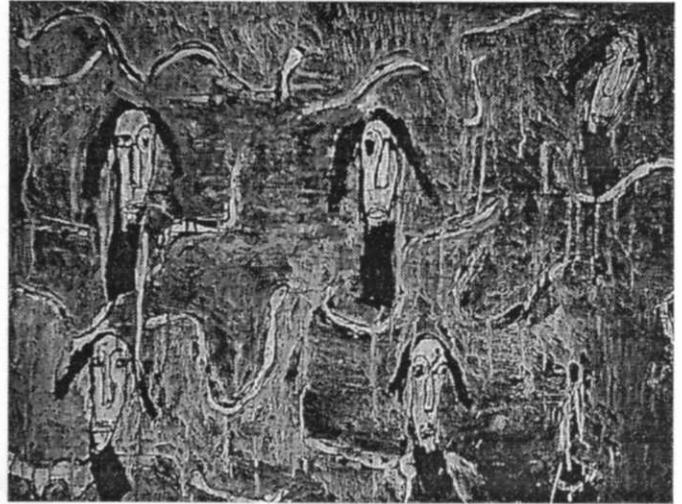
Mặt yếu của nền hội họa trẻ này ít thấy hơn, không như trên những tác phẩm của các bậc thầy hoặc đàn anh họ trước đây, nhất là những người trong nhiều năm đã phải vẽ theo phong cách hiện thực xã hội chủ nghĩa kinh viện.

Tuy nhiên cái bệnh kinh niên của văn học nghệ thuật ở nước ta, nói chung, vẫn là cái bệnh thiếu thông tin, thiếu giao lưu văn hoá, do đó thiếu tầm nhìn rộng và những hiểu biết về lý thuyết. Một vài sai lầm quan trọng mà nhiều họa sĩ mắc phải cũng do đó mà ra: một là đi vào những con đường quá



Hồng Việt Dũng, *Em bé cầm lá sen*, 1996

bung ra này của nền hội họa trẻ Việt Nam, đứng về mặt nghệ thuật thuần túy, mới chỉ diễn ra ở bề mặt. Nó chưa có thời gian để tìm hiểu thêm và đào sâu những vấn đề lý thuyết của hội họa hiện đại và của sự sáng tạo nghệ thuật, nói chung. Tôi sẽ không bàn đến ở đây những khía cạnh khác của sự bung ra này, đặc biệt là khía cạnh kinh tế và sự tha hoá của một số đông các họa sĩ hiện nay đương chạy theo đồng tiền và sáng tác theo thị hiếu



Đinh Ý Nhi, *Trong bể bơi*, 1994

mòn của người khác, hoàn toàn vô bổ ích cho mình đứng về mặt sáng tạo, hai là quá dễ dãi trong việc pha trộn những phong cách nghệ thuật khác nhau (tượng hình và không tượng hình, v.v...). Đây cũng là một hình thức thoả hiệp, và nhiều khi nó có thể làm trở ngại cho bước tiến của nghệ thuật.

Tôi xin lấy một thí dụ để minh họa cho điều nói trên. Từ đầu thập niên 90 đến nay, người ta thấy rất nhiều họa sĩ trẻ ở Việt Nam vẽ theo một phong cách được gọi là biểu hiện-trừu tượng, dựa theo từ *expressionnisme-abstrait* được dùng từ thời nhà họa sĩ trứ danh Kandinsky còn vẽ với phong cách biểu hiện (1908-1909). Từ bấy đến nay đã gần một thế kỷ. Người ta có thể hiểu được dễ dàng việc Kandinsky chuyển hướng từ biểu hiện (2) vẽ sang trừu tượng bắt đầu từ năm 1910 trở đi, và sau đó, cũng như Mondrian, có lúc đã lại phải vẽ tranh tượng hình trở lại để kiếm sống, vì lúc đó mới chỉ là những bước đầu của hội họa trừu tượng, các họa sĩ đi tiên phong trên hướng này đã gặp rất nhiều khó khăn, ở nhiều mặt.

Song, giờ đây sau gần một thế kỷ, lại sẵn có sự bung ra của ngành hội họa ở Việt Nam, có cần thiết phải đi theo lại con đường ấy nữa không? Người ta có thể thông cảm với các họa sĩ trẻ rằng, sau các bậc thầy và các bậc đàn anh, sau nửa thế kỷ hội họa hiện thực xã hội chủ nghĩa, bước vào hội họa hiện đại, có lẽ cũng cần một hình thức chuyển tiếp nào đó. Tuy nhiên, đứng về mặt nghệ thuật, cũng như về mặt lô gích, rõ ràng có một sự mâu thuẫn: một mặt các họa sĩ đã thừa nhận cái đẹp *trừu tượng* của bố cục, nhịp điệu, đường nét, màu sắc và chất liệu, v.v... (tuy rằng vẫn chưa tin hẳn), nhưng một mặt khác vẫn thấy phải thêm thắt vào đó những chi tiết tượng hình, hiện thực, dường như để cho người khác dễ chấp nhận tranh của mình.

Ở đây, tôi không muốn nói rằng hễ cứ hiện đại là phải trừu tượng. Tính chất hiện đại (*modernité*) là một khái niệm phức tạp và không cứng nhắc, bất di bất dịch. Nó bao gồm những thành quả đã đạt được trong lãnh vực sáng tạo và lý luận nghệ thuật bởi một số trường phái hội họa từ cuối thế kỷ 19 (đặc biệt là từ Van Gogh, Gauguin) đến nay. Nó có giá trị và áp dụng cho mỗi nhân tố thẩm mỹ đã được nêu ở trên, dù cho là tranh tượng hình, hiện thực, siêu thực, biểu hiện, hay trừu tượng.

Tranh của các họa sĩ như Bùi Xuân Phái, Nguyễn Tư Nghiêm, Nguyễn Sáng, đều có thể được coi là hiện đại. Nhiều họa sĩ ở thập niên 80, như Nguyễn Quân, Đặng Xuân Hoà, Trần Trọng Vũ, v.v... đều có những tác phẩm tượng hình, theo

hướng siêu thực hoặc biểu hiện, với bút pháp hiện đại.

Xem như vậy, từ bỏ ngôn ngữ kinh viện, gò bó của nghệ thuật hiện thực xã hội chủ nghĩa đi rồi, người ta vẫn có thể thoải mái đi theo nhiều hướng tìm tòi, sáng tạo khác nhau, miễn sao không thiếu tính chất *hiện đại* (3), không đi giật lùi, so với tiến trình của nghệ thuật.

Con sào hiện đại đặt khá cao, ngay từ đầu, và chắc chắn sẽ còn tiếp tục được đưa lên cao nữa, mà chỉ riêng việc quán triệt nội dung của khái niệm này, cũng đòi hỏi ở mỗi người họa sĩ, ít nhất là phải biết đến, nếu không là biết sâu, quá trình phát triển của hội họa phương Tây, với các trường phái của nó, từ ấn tượng, tượng trưng, dã thú, biểu hiện, lập thể, đến trừu tượng...

Văn Ngọc

Chú thích

(1) Vie Festival Francophonie Métissée.

(2) Từ *biểu hiện* (*expressionnisme*) khó định nghĩa một cách đầy đủ bằng đôi ba chữ, ngay cả trong tiếng Pháp (từ này xuất hiện từ năm 1921, theo từ điển Robert), và chỉ có thể hiểu được một cách tương đối chính xác qua các tác phẩm hội họa và lý luận của các họa sĩ thuộc trường phái này, từ Van Gogh, Munch, Nolde, Ensor, Kirchner, Soutine, đến Dubuffet, v.v... Khái niệm biểu hiện ở nơi những họa sĩ như Munch, Ensor, và nhất là ở Nolde, bao hàm nội dung *thể hiện thế giới bên ngoài và nội tâm con người trước cuộc sống đang bị thoái hoá, bằng một cái nhìn bản năng, cực đoan, và bằng một ngôn ngữ cũng dữ dội, cực đoan như cái nội dung mà nó muốn diễn đạt*. Kirchner đã từng tuyên bố: “*Tôi vẽ bằng cân não, bằng máu thịt của tôi*” (1914).

(3) *Tính chất hiện đại* (*modernité*): nội dung của từ này cũng khá phức tạp và tế nhị (một vài nhà phê bình nghệ thuật đã hiểu sai). Nó bao gồm một số khái niệm, thành quả đạt được trong lãnh vực nghệ thuật tạo hình ở phương Tây nhờ ở những tìm tòi sáng tạo của nhiều trường phái trên một số vấn đề lý thuyết của hội họa, kể từ trường phái ấn tượng (cuối thế kỷ 19) trở đi (xem các bài về hội họa hiện đại của Văn Ngọc trong ĐĐ các số 56, 58, 59, 63, 65, v.v...). Do đó từ *hiện đại* không dùng để chỉ một chủ nghĩa, hoặc một xu hướng nghệ thuật đặc biệt nào cả. Khi nói *hội họa hiện đại* (*la peinture moderne*), hoặc *tác phẩm hiện đại* là nói với cái nội dung trên, nghĩa là chủ yếu qui vào những nhân tố thẩm mỹ hiện đại mà nó chứa đựng, dù cho chúng thuộc khuynh hướng biểu hiện, lập thể, hay trừu tượng.

Tài liệu tham khảo :

- Thái Bá Vân, *Un survol rapide de l'art vietnamien* ; Dương Tường, *La tradition du neuf (Les nouveaux courants du Viet Nam)*, Centre Wallonic-Bruxelle, 1997.
- Phan Cẩm Thượng, Lương Xuân Đoàn, *Họa sĩ trẻ Việt Nam*, NXB Mỹ Thuật, 1996.
- Trần Hậu Tuấn (Sưu tập / Collection), *Hội họa Việt Nam Đương Đại*, 1995.
- Plum Blossons (International) LTD, *Uncorked Soul Contemporary Art From VietNam*, Hong Kong, 1991.
- Hà Thúc Cần, *100 Years Of Vietnamese Contemporary Painting*, Singapour.

Cái chết đã ổn định

*tặng những người lao động ở các nước Đông Âu
trong đó có các bạn Việt Nam*

Vào giờ của định mệnh
(hay của những bữa điểm tâm văn nghệ) *
chúng tôi lần lượt được gọi ra
để nói về thiếu số của chúng tôi —
những bầy người thất lạc
ở Ba Lan Bosnie Đức Quốc
Rumani Tiệp Khắc... Châu Âu
ở khắp nơi trên mặt đất này

Giữa những “ nhà điêu khắc của lưu đày và bất gộc ”
giữa những người “ gi-tan siêu hình của ngày lại ngày ”
giữa những hồn ma thi sĩ vừa trở lại
từ trại chết trại lao dịch vinh quang của các nước
tôi nói về kinh nghiệm một thiếu số tuyệt đối —
thiếu số của một người
bị nghiền nát giữa hai thế giới...

Và khi bạn cất “ tiếng hát Đông phương ” huyền nhiệm
xoa dịu những vết thương của tình anh em
tôi nghe những mũi gai của hiện thực đời mình
những mũi gai đã lặn vào bên trong —
những đường gân xanh xao
cuốn đi những đảo tể bào phiêu bạt...

Còn có nhịp cầu nào bắc qua châu Âu của các bạn
mà sao dưới lượn sóng ngầm tôi vẫn nghe tiếng chim ?
Còn có những bàn tay nào vói qua châu Á
mà sao từng cánh lá gục ngã trong lòng tôi ?

Thiếu số của một người !
Trong lặng thinh khiếp nhược đồng loã
cái chết đã ổn định.

Lộ trần, X-1997
Diễm Châu

Nguyễn Trung

Ý NHI

lời đối đáp giữa tĩnh và động

« Nghệ thuật là một cái gì thuần khiết và mãnh liệt, bình dị và chân thật. Hình thức không đáng kể nếu nó không biểu đạt được đời sống. Chính cuộc sống của người nghệ sĩ làm thành cái hình thức của nghệ thuật. Và tôi yêu những hình thức nghệ thuật thô mộc. Nó đẹp kinh khủng ».

Đó là những lời tóm lược về quan niệm nghệ thuật của Ý Nhi, một họa sĩ trẻ của Hà Nội, một con “ se sẻ ”, như cha của cô — họa sĩ Đinh Trọng Khang, người thầy của nhiều thế hệ ở Trường đại học Mỹ thuật Hà Nội — đã từng gọi vui như vậy.

Riêng cô thì quả thực đã chọn cái hình thức “ mãnh liệt bình dị và chân thật ” ấy để làm phương tiện biểu đạt cho mình. Đó là cái đẹp của sự giản lược cùng cực về màu sắc, của cái hồn nhiên và mạnh mẽ của hình và nét toát ra từ một tâm hồn chân thật và yêu cuộc sống.

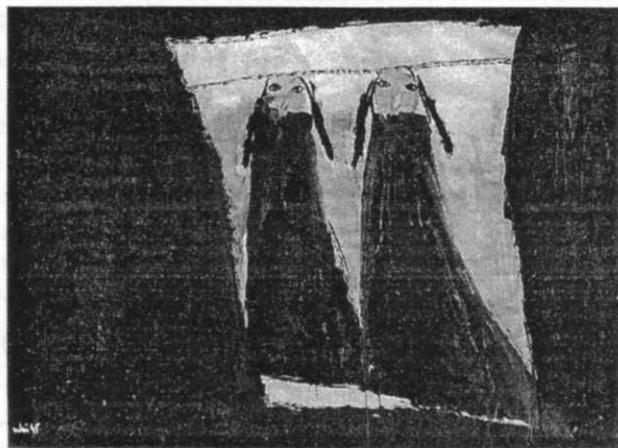
Lối vẽ đầy biểu cảm của cô tuôn tràn ra một mạch dài không ngắt khúc từ ba năm nay “ bắt đầu từ 1993 ” bằng sức mạnh của óc tưởng tượng phong phú, bằng tính cách độc lập và tự tin. Cùng một lúc, cô chối bỏ cái hấp dẫn của màu sắc và sự trau chuốt trong cách xử lý những yếu tố tạo hình.

Tranh của cô là một thế giới hoàn toàn riêng biệt. Một thế giới màu đen. Đen, xám và trắng, ba sắc độ vừa đủ cho tạo hình. Đó là thế giới của những hình nhân và của những đầu người được bố cục bằng cách đơn giản nhất và cũng gây ấn tượng nhất — một cách sắp đặt theo kiểu lặp lại, khi thì nhiều lần theo hàng ngang, khi thì được nhân thêm ở cả hàng dọc ; những hình nhân, những đầu người với đôi-mắt-hố-đen nhìn người xem tranh một cách trân trọng ; những chiếc miệng khi thì ngậm im, khi thì có dạng những nụ cười méo xẹo, hóm hỉnh, trêu chọc, tai quái, khi thì há to ra mà cách bố cục của bức tranh khiến ta liên tưởng đến một dàn hợp xướng đang biểu diễn ở một đoạn phải lên giọng thật cao, ở cung bậc mà các nghệ nhân phải vận dụng tất cả hơi sức của mình ; một bản thánh ca da đen (*Negro Spiritual*) nào, từ một nỗi tuyệt vọng, tình cảm tôn giáo được thăng hoa. Người ta cũng có thể tự hỏi, âm nhạc hay là tiếng hét gào ?

Gào hét và im lặng — đó là hai tứ thơ ở hai cực trong tranh của Ý Nhi nhưng đều cùng dệt lên những vần thơ mạnh mẽ, quyết liệt.

Gào hét và im lặng — điều nghịch lý ấy là lời đối đáp đồng dạng của Trắng và Đen, của Tĩnh và Động, của Khổ đau và Lắng dịu, là nét sinh động của Nghệ thuật cũng như của đời thường.

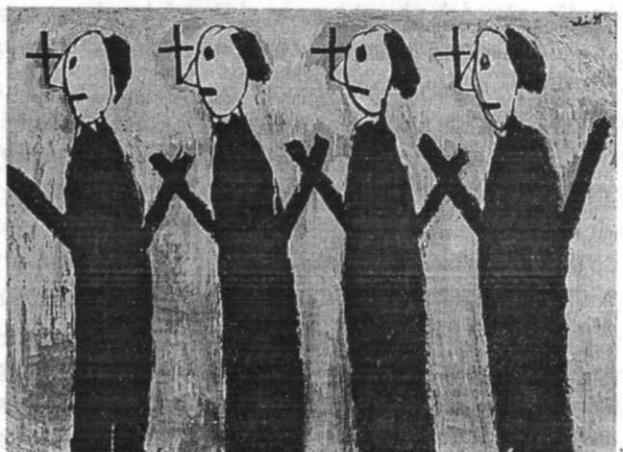
Ta có thể nói gương mặt con người là trung tâm của hội họa của Ý Nhi. Nó không hề được gọt giũa, tô điểm ; nó cũng không phải là những chân dung. Đó là những gương mặt trung tính, đồng dạng, những gương mặt sinh đôi, sinh ba,



Khảo cổ học, bột màu 1995



Bể bơi, bột màu 1994



Các dấu cộng, bột màu 1995

những gương mặt của những người anh em ruột thịt, của những người cùng cảnh ngộ, cùng số phận, hoặc đơn giản hơn, gương mặt của cùng một người được nhân ra.

Đó là tiếng vọng vang vang tự một tâm hồn nào, nó muốn nhắc đi nhắc lại điều mà nó tha thiết muốn nhấn lại những suy nghĩ về Tình yêu, về Lẽ sống và về Lương tâm con người chẳng hạn.

SG. 1.6.95

Văn hóa thị dân

Bệnh “ thương nhớ đồng quê ”

Luồng di dân tất yếu vì đủ mọi thứ nguyên nhân (sinh kế, tình cảm...) đã làm dân số thành thị tăng cơ học với tốc độ chóng mặt. Khi còn gian nan, cực nhọc vật lộn kiếm một chỗ đứng chân khả dĩ đảm bảo kế sinh nhai, những cư dân “ tân tông ” phải tự đồng hoá mình với cư dân bản địa. Đầu tiên là quần áo, giày dép, thứ đến nữa là lời ăn tiếng nói, rồi cách ăn uống giao du, sâu xa hơn là cách chọn vợ kén chồng, giáo dục con cái... Cùng với thời gian, bằng nghị lực phi thường sắt đá, sự nâng đỡ và kinh nghiệm của dân nhập cư đồng hương thế hệ trước cộng với không ít may mắn do thời thế mang lại... họ đã khẳng định được sự tồn tại hợp lý – hợp pháp. Hơn thế nữa, họ đạt được những vị trí quan trọng trong xã hội hoặc ít nhất cũng có những thành công không thể phủ nhận trong ngành nghề chuyên môn của mình và có một đời sống vật chất khá.

Từ đây, bắt đầu quá trình đồng hoá ngược. Những cư dân bản địa bắt đầu từ chỗ tò mò quan sát, tiến tới háo hức tìm hiểu, sau đó là học tập những kinh nghiệm thành đạt của những người mới ngày nào còn là dân “ nhà quê ra tỉnh ”. Và như thế, vô hình trung lối sống, phong cách của họ đã được áp đặt một cách nhẹ nhàng, tự nhiên và hợp lý vào phong cách sống vốn được coi là “ cao hơn ”, lịch lãm hơn của cư dân đô thị.

Nếu như cách ăn mặc không bị đồng hoá ngược bởi nó chịu sự tác động không thể cưỡng lại của một (chủ yếu từ phương Tây vào), thì lời ăn tiếng nói, nhất là các phương ngữ và cách phát âm, là một khía cạnh quan trọng của văn hoá đô thị bị nông thôn hóa nhiều nhất. Ngoài cách phát âm “ l ”, “ n ” lẫn lộn đã được coi là đương nhiên (!), kiểu chào hỏi : “ Dạ, bác lại nhà ” hay “ Chào bác em ngược ” từ chỗ nửa đùa nửa thật đã trở thành câu chào hỏi chính thức. Cùng với nó là vô vàn phương ngữ của tất cả các địa phương trên đất nước, các đại từ nhân xưng, các cách chơi chữ và đặc biệt là kho tàng truyện tiếu lâm.

Có rất nhiều biến thái của quá trình đồng hoá ngược. Và cái chứng bệnh “ thương nhớ đồng quê ” đang thịnh hành trong lối sống, trên văn đàn, trên phim ảnh... cũng là một trong những biến thái đó. Người ta đổ xô đi ăn cơm niêu, cơm hến, cơm lam, cơm chay, muối vừng, cà pháo, mắm tôm... Người ta thi nhau triển lãm tranh, ảnh, cây đa bến nước con đò, con trâu đi trước cái cày đi sau... ; thi nhau dựng những bộ phim về nông thôn. Chưa bao giờ những tên gọi thôn nữ : Sen, Nụ, Gái, Thắm... xuất hiện trong phim ảnh, sách báo

như vậy kể từ khi văn học hiện thực phê phán 30-45 thoả trào. Những nhà hàng kiêm quán bar, kiêm karaoke với những cái tên *Miền Quê, Làng Tôi, Xóm Núi, Mái Lá ...* ; có nội thất được trang trí nửa tỉnh nửa quê ; các tiếp viên váy ngắn tiếp rượu Tây và bia Tiger cùng các món ăn lươn, cua, ốc, ếch, rùa, rắn, châu chấu, ve sầu, kiến, ốc sên... mọc lên như nấm sau mưa. Người ta lũ lượt kéo nhau đến ăn uống, cười nói bàn chuyện nhân tình thế thái, khẳng định sự sành điệu và tấm lòng hồi nhớ cố hương của mình. Câu đầu lưỡi bao giờ cũng là : “ Ngày xưa ở quê tôi ”; hoặc “ Cái hồi tôi mới ra Hà Nội ”, “ Cái hồi còn bao cấp ấy mà ”. Khoe khoang quá khứ hàn vi, mang quê hương bản quán cha mẹ họ hàng ra kể với một giọng hơi giễu cợt rất đủ độ, có gia giảm tùy đối tượng người nghe cũng là một cách làm sang, một cách làm sang kiểu mới.

Sang hơn nữa ấy là tìm hẩn về quê theo đúng nghĩa đen, nhưng không phải ai cũng làm được việc này. Phải thật nhiều tiền để có thể làm chủ một mảnh đất ở quê, thuê người trông nom, cuối tuần hay ngày lễ dẫn gia đình, bạn bè, bồ bịch về đổi gió, khoe tiền một cách kín đáo, khoe sự sành điệu của mình và cho dân làng ngỡ ngác. Những cuộc chơi thượng lưu qua đi để lại chốn quê yên bình một chút xáo trộn, một chút mơ tưởng hão huyền kèm theo tiếng thở dài của ai đó ; để lại bãi rác đầu làng những vỏ đồ hộp, vỏ chai, vỏ lon nước ngọt mà hôm sau trẻ con xúm vào tìm bới, để lại trong tâm trí những người trở lại chốn thị thành một nỗi tự hào : mình vừa làm xong một nghĩa cử với làng quê (!).

Những nhận xét trên chẳng phải để phê phán hay châm chọc gì ai. Bản thân người viết cũng có gốc gác nửa quê nửa tỉnh và mỗi khi tình cảm làng quê trở dậy thì bao giờ cũng cố gắng kiếm một việc gì đó vừa chúng tỏ được mình có tình cảm, vừa làm sao đỡ tốn công, tốn sức, đỡ tốn tiền nhất để làm. Nếu là đóng góp công đức thì bao giờ cũng hỏi mức tối thiểu là bao nhiêu, Nếu có ai ở quê ra cần giúp đỡ, bao giờ cũng rất sốt sắng, nhiệt tình và kín đáo hỏi bao giờ về. Hành động khả ái nhất là cầm mớ nem chua hay chè lam lên cơ quan chiêu đãi tất thầy mọi người và lớn giọng : “ ở quê tổ ấy mà ”, với giọng hơi tự giễu đã được gia giảm cho đủ độ vừa với khẩu vị của củ toạ.

Thu Hà
(Tuổi Trẻ Chủ Nhật)

Đọc

Hộp Lưu

Tập san Văn học - Nghệ thuật - Biên khảo

* Nơi quy tụ những cây bút nổi tiếng của trong và ngoài nước.

* Nơi gặp gỡ những tấm lòng tha thiết với văn học Việt Nam.

Hộp Lưu Magazine, P.O. Box 277,

Garden Grove CA 92642, USA

Tel. và Fax : (714) 537-2468

Đại diện tại Âu châu : M&Mme Lê Tất Luyện,
15 Place Souham, F- 75013 Paris. Tel. 45 83 19 12

Khi văn nghệ sĩ mở ...quán !

Minh Trí

Hiện nay tại TPHCM có nhiều nhà hàng, quán ăn do văn nghệ sĩ trực tiếp quản lý hay tham gia điều hành. Tuy cùng là kinh doanh, kiếm sống, nhưng mục đích của các nhà kinh doanh chuyên nghiệp và các nghệ sĩ - kinh doanh cũng có những điểm khác nhau. Ngoài lý do kinh tế, mỗi văn nghệ sĩ của chúng ta khi bước vào công việc kinh doanh ẩm thực đều có một ... nỗi niềm !

Nhà thơ Nguyễn Duy : ưa món ... “ nhà quê ”

Năm tháng lang thang trên các miền đất nước đã lưu lại nhiều dấu ấn cho nhà thơ Nguyễn Duy. Một trong những điều làm anh trần trở là : « Chúng ta chỉ làm mất đi những món ăn đã có, chứ chưa tạo được những món ăn mới ». Nhiều năm qua, Nguyễn Duy đã âm thầm sưu tập cách làm nhiều món dân gian để khi rảnh rỗi thì tự tay nấu nướng, khoản đãi bạn bè. Anh vẫn nghĩ, giá mà có một nơi nào đó trong thành phố chỉ bán toàn những món ăn nhà quê với giá “ nhà quê ” cho mọi người cùng thưởng thức. Được bạn bè khích lệ và giúp đỡ, từ hơn tháng nay, Nguyễn Duy đã lập ra một quán ăn có cái tên dân dã **Quán Vịt** (264/M Lê Văn Sĩ Q.3) để thực hiện những dự định về ẩm thực của mình.

Ồ đây, vịt là nguyên liệu chính để chế biến các món ăn. Anh lý giải, vịt vừa là một con vật quen thuộc với người Việt Nam, vừa là một đặc sản chưa nhiều lắm ở thành phố, ngoài Thanh Đa và Thủ Thiêm. Quán cũng là căn nhà mà vợ chồng anh vừa được hoá giá, phục vụ là các em, cháu ở ngoài quê Thanh Hoá vào, bàn ghế là của bạn bè khuân đến... Ừng hộ !

Nguyễn Duy cười hiền lành cho biết : « Người ta có nhà tình nghĩa, còn tôi có “ quán tình nghĩa ” ! Không mong làm giàu, tôi chỉ mong sao không còn cảnh phải viết cho nhiều nơi, viết vật để có tiền trang trải vật. Hơn thế nữa, tôi ao ước quán sẽ là nơi anh em bạn bè gặp gỡ. Nếu khấm khá, tôi hy vọng có thể giới thiệu thêm một vài hương vị quê nhà với người Sài Gòn ».

Nguyễn Chánh Tín – Bích Trâm và “ cầu nối ” ẩm thực Việt - Pháp

Trong số những nghệ sĩ mở quán, có lẽ Nguyễn Chánh Tín và Bích Trâm là lao đao nhất. Trước đây, anh chị cũng đã từng đôi ba lần mở quán với quy mô lớn, nhưng do nhiều nguyên nhân đều không thành công. Từ kinh nghiệm đó, họ quyết định đi theo một hướng mới : nhỏ nhưng chắc.

Với vốn kiến thức trường dòng, Nguyễn Chánh Tín và Bích Trâm khá am tường các món ăn Pháp. **Ngói Xanh Quán** (PPI đường Ba Vì, cư xá Bắc Hải Q.10) của anh chị

có kiến trúc giống như một nhà hàng Pháp. Đối với thực khách nước ngoài mà đa số là người Pháp, Bích Trâm ưu tiên giới thiệu các món ăn Việt Nam như : cá lóc hấp bầu, cá nướng lá chuối, heo chả chìa, cơm thơm, lẩu cá kèo lá giang... Với khách Việt Nam muốn biết qua một vài món ăn thông dụng của Pháp, Ngói Xanh cũng là một địa chỉ được tin tưởng. Đặc biệt, tất cả các món ăn trên đều do chính tay Bích Trâm chế biến. Còn các bình hoa khô trang trí quán đều do Nguyễn Chánh Tín cắm.

Chúng tôi hỏi « Phải chăng chị muốn là một chiếc “ cầu nối ” về mặt ẩm thực giữa hai dân tộc ? ». Chị cười khiêm tốn : « Không dám cao sang như vậy đâu ! Mình biết điều gì hay thì muốn chia sẻ cho mọi người cùng biết. Một không khí thân tình, thoải mái, cùng nhau thư giãn bên bàn ăn sau giờ làm việc, đó là cái mình muốn. Trước đây mình làm nghệ thuật để phục vụ, bây giờ vẫn mang phương châm đó vào kinh doanh ».

Nhà thơ Vũ Trọng Quang và đặc sản miền quê Nam bộ

Khác với nhiều nhà hàng thường có những món “ ruột ”, nhà hàng **Trống Đồng** (số 5B Lê Quý Đôn) của nhà thơ - tác giả *Đã hết giờ của lọ lem* (xuất bản 1994) Vũ Trọng Quang lại quan niệm phải có thật nhiều món ăn mới lạ để giữ chân khách. Anh cho rằng ẩm thực cũng như nghệ thuật, luôn cần cái mới để lôi cuốn mọi người. Với phương châm đó, anh cố gắng sưu tầm và giới thiệu các món ăn lạ từ nhiều nơi như : cu dất, chuột đồng... nhưng tập trung là các đặc sản miền quê Nam Bộ. Vũ Trọng Quang là một nhà kinh doanh khá cứng tay, với hơn 5 năm hoạt động thành công trong lãnh vực kinh doanh ẩm thực.

Lê Cung Bắc – Đơn Dương với ... “ Nhà Tôi ”

Dù là tốt nghiệp cao học kinh doanh, nhưng đạo diễn Lê Cung Bắc chưa bao giờ làm kinh doanh quy mô đúng với tầm kiến thức của anh. Với quán **Nhà Tôi** (105B Trương Định Q.3), Lê Cung Bắc cho đó là một cách cải thiện cuộc sống của người nghệ sĩ vốn có thu nhập không cao, đồng thời giúp họ có điều kiện đi đến cùng những đam mê của mình. Rất may việc kinh doanh này gần như không gặp một trở ngại nào, ngoài những khó khăn nhỏ nhỏ như vốn liếng, mặt bằng... Nhà Tôi nghiêng về các thực phẩm Á-Âu mà chủ yếu là các thức ăn Hoa-Việt.

Lê Cung Bắc tâm sự : « Quán chưa đầy năm, nhưng nhờ anh em, bạn bè, khán giả thương nên mọi chuyện đều tốt đẹp. Không làm giàu, nhưng sự ổn định do thu nhập mà quán mang lại đã giúp chúng tôi có thể từ chối những điều mình không muốn trong nghệ thuật, tránh đi nỗi đau trái lòng là vì sinh kế phải thể hiện trên màn ảnh điều mình không cảm nhận, không yêu thương... ».

Vậy đó, các văn nghệ sĩ trên đều cho rằng dù việc kinh doanh có phát đạt đến đâu, vẫn chỉ là một công cụ để hỗ trợ cho nghệ thuật mà thôi. Đó là điểm khác nhau cơ bản giữa một nhà kinh doanh và một nghệ sĩ - kinh doanh mà chúng tôi ghi nhận được.

Minh Trí

(Phụ Nữ Thứ Tư 13-09-97)

Tôi về Việt Nam

Vũ Thanh Ca

Sau hơn hai năm xa cách, tôi lại trở lại Việt Nam. Mà lại trở lại liền những mấy lần. Không nói, ai cũng có thể thấy được cái háo hức của một người trở lại đất nước mình, nhất là khi trong ký ức, những hình ảnh về Việt Nam dần nhòa nhạt.

Hàng không Việt Nam còn quá ít tuyến bay, và chính vì thế nỗi nhớ đất nước của tôi lại càng tăng gấp bội. Đầu tháng 6, tại sân bay Charles De Gaulle ở Paris, vừa nhìn thấy cái máy bay mang nhãn hiệu Hàng không Việt Nam (HKVN), cả gia đình tôi đã xuýt xoa : giá như có thể lên chiếc máy bay này để trở lại Việt Nam !

Cảm giác đầu tiên của tôi ngay tại sân bay Hồng Kông là người Việt Nam đi máy bay ít nói hẳn đi so với xưa kia, và hầu như không bắt chuyện với người ngồi cạnh. Có lẽ, người thích bắt chuyện với người ngồi cạnh lại là người Việt ở xa về. Phải chăng, trong những năm qua, cùng với sự phát triển về kinh tế, người Việt đã trở nên văn minh hơn, và lạnh lùng hơn, như người của những nước văn minh khác ?

Cách xử sự của nhân viên phục vụ trên máy bay của HKVN đã thay đổi rất nhiều, tận tình, chu đáo, lịch sự. Nói chung, có lẽ không kém gì các hãng hàng không có tiếng tăm trên thế giới.

Đã về và đã đi rất nhiều lần, nhưng tôi vẫn cảm thấy sững sờ khi bước xuống sân bay Nội Bài. Nóng ghê người, nóng tới mức không thở nổi. Vừa từ cái xứ với nhiệt độ cao nhất ban ngày là 20 độ C ở Bắc California, trở lại với cái nhiệt độ hơn 36 độ C vào 3 giờ chiều, thật là khủng khiếp. Cái xe ra đón ở sân bay là một cái xe bus cũ kỹ, loại xe bãi rác của Nhật được HKVN mua về khoảng năm 1992, đầy bụi bặm và không có máy lạnh. Tôi biết rằng hiện nay tại sân bay Nội Bài đã có một loại xe bus mới, giống hệt loại dùng ở sân bay Hồng Kông. Không hiểu sao nó lại không được dùng trong chuyến tôi về.

Thủ tục qua công an và hải quan rất nhẹ nhàng. Nói chung, hải quan sân bay Nội Bài từ mấy năm trở lại đây khá lịch sự, đàng hoàng. Có điều, họ kiểm tra rất kỹ, từ cái cặp xách tay cũng phải soi qua máy. Chắc chắn là máy tính xách tay sẽ không thể qua nổi cửa này. Tuy nhiên, tôi không biết máy tính thì sẽ bị đánh thuế bao nhiêu.

Tuy rằng tôi đi từ Việt Nam được phép hẳn hoi, và làm việc ở đây cũng được phép, hộ chiếu tôi mới làm ghi chỗ ở là Saitama, Japan, tức là không khác gì người Việt hải ngoại mang hộ chiếu Việt Nam. Vậy tôi dám chắc là người Việt hải ngoại cũng được đối xử như tôi.

Bà xã tôi và thằng con trai nhỏ đã đón sẵn tôi ở sân bay. Bà xã cùng bọn nhỏ về trước tôi hai tuần, không hiểu sao lại nằng nặc đòi ra sân bay đón. Chắc là chẳng phải bà sợ cái thằng xấu xí và đờ đẫn như tôi sống mất.

Rời con đường cao tốc Hà nội - Nội Bài, chiếc xe con chở chúng tôi qua những con đường nhỏ và lùm bụi. Tôi đã nói là với tuổi, trí nhớ con người dần nhòa nhạt. Cho dù đã chuẩn bị khá kỹ càng về tư tưởng, tôi vẫn bị sốc khi nhìn những con đường ven Hà Nội.

Bữa cơm chiều thật là ngon, nhưng nóng quá, nuốt không trôi. Vừa ăn xong cơm, tôi lập tức gọi điện đi những nơi cần thiết để sắp xếp công việc hôm sau. Không hiểu sao thời gian trôi nhanh thế. Thoảng một cái đã sắp nửa đêm.

Giấc ngủ chập chờn của tôi lúc 5 giờ sáng bị phá vỡ bởi tiếng rao của những người bán hàng sớm. Đã lâu lắm, tôi không nghe tiếng rao này. Thời xưa, khi còn ở Việt Nam, chúng tôi ở trong một khu tập thể quá nghèo, và vì thế hình như không có hàng quán rao vào sáng sớm. Ở Nhật, quen với việc ngủ tới 7 giờ sáng, bắt đầu ngày làm việc vào khoảng 9 tới 10 giờ sáng, các cửa hàng chỉ mở từ 10 giờ, những tiếng rao hàng từ 5 giờ sáng đã gây cho tôi một ấn tượng rất mạnh. Đã bao nhiêu năm nay, người Việt mình tần tảo thế này, mà nghèo vẫn hoàn nghèo.

Buổi sáng, tới cơ quan mà tôi làm việc khi xưa, vừa để chào anh em, vừa để liên hệ công việc. Cơ quan đã đổi mới, được chuyển tới một ngôi nhà hai tầng khang trang. Tuy nhiên, hình như cách làm việc không thay đổi lắm. Anh bạn tôi chỉ vào một anh cán bộ đang ngồi bên cái máy tính, cười "*Cả cơ quan chỉ có một mình anh này làm việc*". Thời gian ở đây hình như là thứ rẻ mạt nhất. Tôi nghe nói người ở nhà nói chung bận rộn hơn xưa rất nhiều với biết bao công việc cho kế sinh nhai. Hình như thời gian ở cơ quan vẫn được coi là giờ nghỉ trước hoặc sau giờ làm việc chính thức. Chắc chắn rằng với cách làm việc này, sau 20 năm nữa, đừng ai nói tới biến thành rồng.

Tôi có nhiệm vụ về nước chuẩn bị cho chuyến đi thăm Đồng bằng sông Cửu Long, và thu thập tài liệu cần thiết. Để cho chuyến đi suôn sẻ, tôi đã gọi điện rất nhiều từ Nhật về bằng máy riêng để sắp xếp mọi việc. Thế nhưng khi về đến Việt Nam, tất cả mọi việc đều phải bắt đầu từ đầu. Chiều đó, theo như hẹn, tôi tới cơ quan chính mà tôi sẽ liên hệ làm việc.

Ấn tượng đầu tiên đối với tôi là ngôi nhà của cơ quan đã thay đổi rất nhiều so với khi xưa. Vì là một cơ quan có liên hệ quốc tế rất nhiều, tất cả các phòng làm việc đều sạch sẽ, khang trang và lịch sự. Cách làm việc cũng có vẻ khá hơn. Những người làm việc tại đó rất nhiệt tình và đứng đắn. Tuy nhiên, khi đi vào công việc thực sự mới thấy muôn vàn trắc trở. Vì là việc liên quan tới người nước ngoài, cái gì được phép, cái gì không được phép, thật không có ranh giới rõ ràng. Muốn được phép, phải xin qua các cơ quan cao hơn, và phải qua bao nhiêu thủ tục, và tất cả các thủ tục đều mất thời gian. Cuối cùng, tôi kết luận là không thể làm được trong vòng một tuần. Tuy nhiên, không chịu đầu hàng, tôi tới tất cả mọi chỗ có thể để liên hệ, và kết quả vẫn là số không.

Phải nói thẳng là làm việc trong nước dễ hơn xưa kia rất nhiều, nhưng còn xa mới có thể nói là thuận lợi cho người nước ngoài vào đầu tư. Cho dù tôi là người Việt Nam, quen biết rất nhiều, mà không ai dám giúp tôi. Mà tôi cũng không dám nhờ ai giúp. Mình không nắm được luật, biết đâu có điều gì đó mình làm sai, mang vạ cho mình và cho bạn. Chẳng cần nói nhiều, cũng thấy được là tại sao người nước

ngoài không thích đầu tư vào Việt Nam. Họ không biết đường nào mà lẫn cả. Đến như tôi mà còn không biết đường nào. Rõ ràng là cái mà Việt Nam cần nhất hiện nay là một bộ luật ràng buộc, và giảm bớt tất cả những thứ thủ tục không cần thiết. Mỹ, Nhật... đâu có cần xin phép nhiều như vậy mà họ vẫn cực kỳ thành công. Thủ tục sẽ để ra tham nhũng, muốn chống tham nhũng, phải tinh giản các thủ tục trước hết.

Buổi tối, cùng gia đình anh bạn đi Hồ Tây. Hiệu ăn khá nên thơ ngay mép nước. Tuy nhiên, bàn ghế và đồ dùng cho bữa ăn quá xấu và bẩn. Khách ăn quá ít mà người phục vụ quá nhiều. Có lẽ, sức lao động là rẻ nhất.

Điều mà tôi khó chịu nhất là hiệu ăn không bán bia Việt Nam. “*Carlsberg*”, cô tiếp viên giới thiệu. “*Không, nhất thiết bia Việt nam*”, tôi kiên quyết. Bà xã tôi đầu đuôi : “*Carlsberg cũng không sao*”. Sau này, đi rất nhiều hiệu ăn từ Bắc tới Nam, tôi chưa tìm nổi một hiệu nào bán bia Việt Nam. Bia Hà Nội rất ngon và rẻ, thế mà ai cũng đổ xô vào bia ngoại. Phải chăng đó cũng là tâm lý tự ti, dùng hàng ta thì không sang bằng hàng ngoại. Bao nhiêu năm cô lập và nghèo đói đã tạo cho mọi người tâm lý chuộng ngoại. “*Chỉ có ngoại thành là kém hơn nội*”.

Cảm giác của ngày đầu tiên là nhịp độ phát triển thời mở cửa đã chững lại. Nhiều gương làm giàu điển hình đã bị phá sản và vỡ nợ, mất cả nhà cửa. Giá đất xuống, khách sạn, nhà hàng vắng khách. Và nhất là hầu như không thấy bóng khách ngoại quốc.

5 giờ sáng hôm sau, xe chúng tôi rời Hà Nội về quê. Mãi 5 giờ sáng mà cả Hà Nội đã thức giấc, các hàng quán đã có nhiều người ăn. Ông giáo sư người Nhật đi cùng tôi chuyến sau nói : “*Muốn biết tương lai của một dân tộc, phải xem họ dậy từ lúc nào*”. Chẳng biết câu nói đó có đúng hay không. Chẳng lẽ chúng ta lại không trở thành rồng ?

Làng quê tôi đã hoàn toàn đổi mới. Ngày xưa, cứ nghĩ tới chuyện về quê là thấy kinh hoàng với những con đường lồi lõm, đầy bụi. Ở cái làng nghèo đói của tôi một trận mưa có thể làm cho các xe chết đứng tại chỗ. Giờ đây, tất cả các con đường chính trong xã, thôn đã trải nhựa, còn các con đường nhỏ về làng thì lát bê tông tấm. Gần như 100% dân có nhà ngói khang trang. Tại khu đất trường phổ thông cơ sở trung học cũ, một khu nhà hai tầng mới tinh, khang trang mới mọc lên. Lúc đó đang dịp hè, ngôi trường vừa được xây xong để đón học sinh vào năm học mới. Gần như tất cả ngôi trường và các con đường được làm nên từ đóng góp của dân. Khác với bên Thái Bình, người dân quê tôi rất hoan hỉ với những thành tựu của họ. Ông chú tôi nói : “*Tôi không bao giờ tưởng tượng nổi là có thể nhìn thấy đường nhựa về tận đầu làng*”. Cán bộ xã tôi chưa bao giờ nổi tiếng về đức tính thanh liêm, và tôi không dám kết luận là có tham nhũng hay không. Tuy nhiên, ngôi trường tiểu học cơ sở và trung học cơ sở gồm mấy dãy nhà hai tầng mà chỉ tốn có một tỷ đồng thì hoàn toàn không phải là đắt.

Theo dự định, ngôi trường sẽ được khánh thành vào ngày 3.9.1997. Tôi được là một trong hai người, cùng anh Trần Văn Nhung, vụ trưởng Vụ hợp tác quốc tế, BGD và ĐT, được mời là khách đặc biệt dự lễ khánh thành. Rất tiếc là ngày 3.9 tôi ở Hà Nội mà không về dự được.

Mọi người ở quê bận rộn hơn xưa. Tuy nhiên, có một không khí trầm lắng, khác hẳn hai năm trước đây. Hình như cũng như Hà Nội, nhịp độ phát triển đã bị chững lại.

Sáng sau, lên tới Hà Nội, tôi lại quay lại với công việc ngay. Cố gắng tới ngày cuối cùng, tôi vẫn không giải quyết được việc gì. Khi bước lên xe trở lại Nhật, lòng tôi buồn vô hạn. Vẫn biết là cần phải có thời gian, nhưng chờ đợi tới lúc nào ?



Trong chuyến đi lần này, ấn tượng lớn nhất của tôi là rất nhiều người ở Việt Nam đã bỏ thuốc lá, hoặc hút ít hơn trước rất nhiều. Trước đây, “*điều thuốc lá là đầu câu chuyện*”. Xa cơ quan lâu, nhất là đi công tác nước ngoài trở về, không có bao thuốc lá sang mời anh chị em trong cơ quan để bị coi là ki bo. Tới một cơ quan khác liên hệ công tác, điều thuốc sẽ làm cho người ta thân mật hơn và công việc thuận lợi hơn nhiều. Về thăm quê vài ngày cũng cần tới hơn một cây thuốc. Vào cái thời đó, nhiều người không nghiện cũng hút. Chẳng mấy khi được mời điều thuốc sang. Mà chí ít thì cũng rút lấy một điều “*làm quà cho ai đó*”. Bởi vậy, thông thường mỗi chuyến tôi về Việt Nam khoảng 1 tuần, tôi phải mua ở Hồng Kông tới ba cây thuốc mà vẫn thiếu. Bây giờ, các cơ quan đều treo biển cấm hút thuốc nên khi đi liên hệ công việc, tôi không dám rút bao thuốc ra mời. Ở quê tôi, mọi người cũng ít hút thuốc hơn. Cho tới một cậu em họ tôi, hút thuốc tới mức chỗ hai ngón tay cầm điều thuốc trở nên vàng khè, giờ cũng bỏ thuốc. Trong đợt này, tôi mang về ba cây thuốc, đã mời khắp nơi “*như đồ đi*”, mà tôi khi đi vẫn còn thừa tới hơn một cây.

Hôm trước khi sang lại Nhật, tôi tới Du Lịch Việt Nam (DLVN) để liên hệ, sắp xếp cho chuyến đi tới. Tôi tới vào lúc 1 giờ 05 phút chiều, cơ quan vắng vẻ. Cô gái trực cơ quan cho biết những người có trách nhiệm đi ăn trưa vắng, tới 1 giờ 30 phút mới về. Giờ làm việc bắt đầu từ 1 giờ chiều, mà cả phòng kéo nhau đi ăn trưa tới tận 1 giờ 30 chiều thì cũng là sự lạ. Chờ tới hơn 1 giờ 30, những người có trách nhiệm mới quay về và công việc mới bắt đầu. Cũng phải nói công bằng là DLVN không có khách. Trong cả một khoảng thời gian dài chờ đợi và cả quá trình làm việc sau đó, chỉ có tôi là khách duy nhất. Như vậy, có lẽ đi ăn về chậm cũng không sao. Giá mà biết có khách, chắc chẳng ai dám đi ăn về chậm. Tuy nhiên, bắt khách hàng chờ tới 30 phút thì cũng tương đương với việc đuổi khách đi, hay là nhường khách cho cơ quan bạn.

Trong chuyến đi này, tôi cũng qua thăm mấy đại diện của một số doanh nghiệp tư nhân làm ăn có tiếng tăm trong nước. Khác với các cơ quan nhà nước, tại các doanh nghiệp tư nhân, mọi người tới rất đúng giờ và trong giờ làm việc, mọi người đều ngồi ngay ngắn bên bàn. Như vậy, không khí làm việc tốt hơn nhiều tại các cơ quan nhà nước. Có điều là hình như ở khối các doanh nghiệp tư nhân, việc cũng không phải là nhiều. Những người ngồi chơi bên bàn làm việc, hoặc thậm chí gọi điện thoại nói chuyện riêng trong giờ làm việc không phải là hiếm.

Sau hơn một tuần ở Nhật, tôi lại quay lại Việt Nam. Chuyến đi này có 5 người : tôi, một vị giáo sư ở trường tôi, một vị giáo sư trường Tokyo, một vị giáo sư trường Kyoto và

một giáo sư trường Ritsumeikan. Mục đích của chuyến đi khá là đơn giản : gặp gỡ những nhà khoa học Việt Nam đang làm việc liên quan tới sông Mê Kông, tìm hiểu về những vấn đề môi trường đang có ở vùng đồng bằng sông Mê Kông và trên cơ sở đó, đánh giá những ảnh hưởng có thể có của việc xây một loạt các đập trên các nhánh của sông Mê Kông tới môi trường hạ lưu sông.

Được trang bị đầy đủ những kinh nghiệm của chuyến đi lần trước, tôi cố gắng tới mức cao nhất để chuẩn bị cho chuyến đi lần sau. Vì tôi có khá nhiều mối quen biết trong giới chuyên môn trong nước, có thể nói là đi đến đâu cũng gặp bạn quen, những người trong nước rất nhiệt tình và tìm mọi cách để giúp tôi đi theo con đường nhanh và chắc chắn nhất, tức là không thể phạm luật bằng bất cứ cách nào. Lúc nào cũng phải cẩn thận. Làm việc với người nước ngoài không phải là chuyện chơi.

Chúng tôi tới Hà Nội vào ngày 1 tháng 9. Trời mưa nhẹ và rất mát. Đường phố Hà Nội đã sạch hơn nhiều. Để chuẩn bị cho ngày Quốc Khánh, người ta đã tiến hành tổng vệ sinh và chẳng đèn, kết hoa ở khắp mọi nơi. Dù sao thì cũng có thể tự hào đôi chút về Hà Nội.

Chúng tôi nghỉ lại ở khách sạn Thủy Tiên. Khách sạn mới xây, thiết bị nội thất không phải là rất xịn, nhưng nói chung là khá đẹp và lịch sự. Nhân viên phục vụ mặc chế phục khá đẹp và rất tận tình. Xe vừa đậu lại, họ đã ra tận xe mở cửa, mang giúp hành lý vào phòng. Lúc nào cũng có người chờ sẵn để mở cửa mỗi lúc có khách vào. Giá cả rất phải chăng, nếu không muốn nói là rất rẻ. Kể cả bữa ăn sáng buffet kiểu Anh, giá phòng cho một ngày đêm chỉ là 45 USD. Mặc dầu như thế, khách sạn chỉ lèo tèo vài mươi khách. Không hiểu họ làm thế nào để có lãi. Nghe nói ở Phú Tây Hồ, hàng trăm biệt thự lộng lẫy không có khách thuê. Chắc rằng nếu không có một chiến lược đúng đắn của ngành du lịch và của nhà nước, ngành kinh doanh khách sạn ở Việt Nam sẽ còn lảm nhảm khó khăn.

Tối đó chúng tôi tới quán “com niêu”. Tôi bây giờ mù tịt về các quán ăn tại Hà Nội. Những chuyến về đều ngăn ngui cùng với vợ con, và công việc nữa nên hầu như không có thời gian đi săn hiệu ăn ngon. Mà các hiệu ăn ở Hà Nội thì thay đổi từng ngày. Chúng tôi tới đây là theo lời giới thiệu của cậu lái xe. Quán này chuyên về các món đồng quê : cá rô rán, cá kho tộ, chả lươn, miến lươn, com tám nấu trong niêu đất. Giá cả rất phải chăng. Quán có cả rượu cần. Tuy nhiên, vẫn không có bia Việt Nam và rượu “cuối lủi”. Chúng tôi gần như bị bắt buộc phải uống bia San Miguel. Các cô tiếp viên mặc áo in hình của hãng bia đó. Hình như các hãng bia ngoại đã mua hết các hiệu ăn ở Việt Nam.

Ngày hôm sau là 2.9. Ngày Quốc Khánh, và chúng tôi dự định đi chơi quanh Hà Nội. Thật không may, từ sáng sớm trời đã mưa như trút nước. Khi xe tới đón tại khách sạn, nước lụt đã ngập toàn bộ phần vỉa hè đằng trước, và xe phải áp sát vào tận bậc thềm khách sạn để khách bước lên. Chẳng biết nên giới thiệu với khách danh lam thắng cảnh gì ở Hà Nội, tôi quyết định đi Ao Vua.

Trong mấy năm gần đây, Ao Vua đã trở nên rất nổi tiếng với người Hà Nội. Mà công nhận là ai đó đã phát hiện ra một vùng đất thật là đẹp. Ngay cả trong điều kiện trời mưa như

trút nước, con suối chảy ra ao vẫn trong veo. Rõ ràng vùng đất quanh núi Ba Vì không phải chỉ là núi đá, mà nước suối lại không đục ngay cả lúc mưa to. Chúng tôi men suối lên phía thượng nguồn và nhận thấy thảm thực vật phía thượng nguồn suối không bị tàn phá. Có lẽ chính những thảm thực vật này đã ngăn chặn xói mòn và giữ cho dòng suối trong. Chắc là sự phát triển của Ao Vua đã giúp cho người ta bảo vệ rừng phía thượng nguồn của suối.

Ngay cả trong trời mưa tầm tã, Ao Vua vẫn rất đông. Trên con đường từ Hà Nội lên Ao Vua, dưới trời mưa như trút nước, chúng tôi thấy hàng đoàn xe máy nối đuôi nhau đi cùng chiều. Trên xe hầu như là thanh niên, thanh nữ với lứa tuổi mười tám, đôi mươi. Có lẽ họ đã hẹn nhau từ lâu nên cho dù trời mưa, họ vẫn cứ đội mưa đi. Kể ra, có với nhau kỷ niệm đi Ao Vua vào ngày mưa lớn cũng là một điều hay. Chúng tôi nghe nói vào những ngày chủ nhật đẹp trời, Ao Vua lúc nào cũng đông nghẹt khách. Hà Nội đông quá, mà dân đã có tiền nhưng chẳng có mấy chỗ hay để giải trí.

Sau bữa trưa, chúng tôi lên xe quay về Hà Nội. Vì còn khá sớm, chúng tôi quyết định đi thăm Đền Cổ Loa. Đền khá đẹp, và nhất là nhiều bảo vật đã được bảo tồn từ thời Ngô Quyền dựng nước. Điều đáng tiếc nhất là cây đa tuyệt đẹp trước đền, nghe nói do ông Ngô Quyền trồng, đã chết và chỉ còn là một cái xác khô. Và cái Giếng Ngọc trước đền thì đã được xây, nhưng nước trong giếng xanh lè, biểu hiện của sự ô nhiễm nặng. Cách làm việc của mấy người quản lý đền làm tôi hơi khó chịu. Thấy người nước ngoài, họ nghĩ ngay tới việc xin tiền và tấn công ngay với cái vốn tiếng Anh rất “nhà quê”. Tôi phải chặn ngay lại và việc này đã làm cho ít nhất một ông buồn. Dù sao thì cũng phải nghĩ rằng ta nghèo nhưng rất tự trọng ; mà chẳng phải cái túi của người nước ngoài nào cũng rộng mở. Ta nên nghĩ ra kế “chặt” họ hơn là nghĩ ra kế xin họ.

Vẫn còn sớm, chúng tôi quyết định ghé qua Phủ Tây Hồ. Không may cho chúng tôi, hôm đó là ngày 1 tháng 8 âm lịch. Mới 4 giờ chiều mà Phủ Tây Hồ đã đông nghẹt những người. Chúng tôi phải đỗ xe từ tận xa và đi bộ vào. Làn gió thổi qua cái không gian thoáng đãng ven hồ cũng không xua nổi khói xe máy trên đường. Vào thêm chút nữa thì không còn xe máy, chỉ có người đi bộ. Phần nhiều là nam thanh nữ tú. Họ đi chùa để cầu cho tình duyên được bền chặt hơn chăng ? Có hàng loạt hàng quán ở ven con đường vào chùa. Giá như đi một mình, chắc chắn tôi sẽ sà vào hàng bún ốc. Đành phải nuốt nước miếng khan.

Trận mưa ban sáng đã làm cho toàn bộ nền chùa bị ngập, có chỗ nước sâu tới 20 cm. Thế mà người ta vẫn chen vai thích cánh, lội nước vào chùa dâng lễ. Chúng tôi chịu thua và quay trở lại. Dù sao cũng có một dịp xem chất lượng nước Hồ Tây tại nhiều điểm. Tôi làm về môi trường mà.

Sáng hôm sau, theo như kế hoạch, chúng tôi tới thăm một trường đại học. Mục đích chính của chuyến thăm là tạo một sự quen biết để hy vọng có những hợp tác lâu dài. Chúng tôi được đón tiếp rất nhiệt tình với một tinh thần khá là cởi mở. Khi đi, chúng tôi có mang theo một báo cáo của công ty NEDECO (Hà Lan) về quy hoạch tổng thể cho phát triển vùng Đồng bằng sông Cửu Long để tham khảo ý kiến. Chúng tôi luôn nhận xét rằng những công việc tư vấn nói chung thực

ra ở trình độ rất thấp, và đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật trong nước nói chung thừa sức thực hiện. Té ra là cái dự án giá mấy triệu USD đó là do những người trong nước làm là chính. Và tổng cộng, số tiền chi cho trong nước chỉ ít hơn 20% số tiền của dự án. Họ nói rằng họ không thể đứng ra để tranh thầu vì không có một công ty đủ mạnh, không có đủ vốn và phương tiện. Cái gọi là “phương tiện” chủ yếu là để lờ thôi, vì thực ra với những số liệu, những mô hình đã có ở Việt Nam, ta hoàn toàn có thể làm được. Cái này là đầu tư 1 lãi 10 đây. Hy vọng rằng nhà nước sớm tìm được cách để giúp đỡ nền khoa học kỹ thuật trong nước, đừng có thể cạnh tranh với bạn bè và “làm tiền” họ.

Sau bữa cơm trưa ăn vội, chúng tôi tới JICA để thảo luận mấy việc cần thiết. Khi chúng tôi rời JICA để tới tham dự một xêmina chuyên môn có hẹn trước, tất cả đã sẵn sàng. Có thể nói người điều khiển cuộc họp rất khá. Chúng tôi bàn bạc rất nhiều về những vấn đề về môi trường sông Mê công, đặc biệt là thuộc lãnh thổ Việt Nam, và những lo ngại cho môi trường hạ lưu sông Mê công với việc xây dựng mấy chục nhà máy thủy điện ở thượng nguồn. Điều đáng lo ngại nhất là gần đây, Thái Lan đã xây dựng một đập nước trên sông Nậm Mun, “với mục đích là trữ nước”, nhưng lại chở nước đi tưới cho vùng khác. Theo nguyên tắc quốc tế, tất cả các nhà khoa học đều rất sẵn lòng phân phát các bài báo mà mình đã xuất bản. Tuy nhiên, ở đây, vì không biết có được phép hay không nên ban tổ chức cuộc hội thảo thống nhất là không ai được nhận bất cứ một thứ tài liệu gì. Việc này làm cho mấy ông người Nhật hơi buồn, vì ta giữ ý quá. Có lẽ, nhà nước cần phân định rạch ròi cái gì thuộc về bí mật quốc gia, cái gì không. Thời mở cửa mà thiếu cái đó thì thật khó làm ăn.

Buổi tối, chúng tôi tới nhà hàng Hồ Gươm ở phố Hàng Trống. Nhà hàng rất lịch sự, sang trọng và rất ngon. Chỉ có điều giá không mềm lắm. Tuy nhiên, những ai đang “nặng túi” cũng nên tới đó để thưởng thức vẻ thanh lịch của người Hà Nội.



Sáng hôm sau, sau khi qua thăm một cơ quan quen biết, chúng tôi lên đường đi Thành phố Hồ Chí Minh. Ấn tượng đầu tiên của tôi là cửa xét vũ khí trước khi vào sân bay khá là lộn xộn. Ở đường bay nội địa, nhiều người vẫn chưa quen với việc xếp hàng lăm. Chuyển chúng tôi đi là máy bay Boeing 767-300, mới tinh khôi. Nghe nói HKVN đã thôi dùng máy bay TU134B của Liên Xô cũ. Thật là may mắn. Năm 1994, tôi đi máy bay từ Quy Nhơn vào Sài Gòn. Không hiểu cái máy bay gì của Liên Xô mà chỉ ngồi được có mấy chục người, lên đặng đuôi, và ghế ngồi chỉ có tựa tới ngang lưng. Ngồi trên máy bay mà cứ lo ngay ngáy. Mà HKVN lúc đó cũng “chém” rất là đẹp những người mang hộ chiếu.

Tiếp viên trên máy bay cũng rất nhẹ nhàng, lịch sự. Chỉ với quãng đường ngắn từ Hà Nội vào TPHCM mà chúng tôi được phục vụ một bữa ăn trên máy bay khá ngon. Có lẽ, bữa ăn được cảm thấy ngon hơn vì nó do người Việt Nam phục vụ trên máy bay Việt Nam.

TPHCM đã thay đổi tới chóng mặt. Cái cảm giác đầu tiên của tôi là thành phố bị quá tải. Những đường phố đông nghẹt xe, cái nóng của một thành phố phương Nam cộng với

khói bụi làm cho người ta muốn nghẹt thở. Rất nhiều người đi xe máy trên đường đeo những cái khẩu trang to tướng.

Chúng tôi nghỉ lại khách sạn Metropole trên đường Trần Hưng Đạo. Khách sạn rất đẹp, nhân viên phục vụ nhẹ nhàng, lịch sự. Khách ở đây đông hơn hẳn ở khách sạn Thủy Tiên, Hà Nội. Không biết giá bao nhiêu vì Du lịch Việt Nam đã lo toàn bộ. Hai đêm khách sạn ở Hà Nội, hai đêm khách sạn ở TPHCM, ba ngày đi miền Tây, bao gồm khách sạn và ba bữa cơm, trọn gói cho mỗi khách là 455 USD, không kể tiền thuê xe và thuyền. Mấy ông khách đồng hành ai cũng khen là rẻ.

Theo kế hoạch, chiều đó chúng tôi có một cuộc hội thảo tại một cơ quan làm về ĐBSCL. Cảm tưởng của chúng tôi là người trong TPHCM thoáng hơn ngoài Hà Nội rất nhiều. Cho dù trong thành phần hội thảo, có nhiều người Bắc vào, nhưng cách làm việc của họ khác với cách làm việc của người ngoài Hà Nội. Họ rất thẳng thắn, cởi mở, và có vẻ rất dám nghĩ, dám làm. Cung cách xử sự cứ y như ở một cơ quan khoa học nước ngoài. Có lẽ vì lý do này mà người nước ngoài thích đầu tư vào phía Nam hơn. Buổi làm việc tuy ngắn nhưng rất có chất lượng. Tuy nhiên, tôi phải nhấn mạnh rằng trình độ khoa học của những người ở đây hoàn toàn không hơn những người ngoài Hà Nội.

Chúng tôi cũng đã bàn bạc rất nhiều về vấn đề phèn, mặn và dự án chống lũ ở ĐBSCL. Rất tiếc là cho tới nay, tôi chưa nhận được tài liệu chi tiết về vấn đề này nên không thể nói một cách hoàn toàn chính xác. Như tôi đã có lần viết, bài toán chống lũ cho ĐBSCL phải là bài toán tổng thể. Phải xây dựng hệ thống đê bao trên toàn khu vực ĐBSCL, và phải làm sao tận dụng khả năng thau chua, rửa mặn của lũ. Người ta thấy rằng vào đầu mùa lũ, nước thượng nguồn đổ về sẽ rửa phèn ở phần phía Đông Nam của Campuchia và mang theo phèn vào lãnh thổ Việt Nam. Nếu như một con kênh được đào từ phần phía Bắc của ĐBSCL nối ra vịnh Thái Lan, con kênh này sẽ chở nước phèn đầu mùa lũ ra vịnh Thái Lan, đồng thời, nó sẽ làm nhiệm vụ phân lũ trong toàn mùa lũ. Chính vì lẽ đó, người ta đang tiến hành gấp rút đào con kênh để đón lũ. Nghe đâu ông Nguyễn Văn Hiệu vào ĐBSCL để trực tiếp chỉ đạo vụ này. Sao lại phải cử một người làm Vật Lý đi phụ trách chống lũ nhỉ. Những người làm công tác thủy lợi đâu rồi?

Phương án chống lũ ở trong nước là phải giảm tối thiểu các ảnh hưởng tới môi trường. Theo dự tính, dự án chống lũ sẽ được chia làm hai giai đoạn. Giai đoạn đầu sẽ là chống lũ vào đầu và cuối mùa lũ, và bảo vệ các khu dân cư tập trung như thị xã, thị trấn khỏi lũ. Trong giai đoạn này, người ta sẽ cố gắng làm chậm lũ bằng cách đắp đê bao ở một mức độ thấp để kéo dài thời gian cho vụ hè thu, đảm bảo thu hoạch xong thì lũ mới tới. Đồng thời, phải nâng cao hệ thống đê bao quanh các khu dân cư tập trung để đảm bảo lũ không tới ngay cả vào thời gian đỉnh lũ. Trong giai đoạn 2, sẽ tiến tới việc điều khiển lũ. Việc điều khiển lũ sẽ được tiến hành bằng cách cho lũ vào đồng ở một mức độ nào đó để lũ có thể làm hết chức năng thau chua, rửa mặn, đưa phù sa tới ruộng đồng. Ý kiến thật hay nhưng tôi không có đủ thời gian để tìm hiểu xem sẽ được thực hiện ra sao vì rõ ràng rằng với việc đắp đê bao, nước sẽ chậm thoát hơn ra biển, và thời gian có lũ có lẽ sẽ dài hơn. Phải chăng cái hệ thống kênh đào được

xây dựng sẽ đủ sức giúp cho việc thoát lũ vào cuối mùa, và giúp cho người ta rút ngắn mùa lũ, bắt đầu vụ Đông Xuân được sớm hơn? Hơn nữa, vấn đề xâm nhập mặn vào mùa khô theo mấy con kênh đào sẽ được giải quyết ra sao? Hy vọng rằng sau này làm xong thủ tục, chúng tôi sẽ nhận được đủ tài liệu.

Sáng hôm sau, chúng tôi đi miền Tây. Rất nhiều con đường đang được cải tạo và nâng cấp nên xe đi rất chậm. Chắc rằng sau vài ba năm nữa, sẽ có những con đường thênh thang nối TPHCM với miền Tây.

Gần trưa thì chúng tôi tới Cần Thơ. Tôi rất ngạc nhiên vì thành phố Cần Thơ. Có lẽ, Cần Thơ là thành phố lớn mà đẹp nhất trong tất cả các thành phố của Việt Nam hiện nay. Tôi không đi Đà Lạt nên không biết Đà Lạt giờ ra sao. Không hiểu có phải do ngày 2-9 mà người ta dọn hết rác trong thành phố hay không, nhưng tuyệt nhiên không thấy rác vút bừa bãi ra đường. Những con đường sạch, rộng rãi và rất ít xe làm tôi liên tưởng tới một thành phố nước ngoài. Công viên bến Ninh Kiều bên bờ sông Hậu sạch và rất đẹp. Bữa cơm trưa ở khách sạn thật ngon. Thứ mà tôi thích nhất là tôm sông Hậu, cái giống tôm sau khi lột vỏ thì chỉ lớn cỡ ngón tay, ở trên đầu có một bọc trứng, đem tẩm qua bột để rán, vừa thơm, vừa bùi.

Buổi chiều, chúng tôi đi Sóc Trăng. Rời thành phố, cái bo bo chở chúng tôi hướng về phía cửa biển, rồi rẽ vào kênh Phụng Hiệp, sau đó rời kênh Phụng Hiệp và rẽ vào các con kênh nhỏ mà tôi không biết tên. Gần thành phố, ở hai bên bờ các con kênh, xen lẫn vào những ngôi nhà lợp lá dừa còn thấy những ngôi nhà nền đúc khang trang. Càng vào sâu trong địa phận Sóc Trăng, những ngôi nhà xây càng ít đi và trong đồng chỉ còn thấy những ngôi nhà mái và tường đều lợp lá dừa nước. Những đứa trẻ con chỉ mặc độc quần xà lỏn, thấy thuyền đi qua thì rất vui vẻ chạy theo và vẫy chào. Chúng tôi đi khá nhiều nơi, và dừng lại ở xã Hậu Bối, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Điển hình ở đây là những ngôi nhà nhỏ xíu bằng lá dừa nước, không cửa, húng gió bốn phương. Nghe nói tận tới năm 1991, ở vùng này dân vẫn chưa có đầu để đốt. Ban đêm họ thấp sáng bằng trái mù u. Một đoàn trẻ con khoảng hơn hai chục đứa leo đèo chạy theo đoàn. Tôi cố gắng bắt chuyện với bọn chúng để điều tra về chuyện học hành ở đây, nhưng bọn chúng cứ nửa đùa, nửa thật, chẳng hiểu ra sao. Được biết một gia đình ở đây có từ 6 đến 8 con, đất đai đã bị vạt kiệt, nếu không có kế hoạch hóa gia đình, tương lai vùng này sẽ ra sao? Nghe nói Đồng Tháp Mười còn nghèo hơn nữa. Chẳng biết đến bao giờ ánh sáng văn minh mới soi tới vùng này. Năm ngoái, sau vụ lụt, một bà phó chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã phát biểu: “*Chỉ cố làm sao cho trong tỉnh không có người chết đói*”. Tôi nhớ tới một câu trong một bài ký về Đồng Tháp: “*Đêm đêm, những em nhỏ nhìn tới vàng sáng hắt lên ở chân trời, mơ về giấc mơ thành phố*”. Tôi chụp rất nhiều ảnh và đã in, gửi về cho các em nhỏ. Ấu cũng là một chút quà cho những tuổi thơ phải chịu thiệt thòi.

Trời xẩm tối chúng tôi mới quay về. Những xóm làng quanh những con kênh tối lại dần, và rất ít vùng có ánh điện. Tới thành phố Cần Thơ thì đã gần 8 giờ. Sau khi ăn tối, chúng tôi đi dạo bên bờ Sông Hậu. Cảnh sông nước vào đêm thật là huyền diệu.

Sáng hôm sau, đoàn rời Cần Thơ để đi Cà Mau. 10g30 sáng, đoàn tới Cà Mau. Thị xã Cà Mau hầu như vẫn như xưa. Nghe nói do tỉnh lỵ Minh Hải đặt tại thị xã Bạc Liêu nên Cà Mau hầu như không được quan tâm phát triển. Hướng dẫn viên du lịch đã chờ sẵn để đưa chúng tôi đi Năm Căn và thăm rừng ngập mặn. Trưa ăn tại thị trấn Năm Căn và buổi chiều, chúng tôi tới thăm rừng đước. Thật là mừng khi biết rằng vào dịp đầu năm, thủ tướng Võ Văn Kiệt đã đáp máy bay đi khảo sát rừng ngập mặn Cà Mau và ra lệnh cho người ta rào rừng ngập mặn lại để ngăn chặn việc phá rừng. Việc này đã làm chúng tôi phải chờ tới gần 1 giờ để xin phép vào rừng. Cuối cùng, chúng tôi được một nhân viên kiểm lâm dẫn đi. Tuy vậy, khi vào rừng, tôi phát hiện ra ngay mấy mái nhà nấp dưới bóng cây. Hỏi ra thì đó là nhà của các công nhân lâm trường. Chắc rằng ai đó chưa từng tới rừng ngập mặn, sẽ không thể nào tưởng tượng được cảnh này. Mới đây, mới đọc truyện *Rừng Mắm* của Bình Nguyên Lộc, tôi đã xúc động vô cùng về thân phận của những con người phá rừng trầm. Thế mà ở đây lại không phải là rừng trầm mà là rừng mắm, và những ngôi nhà làm lẫn vào trong tán mắm. Họ làm nhà như thế để nuôi tôm. Luật không cho phép họ chặt cây, và họ phải sống dưới bóng cây. Người nào đã từng ở trong rừng vào ngày mưa gió chắc sẽ hiểu thế nào là hai chữ “ở rừng”. Mà họ phải sống giữa vùng rừng thiêng, nước độc, dưới sàn gỗ là nước, xung quanh là nước, trên đầu là tán cây. Rồi con cái họ sẽ ra sao. Mà họ có rất nhiều con. Thường một cặp vợ chồng khoảng 40 tuổi có tới 6 con.

Những người không quan tâm chắc không biết tới tầm quan trọng của rừng ngập mặn đối với vùng ven biển. Rừng ngập mặn giúp ngăn sóng, gió từ biển vào, tạo vùng nước lợ để phù sa lắng xuống, chống xói mòn và giúp con người lấn biển. Rừng ngập mặn có khả năng hấp thụ chất nhiễm bẩn, chất dinh dưỡng trong nước và làm sạch nước, giảm ô nhiễm môi trường. Rừng ngập mặn là nơi sinh đẻ của rất nhiều loài cá, tôm, cua biển, là nơi ấu trùng cá tôm cua sẽ lớn lên. Các nghiên cứu đều chỉ ra rằng sự giảm sút của rừng ngập mặn bao giờ cũng dẫn đến việc giảm sản lượng đánh bắt cá. Còn bao nhiêu lợi ích của rừng ngập mặn nữa. Theo như tôi biết thì sau 1975, chất độc hóa học của Mỹ đã tàn phá khoảng 600 ngàn ha rừng. Lúc đó rừng còn lại khoảng 1 200 000 ha. Ta trồng lại thêm, và ta phá. Tới nay, chỉ còn lại khoảng 200 000 ha rừng. Nếu ta không ngăn chặn nạn phá rừng nhanh, chắc chắn là chả mấy chốc không còn rừng nữa.

Cho dù có thương những người công nhân lâm trường tới thế nào, tôi vẫn không thể không nói là họ đang phá rừng. Tôi hoàn toàn không tin vào việc “*Tôm và rừng cùng tồn tại*”. Rồi con cái họ lớn lên, không có đất, chúng sẽ lại nuôi tôm và lại phá rừng. Rõ ràng là ta phải bắt buộc họ dừng lại. Việc vận động kế hoạch hóa gia đình cực kỳ cấp bách ở đây.

Xuồng chúng tôi ra về khi bóng tối bắt đầu trùm xuống. Bóng đêm che dần những mái nhà lẫn khuất trong tán lá cây. Đây đó thấy một ánh đèn dầu leo lét. Tạo hóa thật bất công. Cũng là một kiếp con người, sao ở đây có những người khổ thế.

Vũ Thanh Ca
(Trường đại học Saitama, Nhật Bản)

Thời tiết của ký ức

truyện ngắn

Bảo Ninh

Mưa từ chiều, suốt buổi tối, qua đêm đến bây giờ gần sáng rồi mà vẫn còn đang miên man mưa mãi. Phố dài, vắng lặng, ngâm mình trong mưa, từ mù những vũng đèn đường. Những mảng bờ tường. Những khúc vỉa hè. Các vòm cổng. Mái hiên. Những vương cửa sổ. Và mấy cây bàng. Mấy cột điện. Uớt át, nhòa mờ, lạnh lẽo.

Trong phòng, tiếng mưa thấm vào qua khe cửa. Những hạt mưa rơi rã, đậu xuống, trượt đi, vẽ mãi vẽ mãi những bức vẽ trong suốt lên mặt kính. Ngay dưới cửa sổ, một chậu quỳnh, hoa nở một bông từ đêm, đã hơi rũ xuống. Trên bàn, một ấm trà đã pha mà chẳng uống, nguội ngắt. Ông Phúc ngồi ở đi-văng, khuất khỏi quang sáng của ngọn đèn bàn nhấp dưới cái chao màu xanh. Mắt nhắm, nhưng mà không tài nào ông chợp mắt. Những nỗi niềm đã yên nghỉ từ lâu âu sâu thút thút, lần lượt hiện hình, lần lượt trôi qua, dằng dặc và chậm rãi, theo nhịp đếm của chiếc đồng hồ để bàn.

Hà Nội, tiết tàn thu, buổi đầu đông, gió thổi, mưa rơi, là rung... Ấy là hơi thở của người xa xưa, là thời tiết của ký ức.

Ngẫm lại, vậy mà, đã non bốn chục năm rồi còn gì, từ bấy tới nay. Dĩ nhiên với dòng đời vô cùng vô tận thì bốn mươi năm có là bao, chỉ là một khúc dò ngang ngắn ngủi, nhưng với đời người, đó là cả một cõi thời gian mệnh mang như biển mà từ bờ này qua bờ kia ngang với từ kiếp này sang kiếp khác.

Ngày ấy, sau những tháng bị giữ trong Hoả Lò, can phạm Trần Văn Phúc vừa chính thức thụ án, sắp phải chuyển về trại giam ở tỉnh xa, đã lần đầu tiên được nhận quà. Một cái áo len, ba cặp bánh chưng, hai tút thuốc lá, một ít tiền và một phong thư mỏng. Quà tết của Quỳnh. Muốn khóc nhưng không sao khóc nổi, chỉ một nỗi đau căm lặng thọc trong tim làm cho nghẹt thở, làm cho mờ mịt hai con mắt và làm cho run bắn hai bàn tay.

“... sự thể đã như thế này xin anh đừng hối tiếc và oán hận làm gì cho khổ thêm anh ạ, mà hãy cùng em thuận lòng cam theo số phận — Quỳnh viết — Phần em thì dù rằng từ nay đời có thể nào em vẫn một lòng căm ơn số phận đã run rủi cho em lạc khỏi gia đình để về lại với anh. Nhờ vậy mà giờ đây dù có phải xa lìa, dù có phải mất anh mãi mãi em vẫn sẽ mãi mãi còn anh...”

Lá thư vội vã, những dòng ngắn ngủi. Và Phúc đã không hiểu, đã không hiểu ngay ra. Lá thư rồi cũng bị thất lạc trong một lần chuyển trại và dần dần Phúc cũng đã quên, hầu như chẳng còn nhớ, chẳng còn mấy may vương vấn gì nữa với lời nhắn nhủ ẩn trong những dòng cuối cùng ấy của mối tình đầu.



Hối tiếc, oán hận là những tình cảm về sau mới cộm lên, chứ thoát đầu Phúc chưa chán hy vọng. Dĩ nhiên khi vừa bị công an điệu khỏi nhà đẩy lên xe đưa về sở thì không khỏi kinh hoàng nhưng mà đã mau chóng trấn tĩnh được. Phòng xét hỏi thoáng mát, không có những dụng cụ tra tấn, tường quét vôi màu ve, cửa sổ mở rộng trông ra vườn hoa. Và hơn nữa người trực tiếp thẩm cung không ngờ lại là Định, bạn cùng một lớp đệ tử ở trường Bưởi năm nào. Chín năm Kháng Chiến khiến Định như già sạm đi, sắc diện khắc khổ, gầy yếu, đôi môi nhợt nhạt mím chặt, cặp mắt âm thầm, song Phúc vẫn lập tức nhận ra, và lập tức loé lên trong lòng niềm hy vọng thoát nạn. Chỉ kín đáo giấu đi những gì cần giấu còn thì Phúc khai tất cả. Những tưởng Định sẽ chiếu cố, những tưởng một khi mình đã thành thực vậy rồi thì mình sẽ được khoan thứ, những tưởng khi buổi thẩm vấn kết thúc, rời phòng hỏi cung là sẽ được tha về với Quỳnh. Nào ngờ lại phải tra tay vào còng vào nằm trại tạm giam.

Lần hỏi cung sau, không đợi Định phải hỏi, Phúc đã hốt hải khai ra gần trọn những gì lần trước chưa khai. Van vỉ, thề thốt, Phúc gần như cuống quýt trình bày tấm lòng thành của mình. Phúc một mực cam đoan rằng mình chưa phải là Đại Việt như ai đó đã mật báo với Định, mà mới chỉ là cảm tình viên thôi. Và đúng là Phúc có thời làm việc ở Toà Thủ hiến nhưng là nhân viên hành chánh cấp thấp. Về sau do không muốn nhận lương của Tây nữa nên Phúc mới xin chuyển sang Phòng thông tin Hoa Kỳ. Được người Mỹ đồng ý nhận vào làm là bởi một lẽ đơn giản. Phúc thạo cả tiếng Pháp lẫn tiếng Anh.

— Nhưng tôi cũng thạo và nhiều người khác nữa còn thạo hơn, đúng không? Nhưng không phải ai cũng dính dấp với bọn tôi phản động Đại Việt, và càng không phải ai cũng sẵn sàng lẩn lóc hết từ giường Tây qua nệm Mỹ như anh — Định bình thản bác những biện bạch của Phúc — Chỉ chừng ấy thôi đã đủ để khó tin rằng anh ở lại ngoài này không vì một âm mưu nào. Đừng tự huỷ hoại mình, đừng cho rằng có thể qua mắt được chúng tôi, tôi khuyên anh đấy. Bởi vì tôi thấy rõ thái độ thành thật nửa vời hết sức không biết điều của anh đang từng giờ từng phút làm hại anh như thế nào, tôi khuyên anh...

Hoàn toàn đui lý và hoàn toàn không có cơ hội nào để gọi lại tình bằng hữu ngày trước, Phúc đành nhắm mắt nghe theo lời khuyên của Định, khai hết và nhận hết. Biết rằng sẽ phải tù, nhưng khi ký vào bản cung Phúc cũng ôm hy vọng là Định sẽ gỡ bớt tội cho mình và sẽ xin cho mình một án nhẹ. Nào ngờ, tội làm gián điệp cho Mỹ, án mười năm.

Phúc rời Hoả Lò, ngồi xe bị bưng, lên đường thụ án. Ngoài xe, Hà Nội xuân sang. Thì ra sự khoan hồng mà Định nhủ mình là như thế này đây, Phúc thầm nghĩ, cay đắng trong lòng. Mình đúng là một thứ nạn nhân của tình bạn. Tình bạn, rốt cuộc chính là sợi thông lọng mà mình đã tự dút cổ vào.



Trại giam đầu tiên Phúc được đưa tới nằm trên vùng đồi nổi lên tro vó giữa một đồng nước trũng mệnh mông, tít nơi xa cùng khuất nẻo nhất của miền châu thổ. Ở trại này phạm nhân phải làm ruộng để tự túc một phần lương thực. Nhưng những ngày mưa, nước ngập đồng thì không đi đâu được,

không làm lụng gì được, cả tù nhân cả quản giáo chỉ nằm, chỉ ngồi, nhìn và nghe mưa xối.

Buổi sáng, mới tờ mờ đất, chân trời đã đặc mây. Những đám mây rách rưới im phăng phắc. Hàng giờ đồng hồ trôi qua nhưng các đám mây vẫn neo nguyên một chỗ, chẳng mấy may biến màu đổi dạng. Suốt ngày chỉ những mây là mây. Những lối đi đen sì bùn lầy.

Canh khuya, sau hiệu kêng tắt đèn, mọi người ngủ cả, Phúc ngồi thừ trên sạp nứa, nặng nề nhìn chằm chằm vào một điểm bất định như muốn moi ra cho bằng được từ đấy những hình bóng vô hình của bóng tối. Lâu dần, thậm chí bóng tối cũng biến mất nhường chỗ cho cõi trống rỗng, một cõi mà trong đó không còn cái gì khác ngoài cái không gì cả của cuộc đời và số phận. Mười năm, điều ấy vượt ra khỏi ý niệm thời gian, Phúc không sao lường tượng nổi. Cái chết ngay tức khắc dễ lường tượng hơn nhiều. Chết chẳng khó khăn gì và chết là điều rất tốt. Chỉ có điều vẫn còn một ước nguyện âm thầm đau nhói trong tim khiến Phúc chưa thể nào mạnh dạn tự ra tay với mình. Chính cái điều khoản “ Ba trăm ngày ” của Hiệp định Genève là móc xích cuối cùng đang níu giữ cuộc đời Phúc.

Khi chỉ còn hai tuần nữa là điều khoản định mệnh ấy hết hạn, một buổi trưa, Phúc được đưa lên nhà khách của trại giam. Định đang chờ ở đấy. Tử tế bắt tay, mời ngồi, tử tế mời trà, mời thuốc, và không nề hà thái độ khuôn phép cố tình, một bấm cán bộ hai bấm cán bộ của Phúc, Định thong thả trò chuyện, hỏi han. Thời gian trôi qua, chậm rãi. Định từ tốn nói, còn Phúc một mực cúi đầu, hồ hững nghe và khẽ khàng thưa bẩm. Không mấy may tin vào lòng tốt của người bạn cũ và vì thế trong suốt cuộc gặp gỡ cứ bản khoán tự hỏi ngọn gió nào, gió lành hay gió dữ đã đưa anh ta tới đây, nhưng dù sao thì Phúc vẫn có được một chút hài lòng bởi vì Định đã không hề lên giọng khuyên răn dạy bảo cũng không bày đặt vẻ ngoài chí thiết, động viên với lại an ủi này nọ. Mãi đến lúc chia tay, trong lời từ biệt, Định mới hàm một ý hứa hẹn :

– *Chẳng biết tới bao giờ chúng ta mới gặp lại nhau. Có thể là còn lâu lắm. Nhưng có lẽ sẽ không phải mất tới mười năm. Và tôi chắc rằng khi chúng ta gặp lại nhau, anh đã ở trong hoàn cảnh khác với bây giờ.*

Đã chực nín lặng bởi đã nhất quyết là sẽ không một lần nữa nhẹ dạ cả tin vào con người này, vậy mà cuối cùng Phúc lại đã thổ lộ. Đã chẳng nói gì lúc chia tay, im lặng về tới lán rồi, nghĩ ngợi thế nào Phúc lại hốt hải xin được đưa trở lại nhà khách để gặp Định. Ô tô đã chuyển bánh nhưng Định vẫn bảo tài xế đỗ lại và mở cửa xe bước xuống. Hai người đứng với nhau một lát ở hàng hiên nhà khách. Trong trời mưa như thác đổ. Run rẩy, lập cập Phúc kể ra hết với Định điều khổ tâm duy nhất còn lại đang day dứt trong lòng và rồi nghẹn ngào Phúc nài xin, van vỉ :

– *Phận tôi tôi không mong gì cả. Tôi đáng bị như thế. Tôi chỉ dám mạo muội cầu xin ông một điều ấy thôi cho Quỳnh. Bởi tôi mà cô ấy đã lưu lại ngoài này. Bây giờ cũng bởi tôi nên cô ấy mất hết tất cả, bơ vơ, không người thân thích, không nơi nương tựa...Không. Không. Xin ông đừng vội chối từ. Ngoài ông, chúng tôi còn biết cậy nhờ ai khác nữa trên đời. Dù gì thì ngày xưa, tôi với ông cũng đã cùng nhau một chút tình bằng hữu. Tôi xin ông. Nay hạn ba trăm ngày sắp*

mãn rồi, nhưng vẫn chưa phải là đã quá muộn nếu ông ra tay cứu giúp...

Định rời khỏi trại trong mưa. Dưới chân đôi, bốn bề đồng không mông quạnh. Chiếc xe con của Định chỉ còn là một chấm đen nhưng rất lâu sau vẫn chưa mất hút hẳn ở đường chân trời xám ngắt. Khi đó Phúc chẳng thể ngờ rằng nhiều chục năm về sau sẽ có lúc mình mong mỏi biết chừng nào gặp lại được con người ấy.

❖

Từ đấy Phúc thôi hẳn ý định tự vẫn mặc dù tuyệt nhiên chẳng còn một chút vướng bận nào ngăn trở làm như vậy. Có thể vì không còn vướng bận gì với ngoài đời nên dễ dàng thích nghi hơn với đời sống trong tù. Phải di chuyển qua nhiều trại, có trại không đến nổi nào nhưng có trại rất cực, Phúc đều thần nhiên an phận. Gọi là ngồi bóc lịch, nhưng Phúc chẳng đếm ngày, tính tháng. Mười năm hay mười lăm năm hay chung thân cũng vậy cả thôi, ngày lại ngày trôi qua, ý niệm thời gian rơi rụng.

Hay tin Mỹ-Diệm đã chối bỏ hiệp thương và vì thế sẽ không có tổng tuyển cử, đất nước sẽ vĩnh viễn bị chia cắt, Phúc chẳng bận lòng. Bởi vì cuộc thế thì có can hệ gì tới cuộc sống tù. Một khi đã trong tù thì vĩnh viễn là người ngoài cuộc. Trại giam không song sắt không rào kẽm gai nhưng đã có một bức tường thật dày tự thân dựng lên trong tâm trí vĩnh viễn hãm Phúc vào với hiện tại bất động. Đôi khi trí nhớ mòn mỏi cũng cố len lỏi lần về với những vùng sâu lạnh của dĩ vãng đã mất hết sinh lực, đã vĩnh viễn tắt ngóm, không thể nào mà hồi tỉnh lại. Dĩ vãng chỉ sống trong những ai còn có một tương lai. Khi đã không còn biết trông chờ gì ở ngày mai thì ngày hôm qua cũng không còn lại gì nữa để trông về.

Chính cái trạng thái tinh thần vô vọng ấy đã khiến Phúc hầu như vô cảm trước tự do. Bị án mười năm, chỉ hơn hai năm đã được ân xá, vậy mà chẳng chút vui mừng. Chẳng hề tự hỏi vì đâu, vì ai. Chẳng sung sướng, chẳng đau buồn, chẳng ơn ai, chẳng oán ai. Thờ thần ra khỏi cổng trại giam, như thể miễn cưỡng. Và cả khi đã về tới Hà Nội, đã bước đi dọc phố xá, giữa cảnh vật, giữa đám đông và tiếng ồn ào quen thuộc mà Phúc vẫn như thể chưa tìm ra được cho mình một lý do thật sự để trở về.

Phố Hàng Đẫy đã là phố Nguyễn Thái Học. Ngôi biệt thự của gia đình họ Đặng đã thành một nhà mẫu giáo. Sau một hồi lâu đứng im ngoài hàng rào sắt, lặng nhìn lũ trẻ nô đùa trên sân, Phúc ủ rũ, chẳng nói chẳng rằng bỏ sang bên kia đường khi người gác cổng bước tới cất lời hạch hỏi.

Bên kia đường, đối diện nhà họ Đặng là nhà họ Trần, cũng ngôi biệt thự hai tầng, ngày xưa luôn kín cổng cao tường nhưng nay cửa vào sân mở toang. Hoàn toàn ngoài chủ định, Phúc lảng lảng rẽ vào đấy. Khấp sân lá rụng. Lối sỏi rêu xanh, bồn hoa ụm tùm cỏ dại. Bể non bộ khô khốc, một bên thành bị vỡ và hòn núi giả thì đổ sụp. Tầng trên, tầng dưới ngôi nhà tất cả các cửa sổ đều đóng chặt. Phúc thăm lấy làm lạ. Chẳng lẽ qua suốt từng ấy thời gian kể từ ngày họ Trần ra đi mà người ta vẫn bỏ không đấy chưa sung công ngôi nhà này ?

Phúc quay ra, vừa đến cổng thì chạm mặt một người đàn ông dắt xe đạp từ ngoài đường đi vào nhà. Nhìn sững Phúc,

người nọ để truội ghi đồng khỏi tay. Chiếc xe đạp ngã đổ vào thành cổng.

— Ông là... Ông là... — Anh ta lắp bắp, mặt nhợt ra.

— Vâng — Phúc thở dài — Tôi đấy, anh Bách ạ.

— Thế họ thả cho anh ra ư... Tôi những tưởng là họ sẽ chẳng đời nào.

— Vâng. Thì tôi cũng tưởng thế. Cho nên tôi...

Bách ngắt lời Phúc, hỏi vội, giọng khàn đi :

— Thế họ cho phép anh cư ngụ ở Hà Nội ư ?

— Tôi chẳng biết. Chẳng thấy có lệnh cấm. Nhưng mà tôi chỉ ghé ngang nhìn lại ngày xưa một chút. Rồi sẽ đi xa khỏi đây. Chú còn gì nữa đâu, còn ai nữa đâu mà ngụ lại.

— Thì tôi cũng vậy thôi — Bách nói, mắt sụp xuống — Nhà này hiến cho chính phủ làm công sở rồi. Tôi chỉ ở tạm ngày nay ngày mai.

— Nhưng mà, trời ơi ! Làm sao anh lại đang ở ngoài này ?

Chợt thấy Bách sững sốt, đó người ra, rưng rưng Phúc hỏi, giọng thảng thốt — Tôi nhớ rõ ràng là gia đình bên anh đã vào trong đó cùng một lần với gia đình bên tôi cơ mà. Thế sao bây giờ lại...

— Anh lại còn phải hỏi nữa ư ? — Bách đáp, rất khẽ, môi mím lại.

— Thế nghĩa là... Chao ôi ! — Thương cảm, Phúc than lên.

— Anh trở ra đây tìm cô ấy ? Trời, sao lại có thể như vậy chứ ! Anh ra lúc nào vậy ? Ra lúc nào mà để đến nỗi không hay biết rằng cô ấy đã vào trong đấy, anh Bách ?

Bách im lặng cúi xuống nhắc chiếc xe lên.

— Tôi quá bận, — Anh ta nói, không nhìn Phúc — Chỉ qua nhà một lát rồi phải đi ngay có việc. Không mời anh vào nhà được, mong anh thứ lỗi.

Lặng lặng Bách đẩy xe đạp vào sân, lặng lặng Phúc đi ra đường, nhằm hướng nhà ga, lê bước. Không nơi nương náu, không bóng người thân, đối với Phúc thành phố quê hương đã cạn tình.

Trên toa, chỗ của Phúc kề cửa sổ. Hà Nội lần cuối cùng lướt qua trong đêm, nhưng Phúc nhắm mắt lại, không nhìn ra.



Nhà họ Đặng được bốn cậu con trai, nhận nuôi thêm Phúc nữa là năm. Mỗi người một phòng ở tầng dưới. Tầng trên là của ông bố bà mẹ và của Quỳnh, cô gái rượu, cô em út trong nhà.

Được coi là bậc anh, nhưng Phúc ngang tuổi Quỳnh. Ngày được gia đình Quỳnh đón về sau hai cái tang lớn, mất mẹ rồi mất cha trong cùng một năm, Phúc còn bé, đang học đồng ấu, Quỳnh cũng vậy. Họ lớn lên bên nhau, êm ấm và hạnh phúc những năm dài, trong tình anh em và trong sự hết lòng yêu thương đùm bọc của cả nhà, một gia đình trí thức cao sang, trầm lặng.

Các anh của Quỳnh đều học hành giỏi giang, đỗ đạt cao và nếu thời cuộc không thịnh linh biến động có lẽ đều sẽ thành đạt không kém gì cha. Một gia đình giàu có nhưng đầm ấm, luôn luôn yêu thương nhau. Ai ngờ một gia đình như vậy về sau lại bất hạnh và tan tác thảm thương đến thế.

Tai họa khởi đầu từ anh Bình, con cả. Mặc dù sau ngày Việt Minh lên, gia đình họ Đặng sống kín cổng cao tường né tránh mọi tiếp xúc với bên ngoài, vậy mà anh ta bằng cách nào đó vẫn trở thành đảng viên Quốc dân đảng. Anh ta biệt tích trong đêm xảy ra vụ Ôn Như Hầu. Tiếp đến là anh Tùng, con thứ. Tùng vốn là một nhà thơ vô cùng đa cảm, không hiểu sao lại cũng dự vào chính trị, ngầm tham gia một tổ chức thân Pháp để đến nỗi phải bỏ trốn và mãi mãi không trở về. Công an Việt Minh vây nhà, soát thấy cả truyền đơn cả vũ khí chất dưới tầng hầm và trong gầm cầu thang.

Tiếp nữa là thời kỳ tản cư. Mặc dù chỉ non một năm chịu vất vả ở nhà quê, vừa ngưng tiếng súng là đã lập tức hồi cư, dắt díu nhau trở về thành nhưng ông bố vẫn không gương nổi. Về tới nhà là ông lâm bệnh, nằm nhà thương được hơn một năm rồi qua đời. Huy và Hoàng, hai người anh trai còn lại của Quỳnh đứng ra cáng đáng gia đình. Họ được người Pháp trọng dụng và đã sớm trở thành những nhân vật có vai vế ở Hà Nội. Riêng Phúc, mặc dù còn trẻ tuổi, tính tình thì nhu nhược và mặc dù chưa có một ý nguyện chính trị rõ rệt, nhưng do được hai anh Huy, Hoàng hướng dẫn nên vẫn gia nhập đảng Đại Việt, và còn được hai anh thu xếp cho vào làm việc ở Tòa Thủ hiến, nhờ vậy mà cũng bắt đầu có được một tiền đồ nhiều triển vọng.

Thế nhưng giữa thời loạn lạc, phúc họa khôn lường, bình yên như treo đầu sợi tóc. Mùa thu năm 1953 lại một đại nạn nữa giáng xuống mái ấm nhà họ Đặng. Huy cùng một số sĩ quan Pháp bị quân cảm tử của Việt Minh quăng lựu đạn giết chết trong một cao lầu ngay giữa lòng Hà Nội. Hoàng cũng có mặt ở đó nhưng may mắn thoát hiểm chỉ phải gửi lại bữa tiệc ấy một bàn chân. Sụp mất trụ cột, đời sống gia đình như bên bờ vực. Cửa nả trong nhà lần lượt đội nón ra đi. Người ăn kẻ ở đã phải cho nghỉ việc gần hết và ngay cả ngôi nhà, mẹ Quỳnh cũng đã tính tới chuyện phải bán. Tuy nhiên vào những ngày cuối năm 53 đầy hiểm họa, bất động sản ở Hà Nội bán chẳng ai mua, giá rẻ như bèo. Lúc bấy giờ mặc dù đã sang làm việc ở Phòng thông tin Mỹ, lương tiền khá hậu song cũng đã phải dần dần mang công mắc nợ Phúc mới có thể tạm tạm trì nín được cho những người thân còn lại một mức sống bề ngoài có vẻ chưa đến nỗi sa sút so với ngày xưa. Nhưng mà thời cuộc ngày càng gấp bước khiến cho đất đai rung chuyển, lo cho ngày mai của gia đình, mẹ Quỳnh tất nhiên không thể trông mong vào cái mức sống hàng ngày do Phúc chèo chống. Bà hiểu rằng phép màu duy nhất có thể trả lại cho gia đình cuộc sống và vị thế tốt đẹp thuở xưa ấy chính là cuộc hôn nhân của Quỳnh với Bách.



Sau này ngẫm lại những ngày tháng cuối cùng của thời thanh xuân có thể là tươi đẹp nhưng đầy tai ương ấy, tự hỏi rằng hạnh phúc nhiều hơn hay đau khổ nhiều hơn, Phúc cũng chẳng biết nữa. Cũng thế, Phúc chẳng còn nhớ nổi tình yêu đã tới tự bao giờ và như thế nào. Dường như là từ trong tình anh em, thuở còn thơ dại, đã lâu lắm rồi, không thể nào nhận thấy. Có thể là khi đã lớn hơn, ở tuổi dậy thì, đang học trung học, hoặc có thể mãi về sau, trong thời tản cư, rồi lúc về thành. Mối tình dường như nhuộm màu tội lỗi, chẳng khác gì một vết thương khía thêm vào những thương tích của gia đình. Cho nên yêu nhau mà tuyệt đối âm thầm không dám

một lời thổ lộ, thậm chí không dám thú thật với ngay chính lòng mình. Cả đến khi gia đình họ Trần dạm hỏi Quỳnh cho Bách, Phúc cũng không mạnh dạn có được một lời nào. Chỉ một mình Quỳnh yếu ớt cương lại ý mẹ. Nhưng cô chẳng thể thắng nổi sự kiên quyết gả bán của mẹ và lòng si mê kiên trì của Bách. Giữa hoàn cảnh trăm bề rối ren, phải khổ công lo tính để gấp gáp chuyển hết vào Nam toàn bộ tài sản đồ sộ của dòng họ, vậy mà Bách vẫn thu xếp được một lễ ăn hỏi đàng hoàng, sang trọng. Lễ cưới được dự định vào mùa xuân, sau Tết ta, tại Sài Gòn.

Bách muốn sau lễ ăn hỏi Quỳnh và gia đình phải đi Nam ngay, nhưng Quỳnh cứ trùng trùng mãi không chịu lên đường. Mặc cho tình thế ngày một gấp gáp, viện có ốm đau, cô lặng lẽ sống thu mình trong buồng, âm thầm như chiếc bóng. Tuy nhiên kết cục tất phải đến đã đến. Đến từ thời cuộc. Ngày Việt Minh về tiếp quản Hà Nội đã gần kề. Quỳnh không thể nấn ná được nữa. Gia đình cô không thể ở lại, anh trai cô không thể chung một gầm trời cùng chế độ mới, mẹ cô không thể nào sống một cuộc sống thiếu sự giàu sang.

Riêng Phúc quyết định ở lại. Người Mỹ đã tạo thuận lợi cho quyết định ấy. Họ trả trước cho Phúc hai năm lương và chỉ giao một nhiệm vụ hết sức nhẹ nhàng là ở lại, sống bình thường, hợp pháp, và thông thả, kiên tâm chờ đợi một sự móc nối, nếu có. Chỉ thế thôi và chỉ trong hai năm trời. Đợi đến buổi tối trước hôm cả nhà rời Hà Nội xuống Hải Phòng, Phúc mới nói cho anh trai của Quỳnh hay là mình sẽ không đi bởi vì không thể đành lòng lìa xa thành phố quê hương; hơn nữa cần có người ở lại để giữ gìn của nhà và chăm nom phần mộ những người thân đã khuất. Phúc trao, gần trọn khối tiền lương được ứng trước cho Hoàng và gửi anh ta một lá thư từ già dặn rằng khi nào xuống tàu thủy rồi thì trao cho Quỳnh. Hôm sau mọi người khởi hành trên bốn chiếc xe hòm của gia đình Bách nên ngoài Hoàng không ai biết là Phúc đã ở lại.

Bấy giờ đã đầu tháng Mười, mưa thu mờ mịt. Buổi giao thời, đêm thành phố hỗn mang. Một mình Phúc trong toà nhà trống vắng. Gần sáng, mưa tạnh, gió nổi lên xua quang mây, trăng hạ tuần lướt trên các mái nhà. Tiếng lá cây xào xạc. Phúc mở cửa sổ. Trên sân, ánh trăng mờ mờ trong không khí ẩm ướt. Gió lay động hàng cây dọc lối đi rải sỏi làm Phúc tưởng như có bóng người. Nhưng. Không phải là bóng cây, không phải là gió lay. Một người vừa đi qua sân, bước lên thềm. Không phải trong mơ.

Phúc lao khỏi phòng, chạy dầm xuống cầu thang. Quỳnh để rơi chiếc va ly trên tay xuống ngưỡng cửa. Phúc lặng lẽ ôm lấy Quỳnh, lặng lẽ ghì chặt, cảm thấy một trái tim khác đập cạnh trái tim mình.

Trong giây phút ấy, đối với Phúc, cách mạng không còn là bóng tối, không còn là tai ương. Không có cách mạng, không có thời đại mới đang tới gần kia, làm sao có nổi một phút giây chói lọi như thế này trong cuộc sống tầm thường, ảo não, dài lê thê của những kiếp người.

So với bao người khác, có thể là Phúc đã hưởng về với Cách mạng một cách quá đổi muộn màng và dường như là đầy vị kỷ, nhưng chắc chắn là Phúc đã rất thực lòng và rất thiết tha chờ đón với cái nghĩa cách mạng là tình yêu, là sự giải phóng, cách mạng là viễn cảnh hạnh phúc, là vận hội không ngờ, là số mệnh mới mẻ, đột ngột và tuyệt vời từ trời

cao rót xuống.

Nhưng bởi vì chẳng phải mất gì cả chỉ phải nhẹ nhàng đưa tay đón lấy, nên hạnh phúc quá ngắn ngủi. Phúc và Quỳnh tự do bên nhau một tuần thì bộ đội tiến về tiếp quản Hà Nội. Đã được Quỳnh khuyên là nên ra trình diện và khai báo tất cả, nhưng Phúc lại trùng trùng do dự. Và lệnh bắt giữ rồi cuộc đã sập đến trước khi Phúc kịp tỏ ra can đảm được như Quỳnh, mạnh dạn đoạn tuyệt quá khứ để sống cuộc đời mới.



Một người bạn tù cùng được trả tự do một ngày rủ Phúc về sống ở quê hương của anh ta, miền đồi rừng Bồ Hạ. Phúc về qua Hà Nội, sau đó đi tàu lên đấy. Xuống một ga xếp. Rồi đi bộ, đi bộ nhiều chực cây số, tít tắp vào vùng heo hút.

Đã trải cảnh tù nên gian lao những năm về sau chẳng bõ bèn gì. Làm lưng cật lực cho quên đời, dần rồi cũng dựng được một ngôi nhà, có được đôi chút tiền nong của nả, và cũng đã vài ba lần toan chuyện vợ con mà chẳng thành. Chẳng mấy chốc mà thành người lớn tuổi, thành ông già. Nhưng vẫn tứ cố vô thân.

Chiến tranh kết thúc, sóng gió thời đại lặng dần. Đất trời ngày một tĩnh mịch. Một buổi sáng mùa thu, trong gió heo may, ông Phúc vĩnh biệt cuộc đời hai mươi năm trong góc rừng, một mình lặn lội vào Nam. Bấy giờ chưa có đường sắt Thống Nhất, gần một tháng đi từng đoạn xe đò chen những chặng dài cuộc bộ, ông mới vào tới Sài Gòn. Vất vả đường trường như vậy để làm gì, tự ông dường như cũng không biết rõ. Thành phố xa lạ dầm mình trong mưa mùa như thác đổ. Ông Phúc lầm lũi đi dưới những mái hiên ướt át, đầu óc mung lung, vô định, tìm đến đâu, tìm tới ai. Dăm ba cái địa chỉ cầu may mà ông lưu được trong trí nhớ đều vô dụng. Tất cả những người bạn làm cùng sở ngày xưa, năm 54 di cư vào Nam, nay hoặc đã bỏ sang Pháp, sang Mỹ hoặc đang đi tập trung cải tạo. Ngay đến địa chỉ cuối cùng, của nhà họ Trần, bất đắc dĩ ông phải tìm tới cũng là địa chỉ không người. Dưới thời Mỹ nguy, gia đình mại bản này không ngừng phát đạt, nổi tiếng giàu có và thế lực, dĩ nhiên chẳng một thành viên nào trong gia đình họ ở lại Sài Gòn để chờ Quân Giải phóng.

Nghe người ta khuyên, ông Phúc lần đến toà soạn một tờ báo nhờ đăng mẫu tin tìm người thân. “Trần Văn Phúc, trước tháng 10 năm 1954 ngụ ở nhà số 47 phố Hàng Đẫy Hà Nội mong được gặp lại người thân là...”. Nhưng người thân là ai? Ông do dự, đã ghi tên Quỳnh, song lại ngập ngừng ngần ngại tự thấy mình vô lý bèn đổi ý, ghi Đặng Hoàng.

Cái mẫu tin phập phù ấy không ngờ lại công hiệu. Báo ra hôm trước thì ngay hôm sau Đặng Hoàng tìm tới nơi trọ của ông Phúc. Ông Hoàng nom già sạm, cần cỗi và buồn thảm, đáng đáp xưa chẳng còn gì ngoài sự tàn phế.

— *Hồi đó cứ liệu ở lại ngoài ấy như cô chú lại hoá may, —* Sau phút ban đầu anh em gặp lại nhau mừng mừng tủi tủi, ông Hoàng ảo não kể kể — *Chú như tôi, tay trắng vào đây, lại quê cụt thế này, không còn địa vị, mất hết vai vế nên cứ nghèo hèn lụn bại mãi, chẳng sao mà ngóc đầu lên nổi ở cái xã hội nhấn chìm bạc ác chỉ biết có tiền trong miền Nam này. Mẹ tôi thì như chú biết đấy, bà cụ không chịu được sự nghèo, lại thêm chuyện cô Quỳnh, thành ra ốm liệt giường ngay từ*

khi mới vào đến. Đầu năm 57 thì cụ mất. Cứ thế vận nhà sa sút mãi.

– Vậy chứ bên nhà ông Bách không giúp đỡ nhà mình một chút gì ư ?

– Bách nào ? — Ông Hoàng ngạc nhiên hỏi, trán nhăn lại ngẫm nghĩ một lúc — À, Bách. Chú hỏi lạ. Chuyện như thế rồi, còn tình nghĩa gì nữa mà họ phải giúp.

– Vâng — Ông Phúc thở dài — Tôi cũng nào ngờ là lại xảy ra thế. Một lần tôi có gặp Bách.

– Phải. Nào ai ngờ. Mẹ tôi khổ tâm lắm, sức cứ suy đi từng ngày. Ốm đau mòn mỏi, nhưng cụ bảo là phải sống rón để chờ cho đến hết hạn hai năm hiệp định mẹ con gặp được nhau đã. Nên vừa hết hạn hai năm, quá tuyệt vọng, mẹ tôi lặng lẽ đi ngay. Chẳng biết khi bà cụ mất, ngoài đấy cô ấy có linh cảm thấy không ? Bởi vì chú cũng biết đấy, trong mấy anh em nhà này, có cô ấy là mẹ tôi thương nhất.

– Nhưng... anh nói vậy là có nghĩa thế nào hả anh ? — Ông Phúc hỏi, giọng lạc đi, tim thất lại — Anh vừa nói cô ấy ngoài đấy là anh nói Quỳnh ư ? Nhưng, đã năm 57 thì sao lại còn ngoài đấy được nữa... Quỳnh đã vào từ năm 55 khi còn hạn ba trăm ngày cơ mà. Thế bây giờ Quỳnh ở đâu, anh Hoàng ?

Ông Hoàng như giật nảy mình, miệng há ra, không nói được, trừng trừng nhìn ông Phúc.

– Chú vừa hỏi tôi Quỳnh ở đâu à ? — Mãi rồi ông mới thốt được ra lời — Nhưng tôi đang muốn hỏi chú thế cơ mà... Chú bảo là năm 55 à. Nhưng, vậy là sao hở trời ? Năm 58, từ Hà Nội cô ấy gửi bưu thiếp vào. Năm 59 thì trong này nhận được. Sao bây giờ lại...

Ông Phúc rụng rời, tê điếng, đung tay vào ấm trà. Nước đổ lênh láng mặt bàn. Ông đã vụt hiểu tất cả và tất cả vụt tối sầm.



Tờ bưu thiếp ấy, ông Hoàng đã để mất, nhưng địa chỉ thì còn nhớ rõ, bởi vì vẫn là địa chỉ xưa, số 47 phố Nguyễn Thái Học.

Trở ra Hà Nội, ông Phúc lại tìm đến đấy. Bây giờ ở đó không còn là nhà mẫu giáo mà là một chung cư xập xệ đông đúc, chen chúc nhiều hộ gia đình. Người ta không hiểu ông Phúc muốn gì. Họ Đặng nào, Quỳnh nào ? Chỉ có ông Quỳnh, cán bộ đường sắt, người Nghệ An thôi, họ Lê. Bên nhà Bách cũng vậy. Người ta nhún vai. Ai mà biết nổi chủ nhân xưa hồi Tây của ngôi nhà là ai. Chỉ biết trước đây nhiều năm là trụ sở của Đoàn Thanh niên, về sau là cơ quan Phụ nữ và bây giờ là nhà tập thể của nhiều cơ quan.

Một mờ, vô vọng và với tâm tính đầy thụ động, chẳng còn hơi sức và nghị lực để bỏ đi đâu nữa, ông Phúc cạy cục thuê được một căn buồng nhỏ ở góc đường Sinh Từ không xa Hàng Đẫy. Sinh kể lần hồi, ông nhận dịch và đánh máy thuê. Một chiếc Ro-manh-tông già nua, những con chữ đã quá nát của nó lọc xọc làm lụng, lên tiếng mổ róc róc đêm ngày. Thảng hoặc ông cũng ló khỏi hang lần ra đường đi dạo, đôi khi khá xa, dọc Hàng Đẫy, lòng vòng quanh Cửa Nam, quanh Hoả Lò. Nhưng nói chung là ông chẳng đi đâu cả, ủ rũ, suy nhược, tuyệt đối âm thầm, tuyệt đối chẳng trò chuyện, chẳng

giao du, dường như chẳng hề quen biết bất kỳ một ai trên đời.

Nhiều năm như vậy lẳng lẳng trôi qua. Mười năm hay hai mươi năm, không biết nữa. Thời gian không cánh mà bay. Một buổi tối nọ, ông vừa đi dạo về thì có tiếng gõ cửa. Chắc là ai đấy cần ông đánh máy một cái gì.

– Chào anh, anh Phúc ! — Cửa mở, một người đàn ông lạ mặt, tóc bạc, vận quân phục, chậm rãi bước vào, giọng rắt trầm — Tôi là Định.

Thoạt tiên, tự ông Phúc cũng thăm thẳm ngạc nhiên trước sự diễm tĩnh của mình. Có vẻ như ông không xúc động, tim không dồn dập, thái độ vẫn nhu thường, nói năng thong thả, không run giọng, bình thản hoàn toàn với cuộc gặp gỡ không ngờ này. Nhưng giữa chừng cuộc hàn huyên, lẳng lẳng nước mắt chất ra, dần dần giàn giụa, không cầm được, lòng nhói đau.

– Cuối năm 55, tôi nhận nhiệm vụ vào Nam hoạt động. Xa hẳn Hà Nội từ đấy. Sau giải phóng, mỗi năm tôi cũng chỉ rời thành phố Hồ Chí Minh ra Hà Nội họp ngắn ngày đôi lần — Ông Định nói — Năm 75, tôi đã đọc thấy lời nhắn tin của anh trên báo, toan tới thăm anh ngay nhưng vì bận nên khi tới thì anh đã trở ra. Tôi nhớ người anh cần tìm tên là Đặng Hoàng, nhưng cũng chỉ là nhớ vậy thôi, không cố công tìm, rồi cũng bằng đi. Mãi đầu năm nay, con trai ông này xin xuất cảnh theo diện HO, tôi đọc hồ sơ, tình cờ thấy tên ông bố, Đặng Hoàng. Tìm gặp ông ta, nghe ông ta kể mà thất kinh trong lòng. Làm sao cơ sự lại ra nông nổi như thế ? Làm sao anh không biết là chị ấy vẫn ở lại ngoài này ? Vì sao khi được ra tù, anh không hỏi, không tìm ? Và sao đến tận giờ vẫn không tìm ?

Ông Phúc nín lặng, nét mặt bơ phờ, đầu rũ xuống.

– Ngày ấy hạn ba trăm ngày đang còn, nên dù rất khó, tôi vẫn cố thể thu xếp để chị ấy đi. Có điều là chị ấy đâu có muốn thế. Chị ấy bảo sẽ sinh cháu ở ngoài này và hai mẹ con dù có thể nào cũng sẽ mãi mãi đợi anh, chứ bỏ vào trong kia cháu nó sinh ra sẽ vĩnh viễn không còn cha. Hoàn cảnh chị ấy khi đó thật tội, song tình cảm chị ấy như thế, tôi còn biết nói gì, tôi chỉ thấy mừng thay cho anh. Tôi nghĩ khi ra tù còn gia đình, còn nhà cửa anh sẽ dễ dàng làm lại cuộc đời. Khi đó mặc dù thuộc diện bị thu nhà nhưng chị ấy vẫn được sở hữu một phòng ở tầng trên. Anh ra tù đầu năm 58 đúng không ? Vậy mà theo tôi biết thì cho đến khi mất, là cuối năm 59, chị ấy vẫn ở tại căn phòng đó chứ có rời đi đâu đâu.

Ông Phúc không thể thốt nổi nên lời. Không phải sự kinh ngạc, không phải tâm trạng buồn đau hay thất vọng mà là một nỗi khiếp sợ đến tê dại khiến ông tái nhợt đi.

– Sau khi gặp ông Hoàng, tôi bay vội ra Bắc và lật đật tới ngay ngôi nhà năm xưa tôi đã đến gặp chị ấy. Phòng đã đổi chủ từ lâu. Chẳng ai biết chị ấy. Nhưng nếu thế thì phải chịu khó tìm mà hỏi chú, anh Phúc. Nhờ công an quận họ rà lại sổ thôi, có khó khăn gì đâu. Cố nhiên là tôi đã nhanh chóng tìm ra và gặp lại. Có điều không phải chị ấy nữa mà là cô con gái. Ngày xưa khi tôi gặp chị Quỳnh, cô bé còn trong bụng mẹ, mà nay đã là thiếu phụ rồi. Bởi biết chị Quỳnh đã mất, tôi mới không nhầm. Hai mẹ con hoàn toàn một gương mặt, chỉ hơi khác một chút vì người tôi gặp bây giờ tuổi nhiều hơn người tôi gặp hồi xưa.

Lặng đi một hồi, rồi khẽ thở dài ông Định nói tiếp :

– Hạnh, nó là giáo viên cấp một, đã lấy chồng, có hai con. Nhà ở Bạch Mai, chật chội, sống cũng vất vả. Căn cứ vào chính sách hiện nay, tôi đã thu xếp để vợ chồng cô ấy được sở hữu lại một phần tài sản của dòng họ. Nghĩa là toàn bộ tầng trên của ngôi nhà đường Nguyễn Thái Học. Thủ tục vừa xong hôm nay và tuần sau gia đình Hạnh sẽ chuyển về ở. Ấu cũng là tình đời run rủi, cũng đúng hôm nay, người tôi nhờ tìm đã tìm ra địa chỉ của anh và đã điện ngay cho tôi. Từ đấy sang đây, ba phút đi bộ. Tôi nghĩ anh cần chuyển sang đây ở cùng cháu Hạnh.

– Con tôi... Ôi không, tôi chưa thể thế được... — Ông Phúc thều thào, mếu máo, nước mắt lã chã — Tôi cảm ơn anh vô cùng... nhưng tôi...

– Tuỳ anh, anh Phúc ạ. Thư thư cũng được, nhưng rồi thế nào anh cũng phải sang với cháu. Thú thực là còn một chuyện nữa đấy mà không biết anh sẽ tính sao. Nghĩa là... bởi vì mồ côi mẹ khi mới bốn tuổi nên Hạnh, cháu nó biết rất ít về mẹ. Nó chỉ biết có ông bố. Có điều, ông bố mà Hạnh nó nói lại không phải anh. Nó chẳng hay biết gì về anh cả. Có thể chị Quỳnh có nói nhưng còn quá nhỏ nên Hạnh nó không hiểu, không nhớ chẳng. Thậm chí nó không hề biết ông bố của nó không phải bố đẻ. Có lẽ bởi vì ông này đã là người rất gần gũi với cháu từ lâu trước khi mẹ cháu qua đời.

– Đấy là Bách, có phải không ? — Ông Phúc thì thầm, cặp môi run rẩy — Trần Văn Bách ?

– Khi Hạnh nó bảo bố cháu nằm kia, trong một giây, vì bất chợt, tôi đã nghĩ nó nói anh, anh đang nằm ở đó. Ông ta bị chúng nhũn não, vô tri và bất động tại giường như thế đã hơn hai năm. Khuôn mặt người ốm khiến tôi ngỡ, dĩ nhiên tôi thấy rõ không phải là anh. Tôi hỏi bố cháu tên gì. Tên Bách. Thì ra là thế. Tôi sực nhớ. Người này nhiều năm về trước tôi đã gặp. Gặp chính trong thời kỳ tôi thụ lý vụ án có tên anh. Cháu đẻ năm nào, tôi hỏi. Năm 55. Tôi chẳng hỏi thêm nữa. Và cho đến nay tôi vẫn giữ kín, chưa hề bắt cần nói lộ với Hạnh một điều gì. Mà thực ra tôi có thể nói gì. Chuyện đã thế rồi, lại sau chừng ấy thời gian. Chẳng nói từ 55, chỉ từ 75 tới giờ nào ai biết đã bao nhiêu nước chảy qua cầu. Thế nhưng ấy là nói vậy, chú dù thế nào thì cháu nó vẫn phải được chính anh kể cho biết sự thật. Một sự thật của cả đời người. Một sự thật như thế mà cháu nó không hay biết thì coi như không hề được biết ý nghĩa của cuộc đời.



Ngay hôm sau ông Định bay vào và từ đấy không trở ra Bắc một lần nào nữa. Và cũng không thư từ gì với ông Phúc.

Ông Phúc thì vẫn thế, một mình một bóng, qua ngày. Nếu để ý, người ta sẽ thấy ông năng đi dạo hơn trước và chỉ dạo loanh quanh một khúc ngắn trên đường Nguyễn Thái Học. Ông thường ngồi hàng giờ tại một quán nước ở vỉa hè bên số chẵn, nhìn dòng đời qua lại và nhìn sang ngôi nhà bên kia đường. Mắt kém nên ông không sao thấy nổi nét mặt của những người đi ra từ ngôi nhà ấy, nhưng ông lại không thể dạn lên để lần sang.

Thực ra đã bao lần ông đi từ nhà tới đây với ý định quả quyết là sẽ bước vào cổng nhà 47, sẽ lên cầu thang và sẽ gõ cửa phòng cô giáo Hạnh. Ông nhắm thuộc lòng những điều

ông sẽ nói với con gái mình. Nhưng rồi lần nào đến lúc cuối cùng ông cũng tự lùi bước. Thái độ ngập ngừng do dự đã trở thành cố hữu. Con người ông ngày một nguội đi. Đầu óc buồn ngủ, trái tim uể oải. Và rồi rồi, buông xuôi trong buồn nản ông thừa dần những cuộc thăm viếng âm u vô vọng.

Mùa thu năm nay mưa tầm tã. Và mới tàn thu đã gió mùa đông bắc. Trên trang nhất một tờ báo của Sài Gòn ra từ tuần trước, người ta đăng ảnh và tiểu sử của ông Định giữa một khung đen, đường viền in đậm nét. Tờ báo từ Thành phố gửi ra cho ông Phúc theo đường bưu điện phát chuyển nhanh, kèm một phong thư. Đeo kính lên, chăm chăm ông Phúc lần đọc được dòng tiểu sử, tóm tắt cuộc đời chiến đấu đầy sóng gió của người bạn học thuở xưa. Rất lâu, ông ngắm bức ảnh người đã khuất. Trái tim già nua nhức nhối và nước mắt nóng rục đau nhói tròng mắt như kim châm. Ông chỉ đọc được dòng đầu của lá thư rồi không đọc tiếp nữa. Mắt nhoà đi. Thư của Hạnh. Cô xưng con. “ Con nhận điện, vào đến nơi, vừa kịp buổi chiều cuối cùng của bác Định...”.

Suốt đêm, ông Phúc ngồi ở đi vắng, mắt nhắm mà không tài nào chợp mắt. Ngoài cửa sổ, Hà Nội tiết tàn thu, gió thổi, mưa rơi, lá rụng.

Ông nhìn những dòng chữ nắn nót, nét chữ mềm mại của lá thư con gái ông. Nhưng dường như không phải ông đọc thấy những dòng chữ của lá thư mà là từ trong tâm trí ông những dòng chữ tự thân hiện lên. Những dòng của quá khứ xa vời vợi, đêm nay mới trở về từ đáy sâu quên lãng. “ Nhờ vậy mà giờ đây dù có phải xa lìa, dù có phải mất anh mãi mãi em vẫn sẽ mãi mãi còn anh...”.

Tôi muốn nói, lẽ đời là vậy đấy. Bởi vì là một nỗi đau nên quá khứ còn sống mãi. Và bởi nỗi đau quá khứ còn sống mãi nên về sau ta mới có được một quãng đời êm lặng, một nếp sống bình yên, một tư duy thư thả, một tấm lòng khoan thứ và một cảm giác có hậu với cuộc đời cùng số phận.

Bảo Ninh

(Khắc dấu mạn thuyền ,

tập truyện ngắn - NXB Văn Học 1996)

DIỄN ĐÀN forum

Directeur de publication : Nguyễn Quang Đỗ ♦ Imprimé par nos soins
Dépôt Légal : 178/91 ♦ Commission Paritaire : AS 7 324 ♦ Prix : 25 F.

Địa chỉ bưu điện :

BP 50, 92340 BOURG-LA-REINE (Pháp)

Fax : từ Pháp : 01 45 88 54 58 ; quốc tế : 33 1 45 88 54 58

Địa chỉ điện tử (E-Mail) :

diendan_forum@compuserve.com

Đại diện ở các nước :

Đức : TRAN, Am Stadtpark 6, 92237 SULZBACH-ROSENBERG

Ba Lan : ANNA LE DUC, 03-914 WARSZAWA, ul. Saska 44/19

Thẻ lệ mua báo : xin coi trang 3

Bài viết tay hay đánh máy trên một mặt giấy, hay trên đĩa

Mac (font ThinArt) hay PC (font VNI, PDT...) ; hoặc qua

Email (bỏ dấu theo quy ước Vietnet)